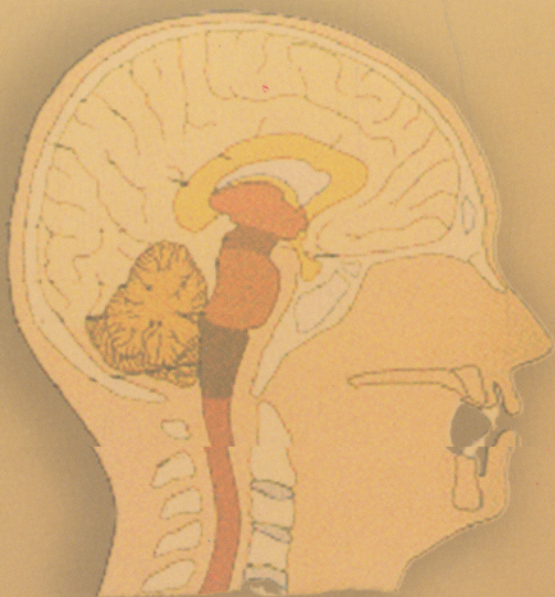


VƯƠNG NGỌC BÌNH

UYLIAM GIÊM XƠ



NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

UYLIAM GIÊMXÔ

UYLIAM GIEMXO

Dịch từ *Hiện đại thế giới thập đại tư tưởng gia*,
Dị Kiệt Hùng chủ biên, Giang Tô Nhân dân xuất bản xã, 1995.

*

Người dịch: QUANG LÂM
Người hiệu đính: DƯƠNG VŨ

*

© TRUNG TÂM VĂN HOÁ - NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY
giữ bản quyền về tổ chức, bố cục và trình bày từ sách Triết học Đông Tây

TỦ SÁCH TRIẾT HỌC ĐÔNG TÂY

VƯƠNG NGỌC BÌNH

UYLIAM GIÊMXƠ

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

UYLIAM GIÊM XƠ (WILLIAM JAMES 1842-1910)

Có tác dụng là chân lý

Giêm Xơ

Uyliam Giêm Xơ là nhân vật nổi tiếng nhất của giới tư tưởng Mỹ trong buổi giao thời thế kỉ XIX và XX.

Ông được tôn vinh là nhà triết học số một nổi tiếng thế giới từ ngày Mỹ lập nước đến nay. Trong “Ba cụ phách” của chủ nghĩa thực dụng, tuy Piécxơ để xuống trước, Điuây sửa chữa sau đó, nhưng nhân vật hạt nhân thật sự vẫn là Giêm Xơ. Chính nhà triết học Mỹ đương đại M. Oai tơ (White) đã nói: “Giêm Xơ không phải là người mô phỏng hoặc là vệ tinh loại hai của triết học Anh hoặc triết học đại lục, ông là hành tinh lớn của giới triết học, ông xoay chuyển trên trục của mình, và thu hút các vật toả sáng khác (Người lãnh đạo) của chủ nghĩa thực dụng vào trong lĩnh vực hoạt động mạnh mẽ của mình”.⁽¹⁾

⁽¹⁾ M. White: “Thời đại phân tích”, Bản dịch Trung văn, tr. 157.

Giêmxơ không chỉ là người đứng đầu trong giới triết học, sự đóng góp của ông trong giới tâm lí học cũng rất to lớn. Ông sáng lập trường phái chủ nghĩa cơ năng tâm lí học, là sự đóng góp mới mẻ cho lĩnh vực tâm lí học. Ông cùng với nhà sinh lí học Đan Mạch Langơ nêu lên “Thuyết Giêmxơ-Langơ” về “tình cảm luận”, được học giả phương Tây đánh giá là quan điểm “vạch thời đại”.

Quả thực, Giêmxơ là “một thiên tài kiệt xuất đáng kính trọng” (như Oàitơ đã nói), là một người “có tình cảm dân chủ sâu sắc, và có khát vọng gắn bó với quần chúng bình thường, nhưng lại không đánh mất nét quý tộc bẩm sinh, được mọi người tôn kính đối với sự trác việt của ông” như Rutxen đã từng nhận định.

Đánh giá của người trước có lẽ hơi quá, nhưng trong lịch sử phát triển tư tưởng nước Mỹ, quả thật vai trò của Giêmxơ có tính mở đường.

NGƯỜI CON NƯỚC MỸ

Uyliam Giêmxơ sinh ngày 11 tháng 1 năm 1842 trong toà nhà Axtơ của gia đình giàu có thành phố Niu Ooc nước Mỹ.

I. HỢP CHÙNG QUỐC HOA KỲ

Giêmxơ sinh ra ở Mỹ, phần lớn cuộc đời ông sống ở Mỹ. Tư tưởng của ông bắt nguồn từ xã hội Mỹ. Con đường đặc thù chủ nghĩa tư bản phát triển tính cách đặc thù của dân tộc Mỹ đã sản sinh và tạo dựng nên Giêmxơ.

1. Chủ nghĩa tư bản phát triển nở rộ

Từ cuối thế kỉ XV, sau khi đại lục châu Mỹ được phát hiện, các nước như Tây Ban Nha, Pháp, Anh nhao nhao đến Bắc Mỹ xây dựng thuộc địa. Trong hơn 120 năm từ năm 1607 đến 1732, bọn thực dân Anh tại miền Đông Bắc Mỹ đã lần lượt xây dựng 13 thuộc địa, giành lấy bá quyền ở Bắc châu Mỹ.

Năm 1775 nhân dân 13 bang Bắc Mỹ liên kết vũ trang chống lại sự cướp đoạt và xâm lược của Anh mở màn cuộc Chiến tranh độc lập. Ngày 4 tháng 7 năm 1776, Giépphơsơn (Jefferson) khởi thảo “Tuyên ngôn độc lập”, tuyên bố Mỹ độc lập, đánh dấu sự ra đời của

Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. “Tuyên ngôn độc lập” đã xây dựng cơ sở lí luận cho chế độ chính trị và chế độ xã hội Mỹ. Chiến tranh độc lập đã lật đổ sự thống trị thực dân của Anh tại Bắc Mỹ, xây dựng nước Cộng hoà tư sản Mỹ, giải phóng sức sản xuất của xã hội, dọn đường cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản Mỹ.

Lịch sử nước Mỹ rất đặc biệt. Nó chỉ mất mấy trăm năm để vượt quá trình mấy ngàn năm mà các nước đại lục châu Âu đã đi qua. Những người khai hoang từ các nước châu Âu đã mang theo chế độ xã hội và quan hệ sản xuất tiên tiến đến nước Mỹ, làm cho nước Mỹ từ xã hội dân tộc nguyên thủy nhảy vọt qua xã hội nô lệ và xã hội phong kiến, chỉ trải qua giai đoạn thuộc địa ngắn ngủi, tiến lên xã hội tư bản chủ nghĩa. Đặc biệt sau Chiến tranh Nam Bắc, giai cấp tư sản giành lấy chính quyền toàn quốc, đồng thời Mỹ rất coi trọng khoa học kĩ thuật nên có tác dụng thúc đẩy rất lớn phát triển sản xuất và phồn vinh kinh tế, cộng với nguồn tài nguyên phong phú, làm cho kinh tế Mỹ tăng trưởng rất nhanh chóng. Đến thập kỉ 90 thế kỉ XIX, Mỹ đã trở thành cường quốc kinh tế số một trên thế giới.

Trên cơ sở kinh tế chủ nghĩa tư bản phát triển, Mỹ đã xây dựng chế độ chính trị tư bản chủ nghĩa điển hình nhất. “Tuyên ngôn độc lập” tuyên bố với thế giới nguyên tắc cách mạng của giai cấp tư sản: “Mọi người sinh ra đều bình đẳng, họ đều được “Chúa” trao cho một số quyền không thể xâm phạm, trong đó bao gồm quyền sống, quyền tự do và quyền theo đuổi hạnh phúc, để bảo đảm thật sự những quyền ấy, nhân dân lập nên chính phủ và quyền của nó là do những người bị thống

trị đồng ý xây dựng nên. Bất kì hình thức chính thể nào gây trở ngại đối với mục đích này, nhân dân có quyền thay đổi nó, hoặc loại bỏ nó". "Tuyên Ngôn độc lập" là tuyên ngôn nhân quyền chính thức đầu tiên trong lịch sử loài người, cơ sở lí luận của nó là thuyết nhân quyền trời phú cho và kế ước xã hội. Trên cơ sở này, Hiến pháp nước Mỹ xác định thực hiện "tam quyền phân lập", tức nước cộng hoà tư sản theo chế độ tổng thống được tách riêng về hành chính, lập pháp và tư pháp. Trong các nước tư bản, Mỹ là nước điển hình nhất thực hiện chế độ cộng hoà tư sản tam quyền phân lập. Và vì thế Mỹ từ lâu vẫn vỗ ngực là nước tự do nhất, dân chủ nhất.

Trên thực tế, tự do và dân chủ của xã hội Mỹ không thể thoát khỏi sự hạn chế của lịch sử và giai cấp.

2. Tinh thần dân tộc cầu tiến

Lịch sử và hoàn cảnh đặc biệt của xã hội Mỹ đã hun đúc nên tinh thần và tâm lí dân tộc nước Mỹ lạc quan, cầu tiến.

Trong lịch sử loài người không có nước nào phát triển thuận lợi như nước Mỹ, nên làm cho người Mỹ hình thành tính cách lạc quan tiến lên phía trước. Sau khi nước Mỹ độc lập, về cơ bản không gặp tai hoạ lớn nào; ngọn lửa hai đại chiến thế giới không lan đến nước Mỹ. Nước Mỹ không chỉ luôn luôn được phát triển trong hoàn cảnh hoà bình, mà còn thu lợi trong hai đại chiến thế giới. Lại thêm, đất đai phì nhiêu, tài nguyên giàu có, điều kiện thiên nhiên rất ưu việt, chỉ cần cầu tiến, cần cù chịu khó nắm bắt thời cơ thì có thể

trở nên giàu có. Nhìn thấy xã hội phát triển, nước nhà cường thịnh, người Mỹ cảm thấy vui vẻ vì cuộc sống được cải thiện, cho nên tinh thần lạc quan của họ cũng rất khác thường.

Tính cách dân tộc nổi bật là chú ý đến thực tế cũng được thế giới công nhận. Người Mỹ rất ghét lí luận tu biệן trừu tượng, bất kì triết học theo nếp cũ siêu việt nào họ đều không hứng thú, họ thậm chí biến cái siêu hình trừu tượng nhất thành lí luận thường ngày giản đơn nhất. Ảnh hưởng của thuyết tiên nghiệm ở Đức và Anh làm cho người ta thoát khỏi sự vật chung, nhưng ảnh hưởng ở Mỹ lại làm cho người ta luôn luôn quan tâm sự vật chung. Tuy họ từ chối chủ nghĩa công lợi mang ý nghĩa tôn giáo, nhưng lại là người theo chủ nghĩa công lợi thật sự. Nói chuẩn xác, duy nhất có thể gọi triết học của họ là chủ nghĩa công cụ “có tác dụng là chân lí”. Người Mỹ ghét tán dóc, ghét chủ nghĩa hình thức, thích tiếp xúc ngay với thực chất của vấn đề và biện pháp cụ thể để giải quyết.

Người Mỹ rất mạnh dạn khai phá, sáng tạo cái mới. Thích làm thực nghiệm là đặc điểm sâu sắc của tính cách người Mỹ, qua kinh nghiệm của nước Mỹ càng nổi rõ thêm đặc điểm này. Bản thân nước Mỹ là nơi thực nghiệm lớn nhất, những người khai phá từ thế hệ này sang thế hệ khác, nhiều lần sóng di dân đã không ngừng làm thay đổi bộ mặt nước Mỹ... Họ không thích những cái cũ, luôn thích cái mới, và thích làm những việc mà người khác chưa từng làm. Ngoài pháp luật, mọi cái truyền thống và cái đã có, họ đều cho là trở ngại, lạc quan tiếp nhận sự thách thức đối với sự vật

mới lạ. Đối với người Mỹ, cơ hội lúc nào cũng có, mỗi người đều có thể lựa chọn. Theo đuổi con đường phát triển đặc biệt, có nhiều phiêu lưu trong khai phá là đặc điểm của người Mỹ và cũng là ưu điểm của người Mỹ.

II. GIA ĐÌNH HUYẾT THỐNG AILEN

Ông của Giêmxơ là người Ailen, ông theo đạo Calvin nhưng lại rất chú ý thực tế. Nước Mỹ sau Chiến tranh độc lập, kinh tế phát triển rất nhanh chóng và hoàn cảnh địa lí được thiên nhiên ưu đãi, tài nguyên phong phú đã thu hút mạnh mẽ cụ Giêmxơ vừa tinh táo vừa có đầu óc thực tế. Năm 1789, sau khi Tổng thống đầu tiên của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ Oasinhtơn nhậm chức, cụ Giêmxơ bèn di cư sang Mỹ. Vì cụ đạt nhiều thành công to lớn trong kinh doanh vận tải trên sông đào Suê, nên trở thành nhà buôn rất giàu có, đã tích góp cho gia đình này một gia sản lớn.

Bố của Giêmxơ là Henri Giêmxơ, từ bé đã quen với cuộc sống sung túc. Cả đời ông không có nghề cố định, nhưng vẫn giàu có, thoải mái, nhàn hạ, nên ông dồn sức vào nghiên cứu văn học, tôn giáo. Kiến thức ông rất uyên bác, đương thời ông thường giao du thân thiết với một số nhà tư tưởng nổi tiếng của Mỹ, đặc biệt với Êmécson (R.W.Emerson) và Côtken (?). Thời còn trẻ đã xác lập vị trí của mình trên diễn đàn văn học và lí luận Âu Mỹ. Henri Giêmxơ cũng giữ đức tin tôn giáo, đã từng theo học ở Liên hiệp Thần học viện Niu Ooc và Thần học viện Prinxtơn. Khi học ở Thần học viện, ông phát hiện mình rất có ý thức tôn giáo, nhưng không thể tiếp nhận giáo lí của một giáo hội nào; luôn có thái

độ khinh thường mục sư và giáo sĩ truyền đạo của phái chính thống. Cho nên Henri Giêmxơ, từ năm 1814 bắt đầu chuyên chú nghiên cứu tư tưởng của các nhà thần học Scotlen như Rôbot (Robert); ông không thoả mãn với những quan điểm quyền uy ấy, luôn muốn tìm kiếm linh cảm tôn giáo của mình. Bạn của ông E.L. Cốtken (?) từng miêu tả ấn tượng đối với Henry Giêmxơ như sau: “Ông H. Giêmxơ là người có thói quen kì quặc làm cho người ta thích thú, ông là bậc thầy hài hước, ông thường gọi chiếc xe ngựa Cămbrit chật ních người là “thiên đường chạm đất”. Tính chất chính xác triết học của ông là gì? Tôi từ trước đến nay chưa hiểu rõ, nhưng ông tự cho là một học giả của truyền thống Thuy Điển. Ông còn trao đổi thư từ với những người hay tìm hiểu ở các nơi về một số việc thích thú. Có hôm khi hỏi một người nào đó trong số những người ông đã trao đổi thư từ, ông trả lời ngay: “A. đó là sự quý quái của một người con gái”. Một trong những chuyện buồn cười của ông là ông đoạn tuyệt mọi mối liên hệ tôn giáo với những nhà thần học mà ông đã kết bạn. Vậy trong hàng ngũ của ông, ông đóng vai thủ lĩnh, vì thực tế trong hàng ngũ ấy chỉ có một mình ông. Ông là nhà văn có sức hút lạ thường, là một người được người ta kính nể nhất trong thời đại ông”.

H. Giêmxơ không có nghề nghiệp cố định, lại rất hiếu động, thường dẫn vợ và con cái đi du lịch nên từ bé Uyliam đã theo bố mẹ đến châu Âu và Mỹ. Năm 1844, lần đi châu Âu khó quên ấy, Uyliam vừa mới lên hai đã tỏ ra “thông thạo”, rất biết đi du lịch. Bức thư này bố

Uyliam viết tại Ônsa gửi cho mẹ - bà nội Uyliam Giêmxơ:

Mẹ thân mến!

... ... Trên đường đi Pháp, thời tiết rất xấu, chúng con đã say sóng, Uyliam không biết vì sao như vậy, kêu la cần phải "kéo sợi tóc trong họng ra". Cuối cùng chúng con đã phấn khởi về đến thành phố cũ Luân Đôn sạch sẽ. Thời tiết đẹp tuyệt, hoa đua nở, thảm cỏ xanh như mùa hạ. Sau khi lên bờ chúng con đi đến một thị trấn nhỏ bên cạnh Ônsa, nhưng không tìm được nơi vừa ý, lại trở về Ônsa, ở đây chúng con tìm được nơi thoải mái. Nơi này nằm giữa những vườn hoa cạnh nhà của phu nhân công tước quận Kentơ, cửa đi vào phía trước lại thông với vườn hoa nhỏ... ... Khi Uyliam và bé Henry đi qua phía trước cửa sổ vườn ươm cây, rất thích thú nói chuyện với đàn dê, gà, bò.

Sức khỏe và tinh thần của các cháu đều tốt, Uyliam rất thích thú, cháu gọi con là "Hành uy" (vì cháu không nói rõ âm "Ri") gọi mẹ cháu là "mẹ uy"... luôn miêu tả quá trình vượt Đại Tây dương với người quen... ... cháu rất sôi nổi, thông minh. Xin ngừng bút, con mãi mãi yêu mẹ!

Con của mẹ: Henry Uyliam

Uyliam Henry luôn dựa vào hình tượng đạo đức của mình để dạy dỗ các con, và cho phép chúng có càng nhiều tự do càng tốt. Ông đã từng miêu tả như sau: "Tôi mong con tôi trở thành một người ngay thẳng,

không muốn vì hám danh lợi mà mất hết lí trí; Tôi cần ở nó lòng yêu thương, mối đồng cảm và từ đó vươn tới cái thiện, cái tốt. Và tính cách này không thể cưỡng ép các con, cần giúp chúng tiếp thu một cách tự nhiên, tôi rất cố gắng tạo cho chúng một khoảng không tự do”.

Uyliam đã viết về sự yêu thương đặc biệt này của bố mẹ: Tôi rất cảm kích về sự sáng suốt của bố mẹ tôi, bố mẹ tôi không úp lên đầu chúng tôi cái vỏ bọc khô cứng, mà để lại cho chúng tôi một tâm hồn trong trắng tinh khiết giúp chúng tôi trên đường đời có được những thể hội và kinh nghiệm, do đó chúng tôi không cần lãng phí sức lực cố nhồi nhét những cái vô tích sự không có liên quan, sau lại vứt đi.

Một gia đình như vậy đã đào tạo nên Uyliam và bé Henry. Về sau hai anh em đều nổi tiếng ở Mỹ. Anh thì tư duy nhanh nhạy, rất sôi nổi, em thì thích trầm ngâm quan sát, suy nghĩ. Khi những cậu bé này đã sớm biểu hiện tài năng trên văn học, những bạn bè thân thích của gia đình dự đoán, Uyliam sẽ theo nghiệp văn chương, còn bé Henry có thể lựa chọn triết học, nhưng hoàn toàn ngược lại. Trên ý nghĩa nào đó, những dự đoán này không mất đi sự chính xác, Uyliam Giêm-xơ về sau trở thành nhà triết học, nhưng ông lại lấy bút pháp nhà văn để viết tác phẩm triết học; và bé Henry trở thành nhà tiểu thuyết, nhưng ông lại dùng giọng điệu nhà triết học trình bày câu chuyện của ông.

Điuây (Dewey) đã từng tán thưởng cái gia đình đáng hâm mộ ấy, ông nói, tôi muốn dừng lại trình bày một chút hoàn cảnh gia đình mà tài năng Giêm-xơ trưởng thành và hình thành. Tính tự nhiên của tình

cảm đã gắn kết chất keo bền vững gia đình này; nó bác bỏ quan niệm những thiên tài thường khó chung sống với nhau mà ở đây thực sự đã là một bức tranh đẹp, đậm ấm, rung động lòng người. Mỗi một thành viên gia đình thực sự tôn trọng các thành viên khác. Đây là một nhân tố quan trọng hình thành quan niệm cá nhân và cái quan niệm cá nhân này như chúng ta sẽ thấy, là cái căn bản trong triết học của Uyliam Giêmxơ.

III. TIẾP THU SỰ GIÁO DỤC KIỂU MỞ

Uyliam và em trai là Henry đều lần lượt đến tuổi đi học. Ông Giêmxơ rất không vừa lòng với cách giáo dục cứng nhắc của các trường Niu Óoc, ông viết thư cho hai bạn ở Paris: "Tôi muốn đi ra nước ngoài, đến một môi trường ngôn ngữ hoàn toàn xa lạ để huấn luyện con tôi". Và hai bạn nhỏ được gửi đến châu Âu học tập. Tháng 6 năm 1855, khi cả nhà đáp tàu đến Livơpun, đến Lônđôn, bé Henry mắc bệnh sốt rét nên nghỉ một thời gian. Sau đó lại đến Paris, từ Paris đến Liôn, từ Liôn đến Giơnevơ và họ định cư ở đây. Đã là tháng 8, bên sắp xếp cho con cái học trong một trường ở nơi ấy. Nhưng ở đây lại rất trái ngược với điều suy nghĩ về một nền giáo dục mở của ông Giêmxơ là không được gò bó với một loại lí luận nào, không theo đuổi một uy quyền nào mà cá nhân có thể dựa vào ý chí của mình tiếp nhận hoặc bác bỏ bất kì tư tưởng nào. Nên cả gia đình lại theo đường cũ, từ Liôn đến Paris, đến Luân Đôn, trước ngày Thiện chúa giảng sinh họ định cư tại đại lộ Giônút, bên cạnh một vườn hoa rất đẹp. Tại đây, một

người Scotlen tên là Rôbôt Tomaxơ đã trở thành thầy giáo vỡ lòng giáo dục hệ thống cho Giêmxơ và bé Henry.

Mùa hè năm 1857, cả nhà lại dọn đến một thành phố cảng phía bắc nước Pháp. Các con học ở một trường của địa phương, trở thành học sinh đăng kí chính thức. Tại đây cậu Uyliam 16 tuổi lần đầu tiên hiểu được ích lợi của giáo dục chính quy lành mạnh. Ông Uyliam viết thư báo cáo cho mẹ về điều tra thành tích học tập của cha mẹ đối với con cái như sau: “Uyliam rất ham muốn theo đuổi sự nghiệp khoa học, chúng con hi vọng cháu trở thành một học giả rất được tôn trọng. Cả mùa hè cháu đều sống trong trường, một thầy giáo của cháu đã nói với con: “Uyliam là một học sinh được người khác hâm mộ và mọi tinh hoa của giáo dục khoa học hàng đầu của các trường học Paris đều tập trung trên con người cậu ta”. Cái mà cháu làm cho con cảm thấy rất quý ở nó là đạo đức; điều đó so với tài năng của nó; người đời còn tán thưởng và hâm mộ hơn. Con chưa bao giờ thấy đứa bé biết lễ phép, có nền nếp, đồng thời khẳng khái rộng lượng với các em trai và gái nhỏ hơn cháu như vậy. Thường lấy tư thế người anh cả an ủi, giúp đỡ các em. Bé Henry lại là “bạn đọc tham lam” của thư viện, và có thể trở thành nhà văn, nhưng con hiện nay còn chưa biết cháu sau này có đạt được thành tựu lớn hay không?”.

Đến cuối năm 1860, cả nhà Giêmxơ lại trải qua sáu năm du học ở trời Âu mới trở về nước Mỹ, ở tại Niubôt đảo Rôt. Lúc ấy Giêmxơ đã 18 tuổi. Bố mẹ Giêmxơ đã tốn nhiều công sức, vượt qua núi non biển cả tìm kiếm sự giáo dục, tìm kiếm “con sông chân lí hoàn mĩ” cho

hai con, những thanh niên đã sớm trưởng thành về tư tưởng (Giêmxơ và bé Henry) để miệt mài đèn sách. Nhưng kết quả của giáo dục pha trộn lung tung ấy làm cho kiến thức “rộng nhưng không tinh”. Nhưng chúng đã nắm được phương tiện ngôn ngữ, chúng có thể ngốn ngấu tiếp nhận những tư liệu quý trong sách. Vì vậy chúng tiếp thu cách tư duy giống như một vận động viên bơi lội đường dài, chứ không phải là một vận động viên nhảy cầu ưu tú. Tuy kiến thức rộng giúp họ có tầm nhìn nhưng lại không đi sâu được vào nơi bí hiểm của thế giới.

CHU DU BIỂN HỌC

Giêmxơ rất hoạt bát, luôn thiết tha với tìm tòi và mạo hiểm, lãnh vực cũ chưa thông thạo, lại vội tìm hiểu bầu trời mới. Ông rất thích thú nhiều mặt, khó nói cuối cùng ông lựa chọn cái gì. Ông luôn luôn nếm những món cao lương mỹ vị tri thức và nghệ thuật người ta đem đến, rất nhiều môn khoa học như hội hoạ, hoá học, giải phẫu học, sinh vật học, vạn vật học, tâm lí học, triết học.

I. ĐẾN TRỜI ÂU TÌM HỌC

Giêmxơ sau khi tốt nghiệp trung học lại đến châu Âu. Một mặt vì gia đình ông quen sùng bái nền giáo dục mở, mặt khác quan trọng hơn lúc ấy là thời kì Chiến tranh Nam Bắc, không khí chiến tranh bao trùm nước Mỹ và toàn bộ nước Mỹ xáo động không yên. Tháng 11 năm 1860, ứng cử viên Đảng cộng hoà Lincôn trúng cử tổng thống. Bọn chủ nô lệ miền Nam sợ Đảng cộng hoà đại diện cho giai cấp tư sản sau khi cầm quyền sẽ gây thiệt hại cho lợi ích của họ, nên bắt đầu gây chia rẽ, kích động nổi loạn. Lincôn lên nhậm chức, có ý tìm sự hoà giải với chủ nô lệ, nhưng bọn chúng từ lâu đã có âm mưu phản loạn, không những

không chấp nhận mà còn sẵn sàng gây chiến tranh. Ngày 12 tháng 4 năm 1861, quân đội miền Nam đầu tiên nổ súng và chiếm lĩnh nơi hiểm yếu Samundơ có quân chính phủ đóng giữ... Ngày 15 tháng 4, Lincoln tuyên bố tiến hành chiến tranh với đồng minh miền Nam, và kêu gọi nhân dân Mỹ chiến đấu khôi phục sự thống nhất của Liên bang. Đến đây sự xung đột về kinh tế và xung đột về chính trị giữa miền Bắc và miền Nam nước Mỹ đã phát triển thành cuộc đấu tranh với hình thức mới – chiến tranh quy mô lớn, tức Chiến tranh Nam Bắc. Trong tình hình đất nước như vậy, Giêm-xơ 18 tuổi, rời nước Mỹ du học ở châu Âu, có đạo rất thích thú với hội họa, thậm chí quyết định mình sẽ trở thành một họa sĩ nổi tiếng. Lúc ấy ông đến học vẽ nhà họa sĩ nổi tiếng Uyliam Het. Mặc dù tốn rất nhiều bút chì than và bút chì sáp, mất khá nhiều thời gian nhưng thành tích vẽ chỉ ở mức xoàng, lí trí buộc ông phải hiểu ra rằng mình thiếu bẩm sinh và tài năng làm một nhà danh họa. Ông quyết tâm vứt bỏ nguyện vọng làm họa sĩ, chuyển sang chuyên nghiên cứu khoa học. Nhưng thời gian gần gũi tiếp xúc với nghệ thuật này về sau có ảnh hưởng không nhỏ đối với sự nghiệp khoa học và triết học của ông, giúp ông dùng con mắt của nhà nghệ thuật xem xét vấn đề khoa học và triết học, cố gắng làm cho sự trình bày của mình có màu sắc đặc biệt hình tượng hoá và sinh động. Trong tác phẩm của ông có rất ít nghị luận tư biện, trừu tượng, mà thường là thông qua thủ pháp nghệ thuật, hình tượng hoá để trình bày quan điểm của mình.

Bố của Giêmxơ từng thử kích thích Giêmxơ thích thú với khoa học. Năm Giêmxơ 18 tuổi, ông tặng cho Giêmxơ quà lễ Nôen một kính hiển vi. Giêmxơ rất ham dùng “máy móc” của mình làm các loại quan sát, thực nghiệm và rất thích thú.

Năm 1861 Giêmxơ vào học khoa hoá học Học viện Lalunxơ Trường Đại học Havót. Ông được Ailôt chỉ đạo học tập. Nhưng chẳng bao lâu ông bỏ hoá học, ngành thứ nhất ông lựa chọn, vì không ưa thích cách làm việc quá cẩn thận trong phòng thí nghiệm. Sau đó ông chuyển sang khoa giải phẫu học so sánh và sinh lí học, theo học sinh vật và tự nhiên với nhà bác học nổi tiếng Mỹ Agaxit. Lần lượt tiếp xúc với nhiều chuyên ngành rất khác nhau, Giêmxơ càng hiểu rằng khoa học và nghệ thuật không bác bỏ lẫn nhau, ông cố gắng kết hợp chúng với nhau. Trong tám năm sau đó, Giêmxơ lần lượt học tập ở châu Âu và Đại học Havót.

II. TIỀN SĨ Y HỌC

Năm 1863 Giêmxơ chuyển sang Học viện y học Đại Học Havót, bắt đầu học y. Tuy thành tích học tập của ông rất ưu việt, nhưng nhiệt tình học tập thường bị suy giảm vì nhiều ham thích khác.

Cuối tháng 3 năm 1865, Trường Đại học Havót tổ chức đội khảo sát học thuật động vật học tại lưu vực sông Amadôn Braxin, do giáo sư Agaxit dẫn đầu, tìm tòi bí mật của giới tự nhiên. Chủ đề lần này là phát hiện chủng loại động thực vật mới đã thu hút mạnh mẽ Giêmxơ, ông thôi học y, tham gia đội khảo sát.

Từ thư gia đình của Giêmxơ cho thấy, trong quá trình khảo sát này, ông không những nhận thức được thế giới rộng lớn, mà còn ngày càng rất hứng thú với lí luận. Đội khảo sát đã vượt biển dài ngày đến Rio de Janeiro. Tại đây ông viết thư cho gia đình nói về thu hoạch của mình:

Tại đây (Rio de Janeiro) giáo sư đã nhiều lần cho con lặn xuống đáy biển để thu thập tiêu bản. Con cố gắng kìm chế bản thân, cố gắng giúp giáo sư nhiều việc, không hiểu bây giờ con thu hoạch được những gì, nhưng con tin tưởng rằng, một ngày nào đó, cánh cửa trí tuệ sẽ mở... giáo sư là người chỉ huy hàng đầu, tất nhiên có năng lực tổ chức rất tốt. Nhưng trong 11 người giúp việc cho giáo sư, có ba người thật là ngốc nghếch, Tôm Hôt, Đaxtơ và con, không hiểu biết tí gì về khảo sát. Trong năm người thông thạo khảo sát, một người hơn 60, một người sức khoẻ yếu, ba người còn lại xem như là "người hoàn mỹ"... ... Hôm qua giáo sư nói với con, cần 4 người tổ chức-một phân đội khảo sát, một phân đội cần những người công tác địa chất, sẽ chọn trong ba người tự nguyện ghi tên còn lại. Con nghĩ Tôm và con có thể là hai trong số ấy... ...

Bố có biết không, con rất khao khát có một môi trường học tập hoà bình và an toàn. Khi con về nhà, con sẽ nghiên cứu suốt đời triết học... Con hi vọng bức thư này không có giọng điệu trầm lắng, nếu có, cũng vì tiêu hoá của con không tốt. Hôm nay con hào hứng viết thư này,

từ trước đến nay con chưa bao giờ phấn khởi như vậy, con hi vọng tham gia phân đội nhỏ “du lịch lục địa”.

Khi Giêmxơ “du lịch lục địa” thì bị lên đậu mùa, chờ sau khi khỏi bệnh, Giêmxơ viết thư cho gia đình. Ông nói chuyến du lịch lục địa là sai lầm, ông ngày càng cảm thấy ông thích hợp với nghiên cứu lí luận. Trong thư ông nói với gia đình, thị lực của ông lúc này rất kém, mặc dù về lâu dài ông thừa nhận và chấp nhận sự đi xuống ấy của thị lực, nhưng ông vẫn cảm thấy nản chí và đau khổ. Sau hơn hai tháng điều dưỡng, bệnh mắt của Giêmxơ ngày càng cải thiện đáng kể, ông có thể đọc sách, và quyết định tham gia khảo sát sông Amadôn. Ông viết quyết định này báo cho người nhà:

Con báo cho giáo sư, mặc dù thế nào con cũng hoàn thành chuyến đi sông Amadôn này. Con biết chuyến đi sông Amadôn này là dịp rất tốt cho việc học động vật học và thực vật học, vì chúng con có nhiều thời gian rỗi rãi. Con đang tiếp thu rất tốt những lời chỉ bảo nghiêm túc của giáo sư. Thầy luôn nghiêm khắc phê bình con, la mắng con, làm con nhận thấy được nhiều khuyết điểm. Sáng nay, thầy còn nói con “thật giống như chưa bao giờ được giáo dục”. Từ khi tham gia đội khảo sát đến nay, chính nhờ sự dạy bảo nghiêm túc của giáo sư con trở thành người làm được việc, làm việc có nền nếp, chú ý đến thực tế.

Sau gần một năm khảo sát khoa học, Giêmxơ trở về Học viện Y Đại học Havót học y, nhưng sức khoẻ của

ông bắt đầu suy sụp từ đấy. Để chữa bệnh và học tập thực nghiệm sinh lí học, tháng 5 năm 1867 Giêmxơ lại đến châu Âu, chủ yếu là ở Đức, đến cả Thụy Sĩ và Pháp... Sức khoẻ của ông vẫn sa sút, có chiều càng tệ hơn. Tại Đức ông chỉ có thể miễn cưỡng đến Đại học Béclin nghe giảng, căn bản không làm được bất kì thực nghiệm nào. Vì vậy ông rất khổ tâm, tinh thần sắp rã ra. Cuối năm 1867, trong thư gửi cho bố mẹ, ông đã bộc lộ hết sự bi quan thất vọng, thậm chí còn muốn tự sát. Vì bệnh tật, hoạt động của Giêmxơ tại châu Âu rất hạn chế, nhưng ông vẫn đọc rất nhiều tác phẩm về sinh lí học và tâm lí học, dự nhiều buổi diễn thuyết. Đáng chú ý là, lúc ấy ông ngày càng thích thú triết học, và kết hợp việc nghiên cứu sinh lí học, tâm lí học, y học với triết học. Từ ấy ông bắt đầu phát biểu một số bài trên báo chí. Năm 1867 bài phát biểu đầu tiên của ông “Bình luận về “sức mạnh không thể khắc phục” của Hecman Glimu” đăng trên tuần báo “Dân tộc” xuất bản ở Niu Óoc. Năm 1868 ông lại phát biểu các bài “Bình về cứu chữa đạo đức” và “Bình học thuyết Đacuyn về động thực vật thuần hoá sẽ xảy ra biến dị”. Cuối năm 1868, Giêmxơ về Mỹ, tiếp tục học y tại Đại học Havót. Tháng 6 năm sau, ông đỗ tiến sĩ y học.

Sau khi Giêmxơ đỗ tiến sĩ y học, trong thời gian khoảng 4 năm, sức khoẻ ông vẫn rất tồi và thường bị giày vò đau đớn. Đỗ tiến sĩ y học mà không đủ sức hành nghề y. Ngoài đọc một số sách triết học và một số tài liệu khác, ông rất ít làm việc. Tháng 4 năm 1870, ông đọc luận văn về “tự do ý chí” của nhà triết học thuyết duy ý chí của Pháp Rơnuviê (Charle Bernard Renouvier

1815-1903), tiếp thu được nhiều gợi ý. Rơnuviê là người theo thuyết tự do ý chí nổi tiếng, ông cho rằng ý chí có thể tạo lập lại quá trình cuộc sống của con người. Giêmxơ coi đó là sự hướng dẫn về nhân sinh, thậm chí có ý đồ thông qua ý chí tự do để cứu chữa bệnh tật của mình. Ông nói hành động ý chí tự do thứ nhất của tôi là sẽ tin tưởng ý chí tự do. Ông quyết tâm vứt bỏ quan điểm thuyết định mệnh, theo đuổi số phận tự mình chi phối mình, quyết không để con ma bệnh dất mũi mình. Trong 4 năm chữa bệnh, ông không bị đột quỵ, kêu than mà còn tham gia các hoạt động, đặc biệt các hoạt động có liên quan đến đời sống triết học của ông, tức “Câu lạc bộ siêu hình”, tổ chức thảo luận học thuật do người sáng lập chủ nghĩa thực dụng Piécxơ chủ trì.

III. “SỰ HẤP DẪN” CỦA TRIẾT HỌC

“Câu lạc bộ siêu hình” làm cho Giêmxơ lần đầu tiên nếm được vị ngọt của triết học, bước lên thêm cung điện triết học.

“Câu lạc bộ siêu hình”, trong thời gian từ năm 1871-1874, một loạt học giả tổ chức sa lông học thuật không câu nệ theo một hình thức nào. Piécxơ gọi nó là “Câu lạc bộ siêu hình”, là “Để tránh xa mọi người nó cần tránh xa”. Câu lạc bộ này là một tổ chức bàn thảo học thuật không gò bó khuôn phép, cũng không nhiều thành viên, do Piécxơ đứng ra tập hợp. Những thành viên chủ yếu gồm: nhà triết học, nhà tâm lý học Rốccơ, luật sư Homơ (Homes), quan toà Ôanê (J.Warner), nhà lý luận pháp luật Gơrin (N.J.Green), nhà lịch sử Phixkê

(J.Fiske), mục sư Tin lành kiêm học giả Apônơ và Giêmxơ. Họ thường hai tuần họp một lần, trao đổi về triết học những vấn đề thấy thích thú.

Piécxơ là người gây dựng đã tổ chức nhiều buổi giảng triết học. Ông có ý đồ giới thiệu cho công chúng một hệ thống tư tưởng hoàn toàn mới – chủ nghĩa thực dụng. Giêmxơ thu nhận được ở đây kiến thức hoàn toàn mới, ông nói, tôi hoàn toàn không biết nói như thế nào về nội dung buổi giảng, nhưng tôi cảm thấy rõ ràng, buổi giảng đã đem lại cho tôi sự gợi ý nào đó.

Điều bất hạnh là, khi Giêmxơ chuẩn bị tiến quân mạnh vào triết học, ông bị giày vò vì kiệt sức, bị sức ép về tinh thần. Ông lại muốn tự sát. Khi về già ông từng cho rằng, nếu không có sự phản tỉnh đối với sự tự huỷ hoại mình ít nhất một lần trong đời sống, thì bất kì người nào đều không thể trở nên lành mạnh về tâm lí. Lo nghĩ về sức khoẻ của mình, ông du lịch sang châu Âu để nghỉ ngơi, sau mấy tháng ông hoàn toàn hồi phục.

Khi trở về Mỹ, năm 1872 Giêmxơ được Trường Đại học Havơt mời làm giảng viên sinh lí học. Từ đó ông bắt đầu sự nghiệp giảng dạy ở trường Đại học Havơt. Nhớ lại mấy năm sau đấy, Giêmxơ nói: “Để trở thành một nhà triết học, tôi trước hết học y, sau đó có thể do số phận sắp xếp, tôi lại bắt đầu học tâm lí và triết học. Tôi từ trước đến nay chưa bao giờ được nghe giảng một bài triết học chính quy, bài tâm lí học đầu tiên tôi nghe giảng chính là bài giảng triết học”. Ngoài giờ dạy học, ông học tập có hệ thống tâm lí học, vì thành tích học tập tốt nên năm 1875 ông được mời dạy tâm lí học. Về

sau từ tâm lí học chuyển sang triết, có nghĩa từ lãnh vực học thuật này tiến sang lãnh vực học thuật khác, đánh dấu tư tưởng của ông từng bước vươn lên cao hơn. Có thể nói thành tích học tập của ông không phải “từ trời rơi xuống mà từ đất vọt lên”. Suy nghĩ triết học và lí luận triết học của ông được xây dựng trên cơ sở tri thức rộng rãi.

Vừa bước vào lãnh vực triết học, Giêmxơ đã thấy rất thích thú đối với vấn đề con người, như Xôcrát, cái ông chú ý là bản thân con người chứ không phải là thần ý của Chúa. Nhưng không có nghĩa là ông không tin Chúa, ngược lại, như thư ông viết cho Tômat Dâyuytson (Thomas Davidson) nhà bác học Scôtlen, ông thấy ông “càng ngày càng dựa vào Chúa”. Nhưng sức lực chủ yếu của Giêmxơ là tập trung vào thế giới hiện nay, chứ không phải thế giới sắp đến.

Suy nghĩ triết học ban đầu của Giêmxơ là xuất phát từ hoàn cảnh khổ cực của bản thân mình, ông mang đầy tật bệnh, ông tự loì mình từ cõi chết trở về, ông tin rằng con người dựa vào ý chí của mình có thể tự cứu mình, cho nên ông tin vào lí luận của Rơnuviê, thể hiện trong suy nghĩ và trong hành động hết lần này đến lần khác. Chính Giêmxơ có sự cảm nhận đặc biệt về ý chí của con người, đã tích cực đề xướng một loạt “Thuyết thế giới hướng thiện”. Ông cho rằng, hễ còn có người bất hạnh, hễ người có nhiệt tình chưa trở thành những người quen thuộc với nhau, thì thế giới quyết không thể hoàn thiện. Mặc dù mọi vật trên thế gian không thể toàn thiện toàn mỹ, nhưng hễ chúng ta có ý chí thì có thể được cải thiện. Lúc ấy quan điểm này đối với Mỹ

chắc chắn là một loại triết học tuyệt đẹp, bởi khi ấy Mỹ đang bước vào thời đại bành trướng, chính là thời đại công nghiệp Rôccôphêlê, Cacnêgi, Gundo, Hariman, Đôu, Cohơ và J.P.Mocgan. Uyliam Giêmxơ sinh ra đúng thời cơ, nhất định sẽ làm nên sự nghiệp. Ông ra đời đem lại cho dân tộc tự do một người đề xướng ý chí tự do.

Năm 1878 Giêmxơ kết bạn với cô Êlixơ Jiban, Giêmxơ rất phấn khởi trước sức hấp dẫn của cô. Không những chỉ có Giêmxơ, tin ấy đến tai cụ Henry Giêmxơ, lần đầu tiên gặp cô ở Câu lạc bộ phái cấp tiến ở Bôxtơn, ông vội vàng giục con về nhà. “Uyliam, bố vừa gặp người con gái mà con sắp cưới làm vợ ấy!” Uyliam trả lời bố với thái độ giận dữ là đã can thiệp vào việc riêng của cậu: “Con từ chối gặp người con gái ấy”. Nhưng khi bố áp a áp úng trả lời: “Anh có gặp hay không, tôi không có ý kiến gì, tôi muốn anh lấy cô ấy”. Mặc dù Giêmxơ bác bỏ và phản đối kiến nghị của bố, nhưng cuối cùng vẫn sắp xếp gặp cô Jiban. “Đôi mắt to nhưng đen và sáng, làn tóc nâu mềm mại, nước da màu hoa hồng đại, đặc biệt cái mỉm cười ngọt ngào làm rạng rỡ khuôn mặt của cô, hầu như đã rọi sáng cả thế giới”. Giêmxơ rất vui lòng quý rap xuống chiếc váy màu hạt lựu của cô, rồi Giêmxơ với tài nghệ riêng của mình kéo cô vào lòng, và năm ấy họ cưới nhau, xây dựng gia đình nhỏ của mình.

Việc lập gia đình của Giêmxơ rất có ảnh hưởng đến sức khỏe và thói quen sinh hoạt của Giêmxơ. Một cuộc sống mới bắt đầu sau khi kết hôn. Chúng thần kinh trước đây ngày càng mất đi, ăn uống nhiều hơn, sức

khỏe lên hẳn. Giêm-xơ rất xúc động trước người vợ đáng yêu của mình, tôn nàng là “thiên sứ”, và cho rằng chính nàng làm cho mình khỏi tan nát, hồi phục lại bản thân mình được hoàn chỉnh thống nhất. Cho nên ông dùng hết nhiệt tình và sức lực chưa từng có lao vào công việc.

Mùa hè năm 1880, Giêm-xơ lại đi châu Âu, đi thẳng đến nước Pháp, yết kiến Rơ-nu-viê, người đề xướng thuyết ý chí tự do mà ông rất ngưỡng mộ và kính phục, trao đổi trực tiếp và xin ý kiến Rơ-nu-viê. Vì tiếp nhận được lợi ích thiết thân về lí luận ý chí tự do của Rơ-nu-viê, ông càng kiên định niềm tin đối với ý chí của con người. Sau khi về nước, ông bắt đầu nghiên cứu chuyên đề về triết học, trước hết đề cập đến những vấn đề như vai trò quyết định của ý chí của nhân vật vĩ đại, quan hệ giữa ý chí và xã hội. Giêm-xơ tại “Học hội lịch sử tự nhiên” Trường Đại học Havơt đọc bài phát biểu “Vĩ nhân và hoàn cảnh của họ”. Bài phát biểu này đăng trên tạp chí “Đại Tây Dương” số tháng 11 năm 1880. Về sau, ông viết tiếp bài “Tính chất quan trọng của cá nhân” để bổ sung cho bài giảng của ông (Bài “Vĩ nhân và hoàn cảnh của họ” và “Tính chất quan trọng của cá nhân” đều in trong sách “Ý chí của tín ngưỡng”). Trong những bài này, ông dự định một mặt khẳng định lịch sử xã hội là do nhân vật vĩ đại cá biệt sáng tạo nên, mặt khác lại thừa nhận tác dụng của “hoàn cảnh”.

Giêm-xơ đã trình bày như sau: “Tiến hoá của xã hội là kết quả sự tác động lẫn nhau của hai loại nhân tố. Một mặt là cá nhân, họ nhận được cái tư chất đặc biệt từ tác dụng của sinh lí và lực lượng phía dưới xã hội, nhưng họ có đầy đủ mọi sức mạnh khởi nguồn từ bản

thân họ; mặt khác là hoàn cảnh xã hội, nó có thể tiếp nhận hoặc từ chối cá nhân và sức mạnh bẩm sinh của họ. Hai loại nhân tố này đều là chủ yếu, không có sự thúc đẩy của cá nhân, xã hội sẽ trì trệ; và không có sự cảm ứng của xã hội, loại thúc đẩy này sẽ có thể bị tiêu vong”.⁽¹⁾

Theo Giêmxơ, Giôn Mil (John Mill) nếu sống trong thế kỉ X, ông sẽ chết một cách thâm lặng, Crômuen (Oliver Cromwell) và Napoléon sẽ dĩ thành vĩ nhân vì có Cách mạng Anh và Cách mạng Pháp; Gơran (Grant người Đảng cộng hoà, Tổng tư lệnh quân đội Liên bang thời kì Chiến tranh Nam Bắc, sau làm Bộ trưởng Lục quân. Năm 1868-1875 làm Tổng thống Mỹ) sẽ dĩ nổi tiếng vì có nội chiến nước Mỹ. Tóm lại, không có hoàn cảnh xã hội nhất định, nhân vật thiên tài không thể trở thành nhân vật anh hùng thúc đẩy lịch sử tiến lên.

“Hoàn cảnh” Giêmxơ nói là gì? Ông đã giải thích rõ ràng, trước hết nêu lên vấn đề: Vì sao nước Anh thời đại của Nữ hoàng ÊlidoBet khác với nước Anh thời đại nữ hoàng Anna; Đại học Havót ngày nay khác với Đại học Havót trước đây 30 năm? Ông trả lời vấn đề này như sau: “Cái khác nhau là do nhiều cá nhân, ảnh hưởng của sự mầu mịch của họ, sự đề xướng của họ và quyết tâm của họ tích lũy lại”⁽²⁾. Cái gọi là hoàn cảnh, chẳng qua là ảnh hưởng tích lũy của nhiều người, chẳng qua là sáng tạo chung của nhiều nhân vật thiên tài.

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Ý chí của tín ngưỡng”, bản tiếng Anh, Niu Óoc 1917, tr.232.

⁽²⁾ Sách đã dẫn, tr.218.

Thế thì nhân vật vĩ đại sinh ra như thế nào? Giemxơ vận dụng thuyết tiến hoá của Đacuyn, đặc biệt dùng học thuyết biến đổi để giải thích vấn đề này. Ông cho rằng nhân vật vĩ đại giống như một chủng loại mới của sinh vật, là con đẻ của biến đổi tự phát. Quan hệ giữa nhân vật vĩ đại với hoàn cảnh giống như quan hệ giữa biến đổi tự phát và hoàn cảnh đã nói trong thuyết tiến hoá của Đacuyn, hoàn cảnh chỉ tiếp thu hoặc cự tuyệt, bảo tồn hoặc phá huỷ nó, chứ không thể quyết định nó có thể sinh ra hay không. Quan điểm này của Giemxơ tất nhiên không khoa học, ông không những xuyên tạc học thuyết Đacuyn về biến đổi tự phát, mà còn nhầm lẫn giữa nhân tố xã hội và nhân tố sinh lí, đảo ngược với nhau. Con người có một số đặc điểm sinh lí nào đó được sinh ra, quả thực tuy thuộc vào nhân tố về sinh vật học, nhưng khiến một con người nào đó trở thành nhân vật kiệt xuất có ảnh hưởng đối với sự phát triển xã hội, lại là do nhân tố xã hội chứ không phải do bản thân nhân tố sinh lí. Chính Mao Trạch Đông đã cho rằng Mác, Ăngghen, Lênin, Stalin sở dĩ có thể nêu lên lí luận của các ông, ngoài điều kiện thiên tài của các ông ra, chủ yếu là các ông tự tham gia vào thực tiễn cuộc đấu tranh giai cấp và thực nghiệm khoa học lúc bấy giờ, không có điều kiện sau, bất kì thiên tài nào cũng không thể thành công. Giemxơ muốn tìm hiểu nguyên nhân vận động của lịch sử xã hội, giải thích quan hệ giữa vĩ nhân và hoàn cảnh, nhưng đối với những vấn đề như nguyên nhân sinh ra hoàn cảnh xã hội và vĩ nhân đều chưa giải thích được khoa học, vì lí luận của ông cuối cùng là thuyết ý chí quyết định.

Ngoài ra Giemxơ còn phân tích vấn đề thuyết ý chí và thuyết định mệnh. Ông cho rằng, trong quá trình lịch sử, nhân vật vĩ đại đã sinh ra và được hoàn cảnh tiếp nhận thì bùng phát tác dụng rất to lớn, thậm chí thay đổi hoàn cảnh, thay đổi bộ mặt lịch sử xã hội, thúc đẩy và quyết định sự tiến hoá và phương hướng của lịch sử. Ông nói: “Một khi hoàn cảnh tiếp nhận và bảo tồn nhân vật vĩ đại, xã hội có thể xảy ra biến đổi vì chịu ảnh hưởng của phương thức đặc biệt do vĩ nhân sáng tạo nên. Vĩ nhân có tác dụng như chất men và thay đổi cơ cấu của hoàn cảnh, giống như sự xuất hiện một chủng loại động vật mới, làm thay đổi sự cân bằng sinh thái khu thực động vật... Sau khi nhân vật vĩ đại xuất hiện, tình hình cũng như vậy. Bất kì họ từ bên ngoài đến như Claivơ đến Ấn Độ (Robert Clive 1725-1774 vốn giữ chức Công ti Đông Ấn Độ nước Anh, sau đây tích cực tham gia và hoạch định chiến tranh xâm lược Ấn Độ, đã từng làm tỉnh trưởng Mađơrat và Bômday của Ấn Độ) hoặc như Agaxit (Agaxit, 1807-1873, nhà động vật học và nhà địa chất học Mỹ, nguyên gốc người Thụy Sĩ, năm 1846 di cư sang Mỹ. Năm 1848 đỗ tiến sĩ động vật học và địa chất học Trường Đại học Havót), hoặc là Mohamet hoặc Phơrancelin sinh ra và lớn lên nơi ấy, đều đang sắp xếp lại quan hệ xã hội tồn tại trước đây trên quy mô lớn hoặc nhỏ.

“Vì vậy, xã hội chuyển hoá từ một thời đại này sang một thời đại khác, chủ yếu (trực tiếp hoặc gián tiếp) xuất phát từ hành động hoặc khuôn mẫu của một số cá nhân, tài năng của họ rất thích hợp với sự tiếp thu lúc bấy giờ, hoặc vị trí quyền uy ngẫu nhiên của họ rất then chốt,

thậm chí họ biến thành chất men kích thích, người khởi xướng của cuộc vận động, thành người sáng lập trước tiên hoặc theo tập quán, thành trung tâm của sự huỷ hoại, hoặc, người phá huỷ tinh thần của nhân vật khác. Tư chất của các nhân vật khác ấy, nếu tự do phát huy, có thể dẫn dắt xã hội theo một hướng khác.”¹⁾

Theo Giêmxơ, sự mất còn, hưng suy của một dân tộc quốc gia, thậm chí toàn bộ lịch sử xã hội, đều tuỳ thuộc hoạt động cá nhân của anh hùng, vĩ nhân, còn quần chúng lao động thông thường dưới con mắt của Giêmxơ là không đáng nói. Ông cho rằng chiến tranh và hoà bình tuỳ thuộc vào quyết đoán của nhà vua và các đại thần. Chiến tranh thắng hay bại tuỳ thuộc vào tướng quân. Tôn giáo tuỳ thuộc vào tiên tri, khoa học và công nghiệp tuỳ thuộc vào thiên tài của các lãnh vực này. Vì vậy, ý chí của vĩ nhân là tối cao hơn cả, Giêmxơ xuất phát từ thuyết duy ý chí của ông, phản đối mọi thuyết quyết định, ông gọi đó là thuyết định mệnh. Trong “Vĩ nhân và hoàn cảnh của họ”, sau khi ông trình bày tác dụng sáng tạo cá nhân nhân vật anh hùng đối với lịch sử xã hội, nêu lên kết luận, quan điểm tiến hoá của lịch sử nếu phủ định tính quan trọng cực đoan của tính sáng tạo cá nhân, là một khái niệm rất hàm hồ và không khoa học, từ thuyết khoa học quyết định cận đại rơi xuống thuyết định mệnh của phương Đông rất xa xưa. Xem bề ngoài, Giêmxơ ở đây tất nhiên là người phản đối gay gắt thuyết định

¹⁾ Giêmxơ: “Ý chí của tín ngưỡng”, bản tiếng Anh Niu Ooc, 1917, tr.227-228.

mệnh, trên thực tế, ông công kích lí luận về quy luật khách quan của sự phát triển lịch sử vì ông coi đó là thuyết định mệnh.

Có thể nói, đây chỉ là sự cảm nhận ban đầu trong tư duy triết học về lịch sử xã hội loài người. Triết học của Giêmxơ đến đây mới là giai đoạn mầm mống. Vì ông được Hôn (Edwin Bissel Holt) chủ biên tập quý san “Tủ sách khoa học Mỹ” mời viết về giáo tài tâm lí, nên lúc ấy không có dịp đi sâu thêm về triết học của ông, gác vấn đề triết học sang một bên, tiến công chủ yếu chủ đề tâm lí học.

NGUYÊN LÝ TÂM LÝ HỌC

Sau khi nhận nhiệm vụ viết giáo tài tâm lý học, ông chuyên tâm nghiên cứu tâm lý học. Để phối hợp với công tác nghiên cứu này, ông yêu cầu nhận thêm nhiệm vụ giảng dạy. Bài học tâm lý học thứ nhất ông dạy ở Đại học Havót là “Quan hệ giữa tâm lý học và sinh lý học”. Ông dạy tâm lý học, không phải là “Khoa học tâm linh” truyền thống, mà là tâm lý học của sinh lí, đối với lúc ấy, có nghĩa là nêu lên một thách thức đối với tâm linh học có vị trí thống trị trong các trường đại học và học viện Mỹ, có nghĩa là từ nay về sau tâm lý học không phải là một môn khoa học tinh thần nữa mà là một môn khoa học thực nghiệm. Đây là một môn khoa học thực nghiệm mới do người Mỹ giảng. Do đó Giêmxơ còn mua thiết bị thực nghiệm và trình bày thiết bị cho môn tâm lý học. Ông đã tranh thủ nhà trường hỗ trợ 300 USD.

Giêmxơ đã khai phá một mảng mới trong lãnh vực tâm lý học.

I. ÁP DỤNG ĐƯỢC NHIỀU MẶT

Năm 1878, khi Giêmxơ 36 tuổi, ông kí hợp đồng với nhà xuất bản Henry Hôn, đến năm 1880, trong thời

gian hai năm sẽ viết xong bộ sách “Nguyên lí tâm lí học”. Sự thật không phải là hai năm, mà dùng trọn 12 năm, trên thực tế trước khi nhận nhiệm vụ này, ông đã bắt đầu chuyên tâm nghiên cứu tâm lí học. Alecxan Băyan năm 1876 sáng lập tạp chí “Tâm lí”, số ra đầu tiên đã đăng bài phát biểu của Giêmxơ nghiên cứu về tâm lí của con người. Mười năm sau đấy, một loạt bài do ông kí tên đã đăng trên tạp chí ấy và trên các tạp chí khác. Những tài liệu này phần lớn đã được in trong sách “Nguyên lí tâm lí học” của ông.

Giêmxơ là một học giả học thức uyên thâm và uyên bác đạt đến trình độ rất phi thường. Tâm lí học Scôtlen và liên tưởng tâm lí học đã thu hút ông, và giữa thế kỉ XIX nước Anh đã phát triển mạnh mẽ sự hỗn hợp của hai thứ này làm cho ông rất phấn khởi. Trong lãnh vực kiến thức ông rất ham mê, học không biết mệt mỏi, nắm chắc và vận dụng chúng.

Các sách về chủ nghĩa thực dụng của Đức rất có ảnh hưởng đối với ông, mặc dù ông gọi tâm lí học thực dụng chủ nghĩa là “tâm lí học đồng thau” và có ý thù địch với nó. Tuy ông cảm thấy phương pháp thực nghiệm chỉ là sự phân giải tâm lí cứng nhắc, nhưng vẫn trình bày thành quả thực nghiệm của trường phái Hemhônơ (H.L.F. von Helmholtz) và Uôn (W.Wundt) gần 200 trang trong sách “Nguyên lí tâm lí học” của ông. Rất rõ ràng là Giêmxơ cho rằng phong trào Lepdit (Leipzig) có nhiều nguồn tư liệu có ích, nhưng không giống như nhận định của phái Uôn, đã cung cấp hiến chương mới cho tâm lí học nào đó. Trong ba nhà thực nghiệm Hemhônơ, Phitnơ (G.T. Fechner), Uôn (W.Wundt), ông

thích triết học Phitơ nhất. Vì ông cho rằng kết cục của công tác thực nghiệm của Phitơ là “một khoảng không gian trống chân chính”(?), còn phương pháp của Hômhôơ và Uôn thu hút sự chú ý của ông, thúc giục ông mời Monxtơ Bâyơ (?), một nhân vật đại diện của tâm lí học thực nghiệm mới, đến Đại học Havót làm chủ nhiệm phòng thực nghiệm tâm lí học. Mặc dù Giêmxơ thừa nhận mình có thiên kiến với thực nghiệm tâm lí, ông vẫn cố gắng tìm kiếm mọi tư liệu thực nghiệm mà ông có thể có được. Vì thực nghiệm cung cấp thực tế, và ông cần có thực tế bất kì từ nguồn nào. Sự phản ứng của Giêmxơ đối với cuộc vận động Hêghen và các trào lưu chủ nghĩa duy tâm khác, là sự chống đối rất gay gắt và liên tục. Ông cho rằng, họ hình như lúc nào cũng lảm bảm nhưng lại thiếu nội dung. Đại diện triết học của họ là “hư”, chứ không phải “thực”. Triết học Đức tăng cường khuynh hướng “Chủ nghĩa kinh nghiệm cấp tiến” của ông, quan điểm tâm lí học của ông là một sự chống đối đối với “Chủ nghĩa duy vật tuyệt đối” của hai nước Đức và Anh.

Đối với Giêmxơ, quan điểm của những người bác sĩ bệnh tinh thần của Pháp như Gianê (Pierre Janet) về vấn đề tiềm ý thức và vô ý thức đã gợi ý cho ông và ông cũng học tập rất nhiều ở họ. Ông cho rằng có một số cái quan trọng thật sự nào đó được khai thác trong sự nghiên cứu bệnh tinh thần của Pháp. Ông rất thích thú với những tác phẩm về thuật thôi miên, về bệnh tâm thần (istéri) và chứng thần kinh phân liệt được Gianê và các học giả khác nghiên cứu. Ông tin rằng, cái cần bản trong sự nghiên cứu này là đã đề cập đến cơ cấu

nhân cách. Ông rất chú ý đến cách chứng minh của Gianê. Nó nêu lên một số bộ phận nào đó của cơ năng nhân cách chưa được chúng ta nhận thức được một cách sâu sắc. Phát hiện này hầu như rất quan trọng đối với Gianê, chứng tỏ nhân cách không phải là hoạt động phạm vi hẹp, dùng phương pháp tự tình ngộ ra mà có thể nhận thức rõ ràng, mà là đại diện một trình độ hoặc cấp độ nào đó. Chúng giống như những cái phô diễn ra bề ngoài, mang tính chất thuần túy tâm lý. Ông cảm thấy rằng, chứng phân liệt hoặc phân liệt nhân cách giúp chúng ta có thể trong thời gian khác nhau, nghiên cứu nhân tố nhân cách lần lượt khống chế hành vi cá nhân. Hoạt động tâm lý tiến hành ngoài ý thức người bị ốm, nói chung có thể coi là thủ "nhân cách thứ hai", là cái tôi chân chính khác hẳn với cái tôi bản ngã khi bị khống chế lúc ấy. Nhưng Giêmxơ cho rằng, hoạt động tâm lý ngoài ý thức một số người không phải là bất kì một bộ phận nào khác của cái tôi bản ngã. Loại vấn đề có liên quan đến đời sống tinh thần ý thức và vô ý thức thuộc "kí ức cơ thể" của Gianê, theo Giêmxơ dường như là vấn đề cực kì quan trọng trong tâm lý học.

Năm 1882, Giêmxơ được mời thăm và trao đổi học thuật với các trường đại học và tổ chức học thuật châu Âu, đúng lúc thành lập "Hội nghiên cứu tâm linh học" nước Anh, ông kết bạn với chủ tịch hội là Xituên (Sitwell), tiến hành thảo luận và trao đổi nhiều mặt với Xituên.

Khi ông tiến hành những hoạt động học thuật dồn dập ở Anh, ngày 29 tháng 1 năm 1882, mẹ ông, bà Mari Uyxo Giêmxơ qua đời, là tiếng sét ngang tai đối với

Giêmxơ, ông rất đau đớn. Giêmxơ viết thư cho bạn bố ông là Côthen bày tỏ niềm xúc động này: “Mẹ thân yêu nhất của cháu bị bệnh tim đã đột ngột qua đời một cách lặng lẽ... .. Bác biết mẹ cháu và hiểu mẹ cháu đối với chúng cháu là sự hoá thân của tình mẹ ngọt ngào nhất, êm ấm nhất và tự nhiên nhất; mẹ cháu là thần bảo hộ của chúng cháu và là thần coi trông gia đình chúng cháu”.

Người nhà của Giêmxơ lần lượt ra đi một cách đau đớn. Cụ Giêmxơ sau khi người vợ yêu dấu của mình mất đi, cũng sống chẳng được bao lâu. Khi ông cảm thấy cuộc sống sắp đến ngày tận thế, ông bèn từ chối ăn uống, mong sớm ra đi: “Cuộc sống đã bị Chúa toàn năng lấy đem đi hết rồi”. Ngày 18 tháng 12 năm 1882, cụ Giêmxơ tạ thế. Uyliam được tin dữ này khi vẫn còn ở London.

Bố và mẹ lần lượt ra đi, Giêmxơ cảm thấy trong lòng thật đau khổ, với tình cảm tiếc nhớ sâu sắc, ông chỉnh lí biên tập sách “Tác phẩm để lại của Henry Giêmxơ”, ông ghi lại nhiều sự kiện sinh thời của hai cụ để an ủi linh hồn các cụ.

II. TỰ MỞ CON ĐƯỜNG MỚI

Giêmxơ vốn dự định trong hai năm hoàn thành sách “Nguyên lí tâm lí học”, nhưng càng viết càng dài, trọn cả 12 năm, đến năm 1890, hai quyển sách lớn “Nguyên lí tâm lí học” mới ra đời. Khi sách được xuất bản, Giêmxơ đã 48 tuổi. Tuy một số chương và tiết của sách trong thời gian viết đã được đăng trên báo chí, nhưng

bộ sách “Nguyên lí tâm lí học” hoàn chỉnh được xuất bản, giống như núi lửa hoạt động, gây tiếng vang mạnh mẽ toàn xã hội. Năm 1890, tại Niu Ooc, khi sách “Nguyên lí tâm lí học” của Giêmxơ nằm trên bàn của nhà xuất bản Henry Homes, Giêmxơ viết thư cho em Henry. Giêmxơ nói: “Cùng với Mouses, tác phẩm bị kịch của em (The mouses là tên gọi chung chín vị nữ thần như nữ thần quản lí văn nghệ, âm nhạc, thiên văn trong thần thoại Hy Lạp, khi dùng theo số ít (The muse), nói về thi nhân, tài năng thơ hoặc linh cảm về thơ. Ở đây nói về ý sau) và tác phẩm tâm lí học của anh xuất bản, năm 1890 sẽ là một năm vạch thời đại trên lịch sử văn học nước Mỹ như người ta đã biết”. Điều ấy nói lên Giêmxơ rất tự tin tác phẩm lớn của ông, “Nguyên lí tâm lí học” sẽ có tiếng vang trong xã hội, Giêmxơ và em trai Henry cần cù và có đầy tài năng như vậy nên qua nhiều năm miệt mài gian khổ trong công việc họ đã giành được vị trí hàng đầu, và đạt kết quả rất lớn. Nhưng trong thư Giêmxơ gửi cho nhà xuất bản ông Henri Homes lại nói khác. Bức thư kèm theo bản thảo “Nguyên lí tâm lí học” nói: “Đồng tài liệu đáng ghét, dày cộm, phô trương, tán dóc, rất nhiều tạp chất này không nói lên được vấn đề gì, chỉ có hai việc thực tế là rõ rệt: Một là, không có cái gọi là khoa học tâm lí học; hai là, W.J (tức Uyliam Giêmxơ) là một tác giả xoàng xĩnh”. Tuy vậy sự đánh giá của dư luận rất sát với lời ông viết cho em trai Henry Giêmxơ.

Hai tập “Nguyên lí tâm lí học” dày hơn 1000 trang cuối cùng ra mắt bạn đọc. Đây là tác phẩm lớn có ý nghĩa vạch thời đại trong lịch sử tâm lí học. Sách xuất

bản đánh dấu nhà khoa học Uyliam quá độ sang nhà triết học Uyliam. Bộ sách rất có giá trị vì nó là kiệt tác luận chứng chặt chẽ, không phải liệt kê những sự việc cụ thể. Giêmxơ không chú trọng biểu hiện bên ngoài của tư duy, mà nhấn mạnh cá tính chủ quan tư duy, vì vậy tâm lí học của ông là sự nghiên cứu đối với con người, không phải là xử lí về số liệu, tư liệu. Dưới con mắt của Giêmxơ, tư duy của con người không giống như các nhà tâm lí học châu Âu đã nói, liên kết máy móc các loại quan niệm cô lập thành những chuỗi hoạt động tâm lí, mà là dòng ý thức liên tục giống như máu tuần hoàn trong toàn thân.

“Nguyên lí tâm lí học” của Giêmxơ đã sáng lập tâm lí học chủ nghĩa cơ năng của Mỹ, đưa ra lí luận dòng ý thức và học thuyết tình cảm nổi tiếng.

1. Chủ nghĩa cơ năng

Giêmxơ chịu ảnh hưởng của thuyết sinh vật tiến hoá mà Đacuyn là đại diện, đã giải thích những hoạt động ý thức tâm lí của con người khác với các nhà sinh lí học truyền thống. Ông giải thích hoạt động ý thức tâm lí của con người là một loại cơ năng của thể hữu cơ thích ứng với hoàn cảnh, chứ không phải tri giác hoặc quan niệm cô lập, riêng rẽ, tức thực tế tâm lí do yếu tố từ kinh nghiệm kết hợp mà thành... Vì vậy, về tâm lí học ông là người đi đầu đã mở con đường lấy chủ nghĩa cơ năng thay thế chủ nghĩa cấu tạo.

Đặc điểm nổi bật của tâm lí học chủ nghĩa cơ năng của Giêmxơ là Giêmxơ coi tâm lí học là một môn khoa học tự nhiên, cụ thể hơn là, coi tâm lí học là môn khoa

học sinh lí, là một môn khoa học. Trước năm 1890 quan niệm đó không phải là việc mới mẻ gì, điều đáng quý là, Giêmxơ đã theo phương hướng khác với phương hướng tâm lí học truyền thống nước Đức. Ông coi quá trình ý thức là hoạt động của thể hữu cơ, quá trình tâm lí là hoạt động cơ năng có ích của sinh vật nhằm duy trì sự thích ứng với tự nhiên.

Cho nên hạt nhân của tâm lí học chủ nghĩa cơ năng của Giêmxơ là từ hoạt động sinh lí làm rõ hoạt động ý thức tâm lí của con người. Chống thần bí hóa, lấy hoạt động ý thức của con người (bao gồm cảm giác, tư tưởng, tình cảm, ý chí và các trạng thái tâm linh khác) làm đối tượng nghiên cứu tâm lí học, cho rằng chúng là cơ năng của hoạt động bộ óc của con người, chúng biến đổi tương ứng với sự biến đổi của hoạt động bộ óc, quan hệ giữa hai bên là quan hệ nhân quả.

Sáu chương đầu quyển một "Nguyên lí tâm lí học", Giêmxơ cố gắng giới thiệu cho bạn đọc kiến thức cơ bản có liên quan về sinh lí học, ông cho rằng tri thức cơ bản này là cần phải có để xây dựng nền tảng tâm lí học. Trong mấy chương này, ông tập trung trình bày một số mặt về hoạt động thần kinh có ý nghĩa quan trọng đối với cơ năng tâm lí. Cho rằng mọi hoạt động tâm lí trên chừng mực rất lớn là do xu thế sau đây của hệ thống thần kinh quyết định, tức hệ thống thần kinh thường chịu sự uốn nắn của mỗi một hoạt động của cá thể đối với nó, do đó khi thể hữu cơ hoàn thành sự phản ứng tương tự có thể càng dễ dàng hơn. Vì vậy thói quen trở thành bộ phận quan trọng nhất trong mọi hoạt động tâm lí.

Theo đó, ông khảo sát cụ thể hơn nhiều trạng thái của bộ óc quyết định như thế nào trạng thái tâm linh, chủ trương quá trình tinh thần thống nhất với quá trình vật lí, chống lại thuyết nhị nguyên tách rời hai cái. Luận chứng cái bản ngã của tinh thần không tách rời hoạt động thân thể con người. Ông cho rằng cái “tôi” của tinh thần “là chỉ cái nội tâm hoặc sự tồn tại chủ quan của một người, nói cụ thể là chức năng cơ quan tâm lí hoặc khuynh hướng của họ”⁽¹⁾. Nhưng đây không phải là hoạt động tinh thần thuần túy mà là hoạt động tinh thần thống nhất với hoạt động thân thể. Ông nói: “Toàn bộ cảm giác của chúng ta đối với hoạt động của tinh thần, hoặc danh từ ấy thông thường đã chỉ ra, thực tế thuộc về một loại cảm giác đối với hoạt động thân thể”⁽²⁾. Trong nhiều tác phẩm sau này, Gièm-xơ ủng hộ hơn nữa việc phủ nhận quan điểm ý thức tồn tại độc lập. Trong bài “Ý thức tồn tại hay không”, ông nói rõ rằng: “Tôi tin “ý thức” một khi tiêu tan đến mức hết sạch, tức sẽ hoàn toàn không trông thấy. Nó là một cái tên trống rỗng không thực thể, không có quyền đưa vào hàng ngũ bản nguyên số một, những người ôm khu ý thức, chẳng qua họ ôm chặt cái âm hưởng, cái “linh hồn” đang tiêu tan còn vương lại trên tiếng hư ảo yếu đuối trong không khí triết học mà thôi”. “Cái vật chất được tạo nên bởi những vật liệu ban đầu nguyên thủy hoặc tính chất đang tồn tại, nhưng tư tưởng của chúng ta đối với cái vật chất hoàn

⁽¹⁾ Gièm-xơ: “Nguyên lí tâm lí học”. Thương vụ ấn thư quán, 1963, tr.147.

⁽²⁾ Sđđ, tr.153.

toàn ngược lại, không có cái vật liệu nguyên thủy hoặc tính chất nào tồn tại tạo nên chúng cả, nếu có chỉ là tư tưởng thực hiện chức năng trong kinh nghiệm, và vì chức năng này, chúng ta mới cầu viện đến tính chất này của tồn tại"⁽¹⁾.

Trên vấn đề quan hệ của hoạt động ý thức tâm lí, Giêmxơ rõ ràng đã chống lại quan điểm duy tâm coi ý thức tâm lí là thực thể có tính thứ nhất có ý nghĩa bản nguyên, nhưng ông chưa đạt đến chủ nghĩa duy vật, thậm chí còn cố ý lẩn tránh chủ nghĩa duy vật. Quan điểm ông đã tiếp thu, trên thực tế vẫn là chủ nghĩa thực dụng mà các nhà triết học phương Tây lúc ấy đã tiếp nhận. Vì khi ông nói hoạt động tâm lí là do hoạt động vật lí quyết định, thì không xem cách nói này là một loại suy đoán đối với bản chất của ý thức, mà chỉ là một loại giả thiết. Cũng có nghĩa là, không phải trình bày từ ý nghĩa thế giới quan "siêu hình", mà chỉ là sự trình bày thực tế khoa học. Cho nên ông nói, tâm lí học là môn khoa học tự nhiên thuần túy, nó tiếp thu không phê phán điều kiện nhất định làm tài liệu của mình, nó dừng lại trước những tư tưởng siêu hình. Cũng chính vì vậy, mặc dù Giêmxơ khẳng định giữa quá trình ý thức và quá trình bộ óc tồn tại quan hệ đối ứng từng cái một, nhưng lại cho rằng, một môn tâm lí học khoa học có thể tiếp thu bất kì một loại lí luận nào về quan hệ giữa thân thể và tâm lí, cũng có nghĩa là, sự nghiên cứu của hoạt động ý thức tâm lí cùng với bất kì lí luận

⁽¹⁾ Giêmxơ: "Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để", Nxb ND Thượng Hải, năm 1987, tr.2.

“siêu hình” nào, đều có thể tương dung. Ngoài phạm vi tâm lí học, con người hoàn toàn có thể tiến hành các loại thảo luận về quan hệ thân thể và tâm lí, bao gồm các thảo luận xuất phát từ thuyết duy linh, thuyết siêu nghiệm.

2. Dòng ý thức

Học thuyết “dòng ý thức” là một loại lí luận quan trọng của Giêmxơ chống lại quá trình tâm lí học thuộc chủ nghĩa cấu tạo. Giữa thế kỉ XIX tâm lí học chủ nghĩa cấu tạo chiếm địa vị chủ yếu, có đặc điểm lớn nhất là dùng quan niệm chủ nghĩa nguyên tử xem xét hoạt động ý thức, tức coi thế giới tinh thần là tổng hoà của “quan niệm” hoặc “tri giác” có tính nguyên tử được phân chia nghiêm ngặt. Các loại hiện tượng tâm lí và thực tế tâm lí do những “quan niệm”, “tri giác” có tính nguyên tử ấy căn cứ luật liên tưởng cấu tạo nên. Nói cách khác, mọi trạng thái và hoạt động ý thức tâm lí đều có thể dùng phương pháp phân tích hoàn nguyên thành “quan niệm”, “tri giác” đơn thuần nhất. Lúc ấy người có quan điểm này là nhà tâm lí học thực nghiệm Đức W.Ôn (W.Wundt) có ảnh hưởng lớn nhất. Ông cho rằng mọi kinh nghiệm tâm lí do ba loại nguyên tố lớn là cảm giác, biểu tượng và tình cảm cấu thành. Cũng giống như mọi kinh nghiệm tâm lí, cũng có thể phân giải thành các loại nhân tố khác nhau.

Đối với vấn đề này, Giêmxơ dứt khoát phản đối, ông không đồng ý quan điểm xem kinh nghiệm: hoặc tư tưởng là tổng hoà của yếu tố cảm giác, mà cho rằng kinh nghiệm và tư tưởng là dòng nước tuôn ra liên tục.

Ông nói: “Thí dụ tự nhiên nhất hình dung tri thức là “sông” (River) hoặc là “dòng” (stream), sau này khi chúng ta nói đến ý thức, chúng ta hãy gọi nó là dòng tư tưởng (The stream of thought), hoặc dòng ý thức, hoặc dòng cuộc sống chủ quan”⁽¹⁾. Theo Giêmxơ, ý thức, tư tưởng không phải là trạng thái tách rời, cô lập, kiểu nguyên tử giống như nhận xét của những nhà tâm lý học chủ nghĩa liên tưởng, chủ nghĩa cấu tạo, mà là một “dòng” liên tục. Đó là nội dung cơ bản của học thuyết dòng ý thức nổi tiếng của ông.

Học thuyết dòng ý thức là một trong những nội dung hạt nhân của tâm lý học Giêmxơ, xuyên suốt cả tập sách “Nguyên lý tâm lý học”. Trong chương 9 của sách này ông đã trình bày riêng, và tập trung thuyết minh vấn đề ý thức, đối tượng nghiên cứu của tâm lý học. Ông cho rằng, khi nghiên cứu tâm lý học, không nên chú ý trước tiên về cảm giác mà là tư tưởng. Giêmxơ phân tích rằng, nếu bắt đầu nói trước về cảm giác, thì thường xem ý thức là sự tổng hợp của các cảm giác cô lập và giản đơn. Ông nói, nhiều sách đều cho rằng, cảm giác là hiện tượng tâm lý giản đơn nhất, bắt đầu bàn từ cảm giác, sau đấy tiến đến tổng hợp, đều là sự quy kết từng hiện tượng cao hơn một bậc thành hiện tượng thấp hơn một bậc kết hợp với nhau. Nhưng biện pháp này giống như đã vứt bỏ cách nghiên cứu căn cứ vào kinh nghiệm. Vì không có bất cứ người nào từng có một cảm giác giản đơn cô lập cả. Mà trước hết phải bắt đầu bàn về tư tưởng, tức coi ý thức là một loại

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Nguyên lý tâm lý học”, sđd, tr.87.

quá trình hoạt động. Trong tâm lí học của Giêmxơ, tư tưởng là một khái niệm rộng, nó chỉ các dạng ý thức không phân biệt và không chỉ là khái niệm ổn định, đặc thù. Tư tưởng là quá trình của thức, tức dòng ý thức. Do đó ông nêu tư tưởng (ý thức) có mấy đặc tính như sau:

Trước hết, tư tưởng luôn là tư tưởng của cá nhân. Tức ý thức là đối tượng nghiên cứu tâm lí học, chỉ có thể là ý thức của cá nhân. Vì vậy mỗi tư tưởng đều thuộc về cái cụ thể, không có cách nào chứng minh được sự tồn tại tư tưởng không thuộc bất kì cá nhân nào. Ông nói, trạng thái ý thức mà chúng ta nghiên cứu, chỉ có nhìn thấy trong các tâm lí, trong các cái “tôi”, từ trong tôi và trong anh đặc thù, cụ thể. Và tư tưởng của mỗi một cá nhân đều không tồn tại cô lập mà liên kết chặt với nhau, thể hiện thành dòng ý thức. Nhưng giữa người và người, ý thức của họ lại không nối thông với nhau. Tất nhiên, không thể nào tồn tại sự tách rời ý thức của cá nhân cụ thể. Ở đây có thể thấy rằng, Giêmxơ đã tuyệt đối hoá tính chất cá thể của ý thức, từ đó hạn chế tầm mắt của người ta trong ý thức chủ quan của cá nhân.

Hai là, tư tưởng biến đổi mãi mãi. Giêmxơ cho rằng, bất kì một loại trạng thái tư tưởng nào đã qua đi là không thể trở lại, tư tưởng, tình cảm của con người đều luôn luôn chuyển động biến đổi không ngừng. Vì vậy, con người mãi mãi không thể có hai lần trạng thái ý thức hoặc tư tưởng đồng nhất, đối tượng trong hoàn cảnh có thể lại xảy ra, nhưng cảm giác hoặc tư tưởng đồng nhất không thể lặp lại. Ông nói, trạng thái

tâm lí chúng ta mãi mãi không thể đồng nhất như thời gian mới đi qua. Điều ấy rất dễ thấy, nói một cách chặt chẽ, mỗi một tư tưởng của chúng ta về mỗi sự việc đều là độc nhất, tư tưởng này với tư tưởng khác của chúng ta về cùng một sự việc, chỉ có giống nhau về chủng loại. Khi gặp sự việc giống nhau xuất hiện lại, chúng ta nhất định dựa vào hồ sơ mới suy nghĩ về nó, nhìn nó với nhiều quan điểm khác nhau, hiểu nó từ các mối quan hệ khác nhau về quan hệ sở tại cuối cùng sự việc ấy. Quan điểm của Giêmxơ về sự chuyển động biến đổi của tư tưởng đã thật sự chống lại khuynh hướng siêu hình của tâm lí học chủ nghĩa nguyên tử đã xơ cứng hoá, giản đơn hoá hiện tượng ý thức tâm lí, nhưng đồng thời ông lại đi đến một cực đoan khác, tức chỉ nhìn thấy sự biến đổi của hoạt động ý thức tâm lí mà xoá nhoà tính ổn định tương đối của nó, xem hoạt động ý thức tâm lí tương đối đơn thuần không thể nắm bắt được.

Ba là, tư tưởng là liên tục. Tức trong dòng ý thức không tồn tại sự đứt quãng rõ ràng, hoạt động tâm lí của con người có thể tồn tại đứt quãng về thời gian, như một người ngủ, khi họ tỉnh dậy họ có thể liên hệ với dòng ý thức trước không có khó khăn gì. Vì “ý thức sau khi bị đứt quãng cảm thấy gắn liền một mạch với ý thức trước khi bị đứt quãng, cảm thấy là một bộ phận khác của cái tôi đồng nhất”. Cho nên “ý thức không phải là cái gắn nối, nó là dòng. Thí dụ tự nhiên nhất để hình dung về ý thức là “sông” hoặc là “dòng”⁽¹⁾. Vì vậy

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Nguyên lí tâm lí học”, sđd, tr.37.

nên nói tư tưởng, ý thức là dòng tư tưởng, dòng ý thức. Giêmxơ cho rằng, ý thức bao gồm bộ phận thực chất và bộ phận quá độ hoặc gọi là bộ phận trung tâm và bộ phận bên rìa, cái trước chỉ nơi đứng yên của dòng tư tưởng, cái sau chỉ sự lưu chuyển tiềm ẩn của dòng tư tưởng và không dễ nhìn thấy, hơn nữa người ta thường quen chú ý bộ phận thực chất hoặc trung tâm, cho nên nhìn nhận sai lầm rằng ý thức là tách rời, đứt quãng, kì thực nó là dòng chảy không ngừng, tức dòng ý thức. Hoạt động của ý thức con người quả thực là liên tục, về thời gian, về tính chất hay về nội dung đều không ngăn cách nhau. Nhưng khi Giêmxơ nhấn mạnh tính liên tục của ý thức lại xem nhẹ tính gián đoạn của nó, giống như ông nhấn mạnh tính biến đổi của dòng ý thức nhưng xem nhẹ tính ổn định của nó.

Bốn là, tư tưởng đều có tính lựa chọn, đều có liên quan đến lợi ích và hứng thú của con người. Giêmxơ cho rằng, bản thân thế giới con người đối mặt là thế giới hỗn độn, không có sự phân biệt, tuyệt đối liên tục, ý thức của con người khi tiến hành hoạt động tâm lí, đều là sự lựa chọn, sàng lọc trong nhiều cái gai góc họ đang đối mặt, kết hợp nhiều cái gai góc khác lại hoặc tách riêng chúng ra, lựa chọn một số hoặc từ chối một số. Sở dĩ ý thức của con người có tính lựa chọn vì chịu sự điều khiển theo mục đích của con người, vì điểm chú ý của con người khác nhau, sự quan tâm và sự hứng thú khác nhau về một sự việc nên có những kinh nghiệm khác nhau, trở thành những đối tượng kinh nghiệm khác nhau. Giêmxơ còn coi sự lựa chọn này của ý thức con người có tác dụng phổ biến cho các lãnh

vực như nhận thức và hành động của con người và mỹ học, đạo đức. Như ông cho rằng trong lãnh vực đạo đức “tác dụng lựa chọn hiển nhiên cao hơn tất cả”, một con người có hành động gì, hoàn toàn tùy thuộc vào sự quyết định của con người đó. Thậm chí một con người sẽ biến thành một con người như thế nào cũng tùy thuộc vào sự lựa chọn và quyết định của con người ấy. Quan niệm này của Giêmxơ có căn cứ nhất định. Vì sự chú ý, hứng thú, ý chí của con người đối với nhận thức và hành động của con người, thậm chí phương hướng phát triển của cá nhân đều có ảnh hưởng rất lớn, nhưng ông đã thổi phồng ảnh hưởng này, càng không nhìn thấy tác dụng của cái chủ quan như chú ý, hứng thú và ý chí của con người cuối cùng đều chịu sự ràng buộc của điều kiện khách quan.

3. “Học thuyết Giêmxơ - Langơ”

“Thuyết tình cảm” của Giêmxơ hầu như cùng nêu lên đồng thời với nhà sinh lí học Đan Mạch Langơ (C. Lange), nên lịch sử tâm lí học gọi là “Học thuyết Giêmxơ - Langơ”.

Nghiên cứu về tình cảm lại là một đóng góp nổi tiếng trong lí luận tâm lí học của Giêmxơ. Năm 1884 ông phát biểu trên tạp chí “Tâm lí” một bài bàn về tình cảm. Sáu năm sau ông sửa lại, mở rộng và đưa vào chương thứ 25 sách “Nguyên lí tâm lí học”. Lí luận này hoàn toàn phủ định sự giải thích về vấn đề tình cảm trước. Khi đó, người ta đều cho rằng, tình cảm thể nghiệm trước so với thân thể và biểu hiện của nó. Tựa như cách nhìn theo thói quen là chúng ta mất của, cảm

thấy rất khổ sở và khóc; chúng ta gặp một con gấu, sợ và chạy trốn. Cũng có nghĩa là, tình cảm (khổ sở, sợ) có trước biểu hiện thân thể (khóc, chạy trốn).

Giêmxơ lật ngược trình tự này, cho rằng sự phản ứng của thân thể thường xuất hiện trước tình cảm, ông chứng minh rằng tách rời sự biến đổi về sinh lí thì không có bất kì tình cảm nào tồn tại. Bất kì tình cảm nào chẳng qua là con đẻ phản xạ của sự biến đổi sinh lí trong thân thể. Ví dụ của Giêmxơ nêu lên là: “Chúng ta mất của, khóc và cảm thấy khổ sở, nhìn thấy con gấu, chúng ta chạy và cảm thấy sợ. Không phải là sự phản ứng của thân thể xuất hiện trước tình cảm, chính là cảm giác chúng ta khi xảy ra sự biến đổi của thân thể mới là tình cảm.

Giêmxơ cho rằng, tình cảm chẳng qua là sự phản ứng mạnh mẽ của thân thể, đặc biệt từ kinh nghiệm nhất định thì thường do nội tạng và cơ bắp gây nên. Quan điểm của Giêmxơ được giới tâm lí học phương Tây gọi là “quan điểm vạch thời đại”. Vì quan điểm này đã lật ngược trật tự xảy ra sự biến đổi tình cảm và sinh lí thông thường xưa nay người ta đã công nhận, còn vì nó trả lại “tình cảm” theo cách nói thông thường thành một cái chủ yếu là do vấn đề sinh lí. Trong phòng khám bệnh của ông và trong bệnh viện ông tìm những chứng cứ và bệnh án có lợi cho quan điểm của ông và phát hiện một số bệnh án, do tác dụng nội tạng bị rối loạn nên đã xuất hiện tình cảm không bình thường. Nhưng chứng cứ không đủ. Mặc dù đã có hàng trăm người chống lại học thuyết của Giêmxơ, nhưng quan điểm này có ảnh hưởng rất lớn trong tâm lí học, nó hầu như là điểm xuất phát

của tất cả các học thuyết có liên quan về tình cảm hiện đại, cũng là động lực kích thích rất nhiều công trình nghiên cứu.

Năm 1885 nhà sinh lí học Đan Mạch C. Langơ tình cờ gặp Giêmxơ, cũng đã nêu lên quan điểm về tình cảm như vậy, ông trình bày về sinh lí học của sợ sệt, giận dữ v.v... và có kết luận như sau: tình cảm bao giờ cũng lấy sự thay đổi của sinh lí làm cơ sở. Theo ông, thế kỉ XIX tìm sự phân biệt giữa tình cảm do tâm lí và sinh lí gây nên là không có ý nghĩa gì; trên thực tế, rất khó tìm bất kì thứ tình cảm nào lại không phải là do “sinh lí gây nên”. Sự biến đổi thể xác, đặc biệt sự biến đổi hệ thống mạch máu, không chỉ gây nên mà còn hoàn toàn quyết định tính chất của mỗi một trạng thái tình cảm. Quan điểm này đại thể giống như quan điểm của Giêmxơ, nên hình thành cách nói theo thói quen lấy “Học thuyết Giêmxơ - Langơ” làm đại diện như sau: Tình cảm chẳng qua là một loại biểu hiện ẩn tượng cảm giác trung ý thức đến từ xương thịt, nội tạng và các cơ quan khác.

Sự nghiên cứu về tâm lí học của Giêmxơ có vị trí quan trọng trong đời sống học thuật của ông. Ông không thoả mãn với sự nghiên cứu tâm lí học đơn thuần, đặc biệt không thoả mãn với việc chỉ thu thập và chỉnh lí tư liệu tâm lí học đơn thuần, mà có ý đồ tiến hành giải thích về triết học những tư liệu ấy. Trên thực tế, cách biện giải của Giêmxơ về nhiều quan điểm trong tâm lí học, đều vượt xa ra ngoài ý nghĩa tâm lí học nói chung, có ý nghĩa triết học rõ ràng. Chính vì vậy, bản thân ông có hai cách đánh giá khác nhau về tác phẩm “Nguyên lí tâm lí học”. Ông phủ định nhiều tài liệu tâm

lí học thuần túy được liệt kê trong sách này, còn đối với những nội dung sách đã trình bày vượt quá phạm vi bản thân tâm lí học, ông lại rất tán thưởng. Điều đáng chú ý là, sau khi sách xuất bản, ông hầu như cảm thấy những việc ông cần làm về tâm lí học đã được hoàn thành, nhiệm vụ sắp tới là làm thế nào để hoàn thiện triết học của ông. Cho nên từ đó về sau, ông rời lãnh vực tâm lí học và hoàn toàn chuyển sang triết học. Vì vậy trên ý nghĩa nào đó có thể nói, sự nghiên cứu tâm lí học của Giêmxơ là khúc nhạc dạo đầu của nghiên cứu triết học của ông.

TRIẾT HỌC TÔN GIÁO

Sau khi xuất bản “Nguyên lí tâm lí học”, ông xem xét lại một cách nghiêm túc cơ sở kiến thức và khuynh hướng tư tưởng của mình. Ông cho rằng cái mình thích thú nhất là tự do quan sát và tìm tòi trong chiêm nghiệm, nghiền ngẫm suy nghĩ. Cho nên, lúc ấy trong tâm mắt của Giêmxơ nếu so sánh với tôn giáo thì triết học, tâm lí học chỉ là “vấn đề nhỏ đáng ghét” ông muốn vứt đi. Kế hoạch của ông từ đó về sau, trọng tâm nghiên cứu là những vấn đề có giá trị lớn hơn, có ý nghĩa hơn như sự tồn tại và tính chất của Chúa, sự trường cửu của linh hồn, ý chí tự do và thuyết quyết định, giá trị của cuộc sống. Vì trong cả 2/3 thời gian đầu thế kỉ XIX, triết học của thần học hoặc tôn giáo có thị trường rộng lớn ở nước Mỹ. nó thâm nhập từ rất sớm vào ý thức tư tưởng của giai cấp thống trị miền Bắc và miền Nam. Khi chế độ nô lệ ở miền Nam và nông nghiệp ở miền Nam và miền Bắc đều chiếm ưu thế, tôn giáo có thể trở thành một thứ vũ khí. Nhưng tiếp sau thắng lợi của nội chiến năm 1865, công nghiệp tư bản chủ nghĩa phát triển rất nhanh chóng, giai cấp vô sản sinh ra và cũng lớn mạnh, tôn giáo không còn là cái tin cậy duy nhất. Vì vậy triết học tôn giáo truyền

thống tất nhiên được thay thế bằng thứ triết học có hiệu quả hơn.

Đầu thập kỉ 80, sức khoẻ của Giêmxơ có chuyển biến tốt, ông cố gắng hết sức lao vào dạy học và nghiên cứu. Lí luận ý chí tự do của Rơnuviê đã giúp ích ông rất nhiều, ông cảm kích sâu sắc, theo đuổi lí luận vĩ đại này, và rồi thâm nhập nó vào quan điểm tư tưởng của mình. Cho nên chính Giêmxơ đã dựa vào nó và vứt bỏ thuyết quyết định luận mang tính hình thức, và căn cứ kinh nghiệm tôn giáo để nghiên cứu tính chất của Chúa, thông qua nghiên cứu tâm linh để khảo sát vấn đề sau khi người chết liệu còn linh hồn hay không. Năm 1881, Giêmxơ đọc bài giảng “Ý chí của tín ngưỡng”. Từ đó đã hình thành bước đầu tư tưởng triết học tôn giáo của ông.

I. TÔN GIÁO VÀ LUÂN LÍ

Từ năm 1875, khi Giêmxơ dạy tâm lí học ở Đại học Havơt đã có ý thức nhạy cảm về vấn đề quan hệ giữa tôn giáo và luân lí. Ông cố gắng cung cấp một loại triết học có ích cho xã hội, tức triết học có thể điều hoà giữa thực tế tàn khốc của đời sống xã hội với tính hư vô của tôn giáo, có thể điều hoà giữa khoa học với mê tín. Nên ông yêu cầu dạy môn triết học. Nhưng Hội đồng nhà trường do dự đối với nhà khoa học dạy triết học. Để thuyết phục Hội đồng quản trị, Giêmxơ viết thư cho hiệu trưởng Ailuet, lập luận như sau:

Ngày nay nhờ có thuyết tiến hoá và thực tế khảo cổ, nhờ khảo sát thực tế hệ thống thần

kinh và cảm giác, nên khoa học chân chính về con người đã được xây dựng. Khoa học về con người đã có rất nhiều tài liệu, nhiều bài viết chuyên đề có liên quan đăng đầy đủ trên báo chí. Vấn đề là, cứ để cho học sinh chỉ dựa vào báo chí và giáo sư chỉ dựa vào sách vở nâng cao kiến thức, quan tâm rất chậm chạp vấn đề này, hay là nhà trường thuê hẳn một người đã được bồi dưỡng về khoa học, họ thực hiện một cách thoả đáng tất cả sức mạnh luận chứng của lịch sử tự nhiên, đồng thời người ấy quen biết một loạt nhà văn có khả năng suy nghĩ nội tâm sâu sắc làm cho anh ta loại bỏ tính chất thô thiển nào đó nhất là những suy diễn của những người chỉ quanh quẩn trong phòng thí nghiệm?

Những suy nghĩ của Giêmxơ được Hội đồng quản trị nhà trường tán thành: năm 1880 được mời làm phó giáo sư triết học ở Đại học Havót, trước tiên ông giảng môn luân lí.

Quan điểm tôn giáo và quan điểm đạo đức luân lí của Giêmxơ liên quan trực tiếp với nhau. Ông kế thừa một luận điểm nổi tiếng của Cantơ: quan điểm tôn giáo của con người thông qua ý thức đạo đức để đạt tới. Ý thức tôn giáo không phải ở ngoài ý thức đạo đức, nó đồng thời ràng buộc ý thức đạo đức, chúng cần dựa vào yêu cầu của đạo đức để hình thành.

Trên thực tế, quan điểm kết hợp tôn giáo với luân lí đã có từ lâu trong truyền thống văn hoá của nước Mỹ, thậm chí có thể truy lại nguồn gốc từ chủ nghĩa Thanh giáo của thời kì chủ nghĩa thực dân.

1. Chủ nghĩa Thanh giáo

Mỹ vốn là thuộc địa của nước Anh, di dân sớm nhất là những tín đồ Thanh giáo bị bức hại ở nước Anh. Những người này đến nước Mỹ trở thành người theo chủ nghĩa Thanh giáo. J.Mâylet trong sách "Tinh thần triết học của nước Mỹ" đã nêu: Bộ mặt tinh thần của văn hoá chính là truyền thống của họ. Một trong những truyền thống xuyên suốt văn hoá nước Mỹ là chủ nghĩa Thanh giáo bắt rễ từ đất thuộc địa Matsasuset, nó là một loại tôn giáo, một loại triết học, đồng thời cũng là một phương thức sống".

Chủ nghĩa Thanh giáo đã không phải là một loại tôn giáo có ý nghĩa thuần tuý, nó là một phương thức sống và là một quan điểm luân lý tôn giáo.

Là tôn giáo, họ cho rằng Chúa là một đấng tối cao và người có tội dù thực hiện điều thiện cũng không thể được cứu vớt, vì thần đã quy định ai sẽ được chọn vào "xã hội thánh nhân". Nhưng, hễ con người thực hiện hai khế ước thì có thể đạt được mục đích làm vui lòng Chúa, một là khế ước với Chúa, hai là khế ước với đồng loại. Khế ước với Chúa, tức ý nguyện của Chúa với đủ loại cách cứu vớt vĩnh hằng được truyền cho con người và xin hứa với Chúa không bao giờ loại bỏ các điều kiện ấy. Chúa trong khế ước làm cho con người thoả mãn là quan niệm giá trị giữa người và thần thánh về sự đúng đắn, sai lầm, chính nghĩa, có sự thống nhất một cách cơ bản; con người có thể tự tin vào cuộc sống của mình, hành động tốt đẹp của con người phản ánh quan hệ giữa con người với Chúa. Đồng thời, con người cần phải

cùng với đồng loại xây dựng kế ước thứ hai, nhằm xây dựng một xã hội làm vui lòng Chúa. Tín đồ Thanh giáo tin rằng, chung sống với cộng đồng ưu việt hơn trạng thái cô lập “tự nhiên” nguyên thủy, tự tôn mù quáng... Người ta quan tâm lẫn nhau, mọi người làm hết trách nhiệm của mình, mới có thể đạt đến yêu cầu của Chúa, phản ánh sự anh minh của Chúa.

Chủ nghĩa Thanh giáo được xem là một loại quan điểm luân lý, chủ trương con người trong quá trình phục vụ Chúa, tinh thần sáng tạo của họ cần luôn bồi đắp niềm tin, thái độ khiêm nhường, không cho phép được quá mỡ mang trở thành tham vọng tự kiêu tự đại. Trong cuộc sống, một con người nếu thấy mình đã qua tu luyện tốt nhất, khi làm việc gì đó, và chỉ được làm việc ấy thôi, cuộc sống của họ mới là chính đáng. Đúng vậy, người ta thường nêu lên khái niệm xã hội của tín đồ Thanh giáo về cơ bản là kiểu Platon, chẳng qua dựa vào thần học Thiên chúa giáo để sửa đổi mà thôi. Giả thiết cơ bản của nó là, một xã hội hài hoà dựa vào thiên tư và thiên tài của mỗi một cá nhân Chúa đã ban cho để vận dụng, bất kể họ là công nhân chặt gỗ, người kéo xe, hoặc quan chức chính phủ, nhìn vào toàn cục mà nói đều là hướng thiện. Sứ mạng của mỗi người đều theo cách riêng của mình âm thầm lặng lẽ, không biết mệt mỏi đóng góp cho đoàn thể, từ đó đều được đánh giá về sự nghiêm túc của họ. Tóm lại, luân lý của tín đồ chủ nghĩa Thanh giáo là một loại luân lý của tinh thần cầu tiến bộ và làm việc đúng đắn.

Nhiều học giả cho rằng, di sản chủ yếu của tín đồ Thanh giáo Mỹ nên gọi là “quan điểm luân lý Thanh

giáo". Nó hình thành một loại trạng thái tâm lí đặc biệt, một loại quan điểm có giá trị thực dụng và ràng buộc cá nhân trong xã hội, thậm chí trở thành cội nguồn sức mạnh tinh thần của người Mỹ sau này.

2. Tôn giáo cần thoả mãn yêu cầu đạo đức

Từ sớm Giêmxơ đã chịu ảnh hưởng của bố về quan điểm tôn giáo của chủ nghĩa Thanh giáo. Quan điểm tôn giáo của ông cũng có khuynh hướng chủ nghĩa thực dụng, lấy thoả mãn nhu cầu của con người làm mục đích. Trong lời tựa "Tác phẩm để lại của Henry Giêmxơ", tuy ông cũng tỏ ra có sự đồng tình nào đó về nhất nguyên luận thần học của bố ông, kế thừa quan điểm cơ bản của bố ông về tôn giáo và luân lí không thể tách rời nhau. Nhưng ông không thảo mãn với tính trừu tượng của hệ thống luân lí tôn giáo của cụ Giêmxơ. Ông nhấn mạnh quan hệ giữa tôn giáo với nhân sinh, chứ không phải là giáo điều tôn giáo của thần học. Ông cho rằng, tôn giáo nếu không phải là một bộ phận kinh nghiệm sống thì sẽ biến thành "dung tục cứng nhắc". Giêmxơ chủ trương làm cho tôn giáo phụ thuộc vào đạo đức. Ông cho rằng, thái độ làm việc của một người lành mạnh về tinh thần là một loại thái độ đạo đức, phân biệt được nghiêm khắc thiện ác, đi theo cái thiện tránh cái ác. Ông chống lấy chủ nghĩa yên tĩnh của tôn giáo để bài xích đạo đức, cho rằng thế giới nên làm cho hoạt động đạo đức trở thành nơi hoạt động có giá trị nhất. Theo Giêmxơ, thoả mãn sự ham muốn và nhu cầu cá nhân để cho cá nhân đạt được thành công là tiêu chuẩn căn bản đánh giá đúng sai, thiện ác của mọi đạo đức.

cho nên tôn giáo được hình thành dựa theo yêu cầu của đạo đức nên lấy mục tiêu thoả mãn lòng ham muốn và nhu cầu của con người, giúp con người đạt được thành công, và điểm này chính là đặc điểm căn bản quan điểm tôn giáo của Giêmxơ. Sở dĩ Giêmxơ cho rằng tín ngưỡng tôn giáo có thể đem lại sự thoả mãn cho người ta, vì nó có thể làm cho người ta trước thế giới không ổn định, thậm chí sắp huỷ diệt và phân rã còn có thể có hi vọng, được an ủi, làm cho con người có dũng khí phấn đấu cho tương lai của mình. Tôn giáo chỉ ít có thể đem lại cho người ta “ngày nghỉ đạo đức”. Ngày nghỉ này giống như các ngày nghỉ khác, có thể dùng cho mục đích của chúng ta, và ngày nghỉ còn có thể ảnh hưởng gián tiếp đến tuần công tác. Sau này trong các tác phẩm “Chủ nghĩa thực dụng” Giêmxơ phát huy hơn nữa quan điểm này. Ông nói: “Khái niệm Chúa tuy không rõ ràng giống như khái niệm toán học được lưu hành trong triết học thuyết máy móc, nhưng mức độ thấp nhất, nó có ưu điểm thực tế mạnh hơn chúng, đó là sự bảo đảm trật tự của một lí tưởng có thể tồn tại lâu dài. Cuối cùng, một thế giới có Chúa, có lẽ, có thể đốt cháy hoặc đóng băng, nhưng chúng ta có thể nghĩ đến Chúa không thể quên lí tưởng cũ, nhất định sẽ làm cho lí tưởng thực hiện ở nơi khác. Cho nên nơi nào có Chúa, bị kịch chẳng qua là tạm thời, cục bộ, huỷ diệt và phân giải không phải là kết quả cuối cùng. Nhu cầu về trật tự tinh thần vĩnh hằng như vậy là một trong những nhu cầu sâu sắc nhất trong lòng chúng ta”. Lại nói: “Bất kì kiến giải của tôn giáo nào đều có thể đem lại cho chúng ta ngày nghỉ trên tinh thần. Tôn giáo không những trong thời gian chúng

ta phần đầu đem lại sự cổ vũ... .. và chứng minh chúng là điều tất nhiên như vậy"⁽¹⁾.

Theo Giêmxơ, Chúa, tôn giáo là quan trọng, có tác dụng, vì nó có thể thoả mãn nhu cầu chủ quan của con người. Nên Giêmxơ đánh giá tôn giáo với thái độ khẳng định, tán thưởng. Với Chúa đều có tình cảm sùng kính và chân thành.

Giêmxơ chủ trương không tín ngưỡng tôn giáo mù quáng, mà chủ trương tín ngưỡng tôn giáo phục tùng nhu cầu và mục đích của con người. Đối với Chúa, đối tượng chủ yếu của tín ngưỡng tôn giáo, Giêmxơ cho rằng không chỉ người ta nên tín ngưỡng Chúa, mà còn nên tin Chúa tồn tại. Trong nhiều tác phẩm, ông luôn nói đến ông thừa nhận sự tồn tại sức mạnh tinh thần vượt lên trên con người. Nhưng Giêmxơ không đồng ý quan điểm thuyết hữu thần truyền thống, coi Chúa là sức mạnh có khả năng vô hạn và tuyệt đối. Ông cho rằng, chỉ riêng trong thế giới hiện thực còn tồn tại thực tế thiện ác và đau khổ, chúng tỏ ý thức siêu nhân ấy của Chúa là có hạn. Bất kì nói về sức mạnh, trí thức, hoặc sự kết hợp của hai cái, Chúa đều bị hạn chế. Theo ông, nếu giống như người theo thuyết hữu thần cũ cổ vũ, Chúa sáng tạo thế giới, thế thì sau khi Chúa sáng tạo thế giới, thì không có giá trị tồn tại nữa. Vì Chúa này không thể đưa chúng ta đến tương lai hi vọng. Giá trị và ý nghĩa của Chúa chỉ có thể là cái đã thực hiện, và không thể sáng tạo cái mới. Ông nói: "Dù có Chúa nhưng việc làm của Chúa đã hoàn thành và vũ trụ của

⁽¹⁾ Giêmxơ: "Chủ nghĩa thực dụng", sđd, tr.58.

Chúa đã vỡ nát. Chúa này còn có ý nghĩa gì nữa? Giá trị của Chúa không thể càng nhiều hơn cái vũ trụ ấy một ít”.

Theo quan điểm của Giêmxơ, Chúa nên là một loại sức mạnh có thể dẫn dắt chúng ta đến tương lai, đem lại hi vọng và sức mạnh cho chúng ta, có thể cứu giúp chúng ta... Giêmxơ cho rằng, Chúa làm cho chúng ta được cứu vớt, vừa không giống như chủ nghĩa lạc quan phái lí tính nói đó là tính tất yếu, lại không giống như những người theo chủ nghĩa bi quan như Sôpenhaor (Arthur Schopenhauer) nói là không có khả năng, nên nói Chúa có khả năng làm cho chúng ta được cứu vớt. Ông gọi loại quan điểm này là “chủ nghĩa cải thiện”. “Chủ nghĩa cải thiện đối với sự cứu vớt của thế giới, vừa không nên xem là tất nhiên, cũng không nên coi là không có khả năng, mà coi là một loại khả năng. Các điều kiện thực tế được cứu vớt tăng lên, loại khả năng này trở thành tính tất nhiên thực tế ngày càng lớn”⁽¹⁾. Nói cách khác, chủ nghĩa cải thiện cho rằng, nếu con người có thể cùng Chúa hợp tác làm cho thế giới trở nên tốt, thì thế giới ấy có thể trở nên tốt. Tương lai không phải do Chúa quyết định nên không phải tất nhiên trở nên tốt hoặc tất nhiên trở nên xấu. Ý nghĩa và tác dụng của Chúa vừa đem lại hi vọng cho chúng ta, làm cho chúng ta có lòng tin biến thế giới trở nên tốt. Nói cách khác, Chúa không phải là người quyết định tuyệt đối, mà chỉ là một loại hi vọng, một loại sức mạnh cổ vũ. Theo Giêmxơ “Không có Chúa giống như nói không có hi vọng”.

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng” sđd, tr.146.

Vì vậy cái gọi là Chúa của Giêmxơ không phải là đấng Tạo hoá và Chúa của tinh thần tuyệt đối, mà chỉ là một sự giả thiết, người ta giả thiết ngoài thế giới vật chất có thể thấy được còn có một thế giới lí tưởng khoa học không thể đạt đến; chúng ta chưa được biết, hoặc nói có một thế giới là đối tượng tình cảm và thể nghiệm nội tâm của cá nhân. Giống như các giả thiết khác, tính chất xác thực về sự tồn tại của Chúa cũng chỉ có thể do họ đánh giá về tác dụng đối với con người.

II. CÁC LOẠI KINH NGHIỆM TÔN GIÁO

Việc tìm hiểu vấn đề tôn giáo có thể nói đã đeo đẳng suốt đời Giêmxơ. Ông thường dựa vào hiểu biết của mình để trình bày kinh nghiệm tôn giáo. “Các loại kinh nghiệm tôn giáo” được xuất bản năm ông 58 tuổi lại là một thể hiện tập trung tư tưởng tôn giáo của ông.

1. Hai loại hình kinh nghiệm tôn giáo

Giêmxơ chống lại việc bàn luận một cách siêu hình tôn giáo và Chúa trừu tượng mà gắn chặt chúng với số phận và đời sống con người.

Giêmxơ cho rằng, con người đã thần bí hoá rất nhiều kinh nghiệm cuộc sống khó đặt tên thành những kinh nghiệm tôn giáo. Giêmxơ phân biệt những kinh nghiệm tôn giáo này thành hai loại:

Một là, tôn giáo của “tinh thần lạnh mạnh”. Loại tôn giáo này cho rằng, thế giới là vườn đào của cuộc sống, mọi biểu hiện cái ác đều là ngẫu nhiên, so sánh với cái thiện cơ bản thì không có liên quan gì lớn. Tóm

lại có thể quy kết thành một câu: “Trên trời có Chúa, trên đời mọi cái đều tốt đẹp”. Giêmxơ cho rằng, tôn giáo của loại trạng thái tinh thần lành mạnh này là một loại tôn giáo không hiểu con người vì sao có thể bị quan yếm thế, nó phối hợp với cuộc vận động tiến hành chữa bệnh bằng tâm lí khi không có lòng tin đối với bệnh, được truyền bá rộng rãi trong thế kỉ XIX. Ông không coi trọng thái độ tôn giáo này, vì nó trực tiếp phủ định sự thật bất hạnh và đau khổ tồn tại khắp nơi. Vì “Văn minh được xây dựng trên lò mổ”, nếu chúng ta từ chối thừa nhận sự thực này, chúng ta có thể làm cho mình trở thành người mù trước thực tế chìm ngập đáng sợ.

Hai là, tôn giáo của “tinh thần bệnh hoạn”. Giêmxơ cho rằng, loại tôn giáo này chân thực, toàn diện hơn tôn giáo “tinh thần lành mạnh”. Trong loại tôn giáo này, thế giới không chỉ tồn tại cái thiện mà còn tồn tại cái ác, cho nên nó có thể xuất hiện cái ác, hoặc dùng một loại phương thức gì không chế cái ác, hoặc thông qua một loại thoả hiệp nào đó làm cho cái ác được cải tạo giúp cho cái thiện. Những người theo kinh nghiệm tôn giáo “tinh thần bệnh hoạn” không thể hiểu vì sao cùng một vũ trụ cuối cùng có thể vừa sinh ra nhân từ, lại sinh ra tàn khốc, nhưng họ cố gắng tìm hiểu vũ trụ, lại cố gắng tìm hiểu quan hệ giữa mình với hoàn cảnh. Họ phát hiện mình đang ra sức tìm kiếm hạnh phúc, sáng tạo hạnh phúc, nhưng hành động của họ lại mang lại đau khổ cho họ hoặc cho những người thân yêu của họ. Họ nhận ra rằng cùng hoàn cảnh với họ, hoặc cùng bản tính như họ đều ở trong một loại quan hệ đau khổ. Bất kì lúc nào, hễ dựa vào ý nguyện của mình để tự thiết kế

sức mạnh không chế vũ trụ, là đã cảm thấy cái ác ở ngay trong bản tính cá nhân họ, như một loại phá hoại của quan hệ giữa họ và vũ trụ, cảm giác tội ác làm cho bản thân Chúa phải gánh chịu đau khổ. Linh hồn cảm thấy bị xé làm hai nửa, nhưng bản thân linh hồn nên hợp thành một khối. Lúc ấy cần có một loại tôn giáo an ủi, thông qua tín ngưỡng tôn giáo đạt đến sự thống nhất ở trong mình.

2. Chủ nghĩa thần bí

Một phần ba cuối cùng của sách “Các loại kinh nghiệm tôn giáo” Giêmxơ dùng cho nghiên cứu chủ nghĩa thần bí. Giêmxơ cho rằng, chủ nghĩa thần bí cũng là một hình thức kinh nghiệm tôn giáo, thông qua nó có thể cùng với cảm giác và lí trí tiến hành tiếp xúc với nguyên tố vũ trụ không thể hiểu được, đó là cánh cửa thông với thế giới xưa nay không thể nhìn thấy được. Nó khái quát kinh nghiệm thần bí thành hai mặt: một là, kinh nghiệm của thần bí đều là lạc quan, không phải là lạc quan vờ vịt của tinh thần lạnh mạnh, mà là lạc quan đến từ việc chiến thắng những nỗi tuyệt vọng. Vũ trụ mà kinh nghiệm thần bí đã nêu lên là chí thiện. Hai là, thế giới mà kinh nghiệm thần bí miêu tả là thống nhất.

Cái mà người theo chủ nghĩa thần bí nắm chắc là cái siêu cảm giác, siêu thời gian và không gian, nó làm cho cá nhân đạt đến một loại ý thức thấu hiểu toàn bộ hàm nghĩa của vũ trụ, đạt được một loại quyền uy có ý nghĩa tuyệt đối. Vì kinh nghiệm của chủ nghĩa thần bí không thể nói rõ, cho nên chỉ có những người trực tiếp

tiếp xúc với những kinh nghiệm ấy mới có quyền uy tuyệt đối. Giemxơ luôn luôn cho rằng, kinh nghiệm thần bí là một loại phương pháp đáng tin cậy có thể giúp tiến hành tiếp xúc một số mặt với thế giới ấy, vì những mặt ấy dùng phương pháp khác không thể nào hiểu được.

Thái độ của Giemxơ đối với tôn giáo thế giới là siêu nhiên, là đứng ngoài cuộc lạc quan. Ông vừa có liên hệ lại vừa có phân biệt với tôn giáo truyền thống, càng thể hiện đặc sắc tư duy của riêng ông, cho nên trong tác phẩm ông đã viết, giả thiết đáng tạo hoá trước khi sáng tạo thế giới, nêu với anh một vấn đề như sau: Ta sẽ sáng tạo một thế giới, một thế giới muốn được hoàn thiện cần phải có điều kiện, ấy là các lực lượng đều phải dốc toàn lực. Ta tạo cơ hội cho anh gia nhập thế giới ấy. Anh biết không, sự an ninh của thế giới ấy không thể bảo đảm. Đây là một lần phiêu lưu thử thách hàng thật giá thật, tiền đồ hiem nghèo, nhưng cũng có thể sẽ tồn tại cơ hội thành công... .. anh thích tham gia vào hàng ngũ ấy không? Anh có thể tin vào mình, tin tưởng lực lượng khác có thể bình thản đối mặt với phiêu lưu như vậy không?... vì chúng ta trung thành với thiên nhiên, người nuôi dưỡng xa xưa, chúng ta cũng quyết không thể từ chối. Đó là giọng điệu cũ của Stôcô (trường phái triết học La Mã Hy Lạp Xtôcô, tr C.N 300 năm) xâm nhập vào tinh thần Mỹ hiện đại. Bản thân một trận đánh đẹp làm cho người ta rất vui mừng, mặc dù kết quả của nó như thế nào còn chưa được biết. Điều quan trọng là, đối với cá nhân thành bại của đấu tranh khó dự kiến, nhưng đối với cả loài người, thắng lợi của cuộc

đấu tranh này khá chắc chắn. Vì chúng ta có một người đồng minh vạn năng là Chúa. Chúng ta được sự giúp đỡ của Chúa, hãy dũng cảm tiếp tục chiến đấu, chúng ta hãy cải tạo thế giới theo nhu cầu của chúng ta. Nói cách khác, chúng ta cần trải qua cuộc sống thực tế. Do đó trong chiến dịch sau đó Giêmxơ lao vào triết học chủ nghĩa thực dụng phục vụ cho đời sống thực tế.

CHỦ NGHĨA THỰC DỤNG

Năm 1897 Giêmxơ trở lại làm giáo sư triết học, ông dốc toàn lực vào công tác giảng dạy và nghiên cứu triết học. Nhưng cơn bệnh lại giày vò ông, bệnh tim kéo theo làm cho ông kiệt sức bị hôn mê khủng khiếp, dài ngày, đe dọa đến tính mạng. Sau một thời gian chữa bệnh và điều dưỡng mới dần dần hồi phục khả năng nói và viết. Mặc dù đang mang bệnh nhưng bộ óc của ông không chịu yên, luôn luôn suy nghĩ, tìm tòi. Tháng 8 năm 1898, khi sức khỏe mới hơi bình phục, ông đã giảng triết học tại Đại học Caliphóocnia với chủ đề “Khái niệm triết học và hiệu quả thực tiễn”. Ông kêu gọi mọi người chú ý đến “Nguyên tắc Piécxơ”, nêu trở lại trước công chúng nước Mỹ nguyên tắc chủ nghĩa thực dụng Piécxơ đã xác lập trước đây 20 năm, và ông cải tạo, khái quát lại quan điểm của Piécxơ, giới thiệu và trình bày rõ cho mọi người. Xã hội Mỹ là một xã hội chú trọng lợi ích thực tế, khi Giêmxơ phát huy Nguyên tắc Piécxơ, đã dùng ngôn ngữ trong sáng nêu bật “hiệu quả”, lấy đó làm tiêu chuẩn đánh giá mọi cái đúng sai, thật giả, nó hoàn toàn phù hợp với nhu cầu xã hội Mỹ. Vì thời đại của Giêmxơ đang sống chính là thời đại nước Mỹ bước vào chủ nghĩa đế quốc, cũng là thời đại “săn giết bất thú to” Rudơvên theo đuổi “chính sách cây

gây". Sự trầm tư của triết học kiểu kinh viện đơn thuần không thể thoả mãn nhu cầu đời sống, triết học cần phải can thiệp vào đời sống, chỉ đạo đời sống. Chủ nghĩa thực dụng rất phù hợp với yêu cầu thời đại, cho nên đã nhanh chóng đẩy lên cuộc vận động triết học chủ nghĩa thực dụng tại Mỹ. Giêmxơ trở thành người mở đầu cuộc vận động triết học chủ nghĩa thực dụng. Năm 1906, Giêmxơ tại Sở Nghiên cứu Rôin (?) tiến hành một số buổi giảng triết học phổ thông, tức lí luận hệ thống về triết học chủ nghĩa thực dụng của ông. Tháng 1 năm 1907, tại Đại học Colômbia Niu Ooc lại giảng "Chủ nghĩa thực dụng", sửa đổi và hoàn thiện hơn bài giảng các lần trước, tháng 5 năm ấy chính thức xuất bản sách "Chủ nghĩa thực dụng". Lần giảng này đã đạt được sự thành công chưa từng có, lí luận vĩ đại "chủ nghĩa thực dụng" đã khiến cho giáo sư Giêmxơ đứng trên bục giảng như nhà tiên tri giảng xuống, hội trường từ ngày thứ nhất đến ngày cuối cùng đều chật cứng người. Ông gọi đó là "cao trào của tôn tại".

I. TRIẾT HỌC LÀ TINH HOÁ CỦA TINH THẦN THỜI ĐẠI

Giêmxơ có thể thúc đẩy triết học chủ nghĩa thực dụng thành một cuộc vận động trong nước Mỹ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là do thời đại tạo nên.

Hêghen cho rằng. "Triết học là một loại hình thức, hình thức gì? nó là đoá hoa nở rộ. Nó là khái niệm của toàn bộ hình thái tinh thần, nó là sự tự giác và bản chất tinh thần của toàn bộ hoàn cảnh khách quan, nó là tinh thần của thời đại, là tinh thần của mình đang tư

duy"⁽¹⁾. Triết học đều hướng về thời đại, đều là tư duy thực chất của tinh thần thời đại. Cho nên Mác đã khái quát như sau: "Bất kì triết học chân chính nào đều là tinh hoa tinh thần của thời đại của mình"⁽²⁾. Triết học chủ nghĩa thực dụng chính là sự thể hiện tập trung tinh thần thời đại của nước Mỹ.

Chủ nghĩa thực dụng là "đặc sản" của xã hội Mỹ, lưu hành từ cuối thế kỉ XIX đến thập kỉ 40 của thế kỉ XX, kéo dài và phát triển trong nửa thế kỉ, thời gian này được gọi là "thời đại hoàng kim" của triết học Mỹ. Nếu nói có loại triết học nào trên thế giới bắt nhịp chặt chẽ nhất với mạch đập của thời đại, trước hết cần nêu lên triết học chủ nghĩa thực dụng của nước Mỹ. Chủ nghĩa thực dụng là linh hồn của tinh thần Mỹ, được nảy sinh theo tiếng gọi của thời đại Mỹ, có chung số phận với sự phát triển của xã hội Mỹ, trở thành triết học nhân sinh của người Mỹ.

Nước Mỹ sau Chiến tranh độc lập, năm 1783 cùng với Anh kí hiệp ước Vecxây, trở thành nước Cộng hoà độc lập tư sản đầu tiên ở châu Mỹ. Mỹ không có lịch sử phong kiến lâu dài, cũng không có gánh nặng của phong kiến. Giai cấp tư sản mới đã bắt đầu độc chiếm trong đời sống kinh tế và chính trị nước Mỹ. Và trải qua cuộc Chiến tranh Nam Bắc từ năm 1861-1865 đã đập tan chế độ nô lệ miền Nam nước Mỹ, quét sạch rào cản sự phát triển chủ nghĩa tư bản, sản xuất tư bản

⁽¹⁾ Giêmxơ: "Ghi lại bài giảng của Giêmxơ", quyển 1, Thương vụ ấn thư quán, 1978, tr.56.

⁽²⁾ "Mác-Ăngghen toàn tập", quyển 1, Nxb ND, 1956, tr.121.

chủ nghĩa được phát triển mạnh mẽ chưa từng có. Đến năm 1860 sản xuất công nghiệp nước Mỹ chiếm hàng thứ 4 thế giới, năm 1894 vọt lên hàng đầu thế giới. Cuối thế kỉ XIX và 20 năm đầu thế kỉ XX, là thời đại xã hội Mỹ xáo động lớn, biến đổi lớn và phát triển mạnh mẽ, là thời đại bước ngoặt lịch sử, nước Mỹ từ nước nông nghiệp tư bản chủ nghĩa đi lên nước công nghiệp tư bản chủ nghĩa.

Về kinh tế, nước Mỹ sau nội chiến, xu thế cuộc vận động hợp nhất độc quyền về công nghiệp không thể cưỡng nổi, sự thống trị của công ti lớn hiện đại hoá trong sản xuất công nghiệp ngày càng mở rộng, đế quốc tài chính tiền tệ (Mócgan và Rôcôphenlơ) xuất hiện và phát triển nhanh chóng, xuất khẩu tư bản tăng lên mạnh v.v... đã tạo nên quá trình phức tạp của đời sống kinh tế Mỹ ngày càng đi sâu vào cạnh tranh gay gắt và xung đột mâu thuẫn.

Về chính trị, một mặt Tổng thống Rudôvên thúc đẩy một loạt chính sách cải cách như tăng cường sự lãnh đạo thống nhất của chính phủ, thực hiện nhà nước kiểm soát tài sản công nghiệp và sự nghiệp công cộng, thông qua lập pháp chống lại độc quyền của tờ rút, nó đã làm cho đời sống chính trị của Mỹ thêm nhiều sức sống. Mặt khác, xã hội Mỹ cũng xuất hiện các cuộc vận động chính trị, cuộc đấu tranh giành quyền của đông đảo phụ nữ, chủ nghĩa xã hội cánh tả và sự nổi dậy của chủ nghĩa xã hội v.v... đang nêu lên trong phạm vi xã hội nhiều loại vấn đề và phương án giải quyết về lí luận chính trị và thực tiễn nước Mỹ.

Về tư tưởng, thời kì ban đầu dựng nước, Mỹ đã xác định quan niệm khai sáng và lí tính, cho rằng niềm tin lạc quan vào khoa học, lí tính và giáo dục là tiêu chí của tiến bộ loài người. Dưới sự chỉ đạo của tư tưởng này, Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ đã xác lập nguyên tắc lập nước của chủ nghĩa nhân đạo, chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa tự do; Hiến pháp nước Mỹ cũng quy định quan hệ xã hội là tự do, dân chủ, nhân quyền, bình đẳng của giai cấp tư sản. Nhưng tư tưởng chủ đạo xuyên suốt của Hiến pháp là tinh thần đề xướng cơ hội như nhau, cạnh tranh sinh tồn và tích cực hành động, tuyên truyền rộng rãi là mọi người đều có cơ hội phát triển, tài năng của con người là nhiều loại đa dạng, có thể nắm bắt cơ hội phát triển mình hay không, có thể trong cuộc cạnh tranh gay gắt công tác và sự nghiệp giành thắng lợi hay không, then chốt là do mình, then chốt là hành động. Điều ấy đã trở thành một loại “tinh thần nước Mỹ”. Nghĩa là: cơ hội, cố gắng cạnh tranh, tích cực hành động, chú trọng hiệu quả.

Cho nên cuối thế kỉ XIX ở nước Mỹ đã xuất hiện một cuộc vận động triết học sáng tạo, đầy sinh khí, có ý nghĩa sâu xa, đó là cuộc vận động chủ nghĩa thực dụng. Thời đại hoàng kim của triết học nước Mỹ được đánh dấu bằng sự nổi lên và phát triển của cuộc vận động này. Không thể phủ nhận ở Mỹ triết học thật sự kết hợp với thực tế xã hội, triết học thật sự có tác dụng thúc đẩy to lớn sự phát triển nước Mỹ là chủ nghĩa thực dụng. Tiến sĩ Kítsingơ. Quốc vụ khanh trước đây của Mỹ cho rằng, chủ nghĩa thực dụng là “tinh thần nước Mỹ”. tinh thần học hỏi và chí tiến thủ của người Mỹ do

chủ nghĩa thực dụng vun đắp nên, lãnh đạo của Mỹ là “tập đoàn lãnh đạo kiểu chủ nghĩa thực dụng quan liêu”.

Chủ nghĩa thực dụng sinh ra đã tiếp sức sống mới cho triết học nước Mỹ. Giêmxơ so sánh chủ nghĩa thực dụng như hào quang mới trong triết học, ông nói: “Thật giống như tia chớp trong đêm tối mù mịt vậy!” “Bản thân tôi rất tin triết học, lại tin một loại ánh sáng mới đã bắt đầu chiếu sáng con đường của các nhà triết học của chúng ta”⁽¹⁾.

Một nhà triết học Pháp tên là Tôcôvin Alexis Charles Henri Clérel de Tocqueville (1805-1859) khẳng định, Mỹ là nước ít nghiên cứu triết học nhất trên thế giới. Lời phán đoán này không phải không có lí. Trong thời gian từ Giépphơson sau Chiến tranh độc lập đến Giêmxơ cuối thế kỉ XIX, nước Mỹ hầu như không có một người nào có thể gọi là nhà triết học. Triết học Piécxơ, người cha của chủ nghĩa thực dụng, mặc dù là triết học quan trọng nhất thời kì này, nhưng ảnh hưởng lúc ấy rất nhỏ, chưa được người ta để ý đến. Triết học ở bên-ngoài truyền vào như chủ nghĩa Hêghen mới, một thời rất khó thích hợp với khẩu vị người Mỹ. Họ rất ghét triết học trừu tượng, tư biện, khó hiểu và siêu hình, thậm chí bài bác triết học, chà đạp triết học. Điều ấy không có nghĩa người Mỹ không cần triết học, họ chỉ ghét thứ triết học không thoả mãn nhu cầu của họ. Giêmxơ nói, cao thượng trong sáng là đặc sắc của triết học chủ nghĩa lí trí, “nhưng là một loại triết học, chỉ có

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, sdd, tr.6.

cao thượng trong sáng mà không nói lên vấn đề gì khác. thì mãi mãi không thể thoả mãn tâm tư của những người theo chủ nghĩa kinh nghiệm. Triết học ấy hình như là bia kỉ niệm để trang trí. Cho nên họ phát hiện nhà khoa học không nên siêu hình, coi đó giống như cái u hồn hoàn toàn khép kín, nhà thực nghiệm quét sạch bụi bặm triết học bám trên chân của họ, nghe tiếng gọi của đồng nội hoang sơ..."⁽¹⁾. Giêmxơ được tôn là nhà triết học số một tiếng tăm lẫy lừng thế giới từ khi nước Mỹ lập nước đến nay, vì từ cuối thế kỉ XIX ông đã thúc đẩy chủ nghĩa thực dụng trở thành một cuộc vận động triết học, từ đó sự phát triển triết học nước Mỹ bước vào "thời đại hoàng kim". Triết học chủ nghĩa thực dụng đã thích ứng với nhu cầu thời đại, đã tìm được mảnh đất cắm rễ trong xã hội nước Mỹ, cho nên trong thực tế, hoặc nói trong kinh nghiệm hằng ngày, nó mới phát huy tác dụng quan trọng và được phát triển toàn diện trong thời gian dài nửa thế kỉ.

II. XUẤT XỨ CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DỤNG

Đầu thập kỉ 70 của thế kỉ XIX, Piécxơ khởi xướng hình thức salông học thuật – "Câu lạc bộ siêu hình" gồm những nhân vật chủ yếu như Rôccơ, Hium, Phixkê, Gơrin và Giêmxơ, tiến hành định kì thảo luận, phát biểu các loại quan điểm học thuật, lúc ấy cũng chưa thu hút người ta chú ý. Nhưng về sau, nó được nổi tiếng toàn nước Mỹ, thậm chí cả thế giới, chủ nghĩa thực dụng sinh ra từ đây.

⁽¹⁾ Giêmxơ: "Chủ nghĩa thực dụng", sđd tr. 15.

“Câu lạc bộ siêu hình” xuất xứ từ trào lưu tư tưởng chủ nghĩa thực dụng nước Mỹ; là lá cờ đầu sự phát triển triết học Mỹ bước vào “thời đại hoàng kim”. Trong thời kì Cách mạng và Chiến tranh Nam Bắc, cái nước Mỹ quan tâm là củng cố thành quả cách mạng, giải quyết những vấn đề xã hội có tính nghiêm trọng, như vấn đề tồn tại chế độ nô lệ, vấn đề mở rộng tích lũy tư bản. Rất ít thích thú nghiên cứu triết học. Vào cuối thế kỉ XIX, loại bỏ chế độ nô lệ đồn điền, tạo điều kiện thuận lợi chưa từng có cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Trong thời gian 30 năm từ thập kỉ 70 đến cuối thế kỉ XIX, công nông nghiệp Mỹ phát triển mạnh, và bắt đầu quá độ từ chủ nghĩa tư bản “tự do” lên giai đoạn chủ nghĩa đế quốc. Việc khai phá đất đai miền Tây, sức lao động tự do và thị trường trong nước được mở rộng, ứng dụng khoa học kĩ thuật tiên tiến, tư bản châu Âu được đưa vào và rất nhiều cuộc di dân từ nước ngoài ùn ùn kéo đến, đã đẩy kinh tế tư bản chủ nghĩa thời kì này phát triển nhanh chóng.

Sau Chiến tranh Nam Bắc chấm dứt, giới triết học Mỹ có đạo lại cảm thấy thích thú với chủ nghĩa duy tâm triết học, triết học chủ nghĩa tư biện đã chiếm địa vị thống trị trong học viện. Lực lượng có ảnh hưởng nhất trong việc khôi phục triết học chủ nghĩa tư biện là sự ra đời trường phái triết học Hêghen thành phố Xanh Lui. Thành viên của trường phái này là W.T. Harixơ (Harris). H.C.Broc máyco (Brockmeyer). T.Đavitsơn (Davisson).... có nhiều người là dân di cư từ Đức. Sau cuộc Cách mạng năm 1848 họ chạy sang Mỹ, sau đó tham gia công tác phiên dịch và nghiên cứu tác

phẩm chủ nghĩa duy tâm tuyệt đối của Đức. Công tác này bắt đầu từ việc xây dựng “Câu lạc bộ Canto” và được phát triển dưới sự giúp đỡ của tạp chí triết học chủ nghĩa tư biện. W.T.Harixơ là biên tập có ảnh hưởng nhất của tạp chí này. ông cho rằng Hêghen là người thầy lớn làm cho người Mỹ am hiểu một số nhà triết học vĩ đại. Harixơ và các bạn của ông đã triển khai cuộc tranh luận gay gắt để tán thành chủ trương “triết học trừu tượng” và phương pháp tư biện, chống lại chủ nghĩa kinh nghiệm, chủ nghĩa thực chứng và bất khả tri luận. Họ cho rằng: thông qua lí tính, người ta có thể nhận được tri thức rất chuẩn và tuyên truyền cho chủ nghĩa Hêghen đã nêu lên một thế giới quan toàn diện, trước sau đều thống nhất và thích hợp cho luân lí học, tôn giáo, nghệ thuật, chính trị, luật pháp và giáo dục.

Đồng thời sự du nhập của thuyết tiến hoá Đacuyn đã đánh dấu một bước ngoặt của triết học Mỹ. Tác dụng chủ yếu của chủ nghĩa Đacuyn trong triết học Mỹ là làm chuyển biến khái niệm tự nhiên từ hệ thống cố định thực tại vĩnh hằng thành một quan niệm biến đổi động thái, và dùng phạm trù của quá trình và sự kiện thay thế phạm trù thực thể và bản chất. Điều quan trọng nhất là, chủ nghĩa Đacuyn đã phá vỡ quyền uy chủ nghĩa duy tâm đã được xác định, làm cho sự phát triển phương pháp thực nghiệm triết học trở thành khả năng. Trào lưu tư tưởng triết học chủ nghĩa thực dụng đứng vững trên chủ nghĩa duy tâm tư biện, được chủ nghĩa Đacuyn khai sáng, xuất hiện theo nhu cầu hiện thực của xã hội Mỹ.

Các thành viên của “Câu lạc bộ siêu hình” trong các lãnh vực nghiên cứu ở trình độ khác nhau đều trình bày quan điểm chủ nghĩa thực dụng của mình. Những quan điểm này có tác dụng thúc đẩy trực tiếp, hình thành hệ thống tư tưởng chủ nghĩa thực dụng.

C. Vơráynơ là người cầm đầu thực sự “Câu lạc bộ siêu hình”, quan điểm chủ nghĩa thực dụng của ông có tác dụng rất quan trọng trong việc hình thành tư tưởng Piếcxơ, cung cấp cơ sở lí luận cho phương pháp của chủ nghĩa thực dụng.

Ở Mỹ, Hium là người theo chủ nghĩa thực dụng lớn nhất trên phương diện pháp luật. Ông xuất phát từ quan điểm Vơráynơ phủ nhận tính tất nhiên, nhằm đạt đến sự phủ nhận mục đích của chân lí khách quan. Ông nói, cảm nhận của chúng ta đối với chân lí, chẳng khác gì sự vô đoán của chúng ta đối với khẩu vị cà phê, cảm bản không có chân lí khách quan. Ông cho rằng, tiêu chuẩn cuối cùng của chân lí chẳng qua là chúng ta không thể không tin như vậy, hoàn toàn tùy thuộc sự biểu quyết của đa số người. Ông thậm chí gọi triết học của mình là “chủ nghĩa bạc bịp”, ông coi con người và hành vi vũ trụ có liên quan với họ là một canh bạc. Ông cho rằng, đời sống pháp luật là kinh nghiệm, bản chất của pháp luật chỉ là cái được xem là tiện lợi trong điều kiện nhất định. Ông nêu lên tiêu chuẩn kiểm nghiệm tốt nhất chân lí là một loại sức mạnh tư tưởng làm cho mình được người ta tiếp nhận trên thị trường.

Đóng góp của Piếcxơ là đã hệ thống hoá các phương pháp và khái quát hoá về lí luận được nêu lên trong

“Câu lạc bộ siêu hình”, đặt nền tảng cho sự sinh ra và phát triển của chủ nghĩa thực dụng. Chính vì vậy Piécxơ được tôn sùng là người sáng lập ra chủ nghĩa thực dụng. Tuy Piécxơ trình bày nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa thực dụng, nhưng không kịp ứng dụng nó vào các mặt của đời sống xã hội. Dưới con mắt của người ta lúc ấy, Piécxơ chủ yếu là nhà toán học và nhà logic học, không được hiển hách lắm. Đời sống cá nhân ông cũng không được như ý, sinh thời từng bị đối xử lạnh nhạt, hận đời như người có tài không gặp may, một người gầy gò như que củi, sống trong căn nhà tí tẹo tại Cambrit. Nhưng sau khi ông mất, đặc biệt sau đầy 20 năm xuất bản “Văn tập” của ông, quả lắc của thời đại lại lắc rất xa sang hướng khác. Đến cuối thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản tự do Mỹ phát triển lên chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, Giêmxơ được nổi tiếng từ lâu, lúc ấy tiến hành giải thích lại và ca ngợi những nguyên tắc Piécxơ, mới làm cho Piécxơ trở nên lẫy lừng. Điều này khiến chúng ta nhớ đến câu nói nổi tiếng của nhà triết học Vítghenstainơ (L.Wittgenstein 1889-1951): “Về triết học, người thắng trong cuộc đua có thể là người chạy chậm nhất”⁽¹⁾.

Piécxơ là người sáng lập ra chủ nghĩa thực dụng, được đánh dấu bằng hai bài luận văn triết học của ông. Năm 1872 Piécxơ đọc một số bài giảng triết học tại “Câu lạc bộ siêu hình”, sau đó chỉnh lí những quan điểm chủ yếu trong những bài giảng thành hai bài luận

⁽¹⁾ Weigenstein: “Văn hoá và giá trị”, Nxb Đại học Thanh Hoa, 1987, tr.49.

văn. Một bài “Sự xác định của tín ngưỡng” được đăng trên “Nguyệt san khoa học phổ thông”, số 11 năm 1877, bài thứ hai “Làm sáng tỏ quan niệm của chúng ta như thế nào” đăng trên “Nguyệt san khoa học phổ thông”, số 1 năm 1878. Đặc biệt trong bài luận văn thứ hai nêu lên quan điểm nổi tiếng nên xác lập như thế nào ý nghĩa của khái niệm. Về sau người ta gọi đó là Nguyên lí Piécxơ và lấy đó đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa thực dụng.

III. TỪ PIẾCXƠ ĐẾN GIÊMXƠ

Người ta thường ví Piécxơ, Giêmxơ, Điuây là Xôcrat, Platôn và Arixtôt trong “gia tộc thần thánh” của chủ nghĩa thực dụng Mỹ. Piécxơ là người sáng lập ra chủ nghĩa thực dụng, từ thập kỉ 70 của thế kỉ XIX, nêu lên nguyên lí chủ nghĩa thực dụng, nhưng chưa thu hút người ta chú ý. Hai mươi năm sau, Giêmxơ trình bày lại tư tưởng của Piécxơ mới đánh thức sự hứng thú và chú ý của giới học thuật và nhiều người trong xã hội, đồng thời mở đầu cuộc vận động triết học chủ nghĩa thực dụng. Điuây kế thừa sự nghiệp của Piécxơ và Giêmxơ và phát triển thêm, làm cho chủ nghĩa thực dụng không chỉ gây ảnh hưởng to lớn ở Mỹ mà còn trên cả thế giới.

1. Tranh luận về danh từ “chủ nghĩa thực dụng”

Giêmxơ lần đầu tiên đưa chủ nghĩa thực dụng vào phạm trù triết học. Năm 1898, trong bài giảng tại Đại học Caliphooenia “Khái niệm triết học và hiệu quả thực tế” Giêmxơ chính thức trình bày từ “chủ nghĩa

thực dụng". Trong bài giảng "Nguyên tắc Piécxơ" hoặc nói "chủ nghĩa thực dụng hoặc nguyên tắc chủ nghĩa thực dụng" của Piécxơ. Đây là sự trình bày của Piécxơ ông đã nghe sớm nhất tại "Câu lạc bộ siêu hình" từ thập kỉ 70.

Giêmxơ thường cho Piécxơ có công lao đối với triết học chủ nghĩa thực dụng của ông, nhưng Piécxơ lại ra sức phủ nhận và hỏi Giêmxơ: "Ai sáng tạo từ chủ nghĩa thực dụng, tôi hay là anh? Từ này lần đầu tiên xuất hiện ở đâu? Anh hiểu từ này như thế nào?" Giêmxơ trả lời: "Chính anh đã phát minh "chủ nghĩa thực dụng", tôi trong bài giảng "Khái niệm triết học và hiệu quả thực tế" đã nói công sáng tạo từ này là của anh". Nhưng Piécxơ rất bất mãn đối với sự trình bày của Giêmxơ về thuyết chân lí của chủ nghĩa thực dụng, do đó ông nổi cáu đổi tên lại quan điểm của mình là "chủ nghĩa thực hiệu" nhằm tách bạch ranh giới với "chủ nghĩa thực dụng" của Giêmxơ.

Vì vậy, Piécxơ đã có sự giải thích như sau: Năm 1893 khi viết các mục có liên quan cho "Từ điển thế kỷ" ông đã định dùng từ "chủ nghĩa thực dụng", và nêu lên một số định nghĩa, cuối cùng ngữ nghĩa chưa được xác định rõ nên không dùng và rất không vừa lòng đối với sự giải thích về chủ nghĩa thực dụng của những người như Giêmxơ. Để có sự phân biệt với họ, tháng 4 năm 1905, Piécxơ đổi lí luận của ông tên là "chủ nghĩa thực hiệu", và nói danh từ chủ nghĩa thực dụng nghe rất ngô nghê, không ra thể thống gì cả.

Thế thì, quan hệ giữa hai thành viên quan trọng của gia tộc chủ nghĩa thực dụng này cuối cùng là chống

đối hay kế thừa nhau? Hãy dựa trên các quan điểm triết học của họ để tìm câu trả lời.

2. Piécxơ và Giêmxơ

Lí luận của Piécxơ về xác định như thế nào ý nghĩa của khái niệm là bộ phận quan trọng nhất trong triết học của Piécxơ, cũng là đóng góp lớn nhất của Piécxơ đối với chủ nghĩa thực dụng. Trên “Nguyệt san khoa học phổ thông”, tháng 7 năm 1878, ông phát biểu bài luận văn “Làm sáng tỏ như thế nào quan niệm của chúng ta”, nêu lên thuyết ý nghĩa của chủ nghĩa thực dụng. Câu trình bày nổi tiếng của ông là: “Hãy suy nghĩ xem chúng ta cho rằng khách thể của khái niệm của chúng ta có một số hiệu quả như thế nào – những hiệu quả này có thể xác lập qua ý nghĩa thực tế, như vậy khái niệm của chúng ta về những hiệu quả này tức là toàn bộ khái niệm của chúng ta về những khách thể đó”. Người ta thường coi đoạn trình bày kinh điển của Piécxơ xác lập như thế nào ý nghĩa của khái niệm là “Nguyên lí Piécxơ”.

“Nguyên lí Piécxơ” nói rõ, ý nghĩa của một khái niệm là hành động mà nó hướng dẫn và từ đó nhận được mối liên hệ nội tại giữa các kinh nghiệm: nếu chúng ta có tác động như vậy đối với “sự vật hiện thực”, thế thì chúng ta nhất định nhận được kết quả trên thực nghiệm như vậy, và đó là toàn bộ ý nghĩa của khái niệm “sự vật hiện thực” ấy. Vì vậy để thể hiện ý nghĩa một sự vật, chúng ta chỉ cần xác định xem nó sẽ sinh ra thói quen như thế nào là được.

Ví dụ: “cứng” là gì?

Piécxơ quan niệm, ý nghĩa của khái niệm “cứng” là, nếu người ta có ý dùng tay để cạo nát lớp bề mặt của vật ấy, thì không thể thực hiện thành công.

Lại ví dụ: “nặng” là gì?

Theo Piécxơ, nói “một vật nặng”, chỉ có nghĩa là, khi đời sức mạnh đã đỡ nó, nó sẽ đổ nhào.

Piécxơ cho rằng, để nêu lên ý nghĩa của sự vật, khái niệm, chỉ cần dịch thành những câu như “động tác – kinh nghiệm” của “nếu – thế thì” là được, tức “nếu thực hiện một động tác nào lên nó, thế thì sẽ nhận được một kinh nghiệm thực tế nào đó”. Trong lí luận của Piécxơ, ý nghĩa của sự vật và khái niệm được thể hiện trong sự thống nhất của quá trình logic và quá trình thao tác thực nghiệm.

Một số học giả phương Tây cho rằng, thuyết ý nghĩa theo chủ nghĩa thực dụng của Piécxơ là do ba yếu tố giả thiết, động tác, thực nghiệm cấu thành. M.Oaitơ đã phân tích như sau: Học thuyết Piécxơ do ba yếu tố cấu thành, vì vậy chúng ta cần phân biệt cho rõ. Trước hết là chủ nghĩa giả thiết của học thuyết, có nghĩa là, học thuyết kiên trì: Chúng ta trước hết chuyển dịch lời trình bày đơn xưng thành hình thức giả thiết, sau đó mới có thể phát hiện ý nghĩa của chủ nghĩa thực dụng của nó là chủ nghĩa động tác của học thuyết, hoặc nói, nhấn mạnh trong câu “nếu như”, cần nêu lên động tác nào đó của con người, nêu lên sự việc nào đó người thực nghiệm đã làm. Ba là, chủ nghĩa thực nghiệm của học thuyết, hoặc nói, nhấn mạnh trong câu “thế thì”, người thực nghiệm sau khi đã sắp xếp xong điều kiện thực nghiệm đã kinh nghiệm được hoặc quan sát được một sự việc nào đó... Oaitơ cho rằng, Piécxơ trong quá trình

thực nghiệm logic “giả thiết - động tác - thực nghiệm”, có thể thu nhận hai kết luận: Một là, nếu có một danh từ không có cách nào phiên dịch hoặc người ứng dụng danh từ ấy không phải dựa theo nguyên tắc trên để tiến hành phiên dịch, thế thì, danh từ ấy cần phải được xem là không có ý nghĩa gì. Đương nhiên, mặc dù danh từ ấy có thể kêu gọi sự tưởng tượng hoặc tình cảm mạnh mẽ của người ta, nhưng nhìn từ góc độ khoa học không có ý nghĩa gì. Hai là, hai danh từ đều không thể phiên dịch như nhau, hoặc định nghĩa như nhau, thế thì xem xét từ quan điểm chủ nghĩa thực dụng và quan điểm khoa học, ý nghĩa của hai danh từ này là như nhau, mặc dù trên những mặt khác có sự khác biệt lớn. Nếu tuân theo chặt chẽ kết luận thứ hai, thế thì một số tranh luận là những tranh luận giả, chỉ là dùng chữ gì đấy để biểu thị sự tranh luận của thực nghiệm đồng nhất. Về Bữa ăn thánh nổi tiếng nhất (còn gọi là Thần giáo thánh lễ -N.D) gây nên sự tranh luận giữa Tân Giáo hội với Giáo hội Thiên Chúa La Mã thuộc loại này.

Giêmxơ năm 1898 trong bài giảng tại Đại học Caliphooelia “Khái niệm triết học với hiệu quả thực tế”, lần đầu tiên trình bày thuyết ý nghĩa chủ nghĩa thực dụng này của Piécxơ, ông cho rằng: “Đều có thể tiếp tục đưa ý nghĩa thực tế của bất kì mệnh đề triết học nào đến kết quả đặc biệt nhất định nào đó trong kinh nghiệm thực tế tương lai của chúng ta – bất kì nó là tích cực hay tiêu cực. Vấn đề là, nói trên sự thực nó cần phải tích cực không bằng nói kinh nghiệm cần phải dựa trên thực tế đặc biệt nhất định”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Tập luận văn và bình luận”, bản Anh văn, năm 1920, tr.411.

Sau đây trong từ điển “Triết học và tâm lí học Bau.Ấn (?)” Giêmxơ lại có chú giải về học thuyết của Piếcxơ trong bài luận văn bản về chủ nghĩa thực dụng của Piếcxơ viết năm 1902:

“Toàn bộ “ý nghĩa” của một khái niệm đều được thể hiện trong hiệu quả thực tế, hoặc là kết quả được biểu hiện trong hình thức hành động cần được chấp nhận, hoặc là kết quả được biểu hiện trong hình thức của kinh nghiệm có thể chờ đợi, nếu khái niệm này là chân thật; và nếu khái niệm này không chân thật, thì kết quả này có thể sẽ khác nhau, và tất nhiên không giống với những kết quả dựa vào thứ tự biểu hiện các khái niệm khác”⁽¹⁾.

Trong sách “Chủ nghĩa thực dụng” được xuất bản năm 1907, Giêmxơ lại bình luận về luận thuyết chủ nghĩa thực dụng Piếcxơ, ông nói: “Khi chúng ta suy nghĩ về sự vật, nếu muốn hiểu nó hoàn toàn rõ ràng, chỉ cần suy nghĩ nó có thể hàm chứa hiệu quả thực tế gì, tức chúng ta sẽ có được cảm giác gì từ sự vật ấy, chúng ta cần phải chuẩn bị có những phản ứng gì. Chúng ta có đầy đủ khái niệm về những hiệu quả bất kì trước mắt hay xa vời, bàn về ý nghĩa tích cực của khái niệm, tức là toàn bộ khái niệm chúng ta có đối với sự vật ấy”⁽²⁾.

Trong sách “Một số vấn đề của triết học” xuất bản năm 1911, Giêmxơ lại trình bày luận thuyết về ý nghĩa chủ nghĩa thực dụng:

⁽¹⁾ “Piếcxơ văn tập”, Q5: 1931-1935, bản tiếng Anh, tr.2.

⁽²⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, sđd, tr.27.

“Quy tắc của chủ nghĩa thực dụng là: Về ý nghĩa của một khái niệm, nếu không tìm được từ trong sự việc có thể cảm giác được nào đó do khái niệm ấy trực tiếp chỉ ra, đều có thể tìm được trong sự khác biệt của một loại đặc thù do tính chân thật của khái niệm tạo nên trong quá trình kinh nghiệm của con người. Dùng “tính chân lí của khái niệm sẽ tạo nên sự khác biệt có thể cảm giác được của bất kì người nào” để kiểm nghiệm mỗi một khái niệm, nếu hỏi mỗi một khái niệm cuối cùng là thật hay là giả, anh có thể suy nghĩ trừu tượng trong hai trường hợp ấy trên thực tế có sự khác biệt gì không, anh có thể giả định chọn một trong hai là không có ý nghĩa, và khái niệm của anh là khái niệm không rõ ràng. Nhưng nếu hai khái niệm ấy hướng dẫn anh suy luận ra kết quả đặc thù tương đồng, thế thì anh có thể giả định những khái niệm ấy dưới những danh từ khác nhau đã thể hiện ý nghĩa tương đồng”⁽¹⁾.

So sánh giữa trình bày của Piécxơ với những giải thích của Giêmxơ, chúng ta có thể thấy rằng, hai ông đều nhấn mạnh ý nghĩa của khái niệm là khái niệm trong kinh nghiệm của con người đã mang lại hiệu quả thực tế, là con người có thể từ khái niệm ấy mong đợi kinh nghiệm như thế nào. Trên điểm căn bản này hai ông thống nhất với nhau, không có sự khác nhau về nguyên tắc, nói Giêmxơ “bóp méo”, “hiểu lầm” Piécxơ đều không có căn cứ.

Thế thì ấn tượng của người ta về Giêmxơ “bóp méo”, “hiểu lầm” Piécxơ nảy sinh từ đâu?

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Một số vấn đề của triết học”, sđd, tr.60.

Nguyên nhân là, sự giải thích của Giêmxơ và sự trình bày của Piécxơ về bản chất là thống nhất, nhưng lại có sự khác biệt về khía cạnh trọng điểm. Piécxơ nhấn mạnh cái chung, Giêmxơ nhấn mạnh cái cá biệt.

Piécxơ nhấn mạnh loại khái niệm như “nặng”, “cứng”, trong kinh nghiệm của con người đem lại “hiệu quả” có ý nghĩa thực tế, là “hiện tượng thực nghiệm có thể tưởng tượng được” bao hàm trong loại khái niệm này. Cho nên cái Piécxơ nhấn mạnh là sự vật của chủng loại nhất định cùng với hành động của chủng loại nhất định, và mối liên hệ giữa những kinh nghiệm của chủng loại nhất định, chứ không phải là phản ứng cá nhana, khía cạnh trọng điểm của ông là thực nghiệm và khái quát khoa học.

Trái lại, cái Giêmxơ nhấn mạnh là “kinh nghiệm đặc biệt nhất định” của con người do khái niệm và mệnh đề tạo nên, là “kết quả đặc biệt nhất định”, “khác biệt đặc thù” trong kinh nghiệm của con người. Có nghĩa là, cái Giêmxơ nhấn mạnh là tính đặc thù của sự việc, những kinh nghiệm của khái niệm có liên quan với hoạt động trong đời sống con người cá biệt. Khía cạnh trọng điểm của ông là tác dụng của khái niệm trong đời sống cá nhân đặc biệt nhất định.

Cái khác nhau giữa sự trình bày của Giêmxơ về chủ nghĩa thực dụng với khía cạnh trọng điểm của Piécxơ đã phản ánh đúng sự kế thừa và phát triển của Giêmxơ đối với tư tưởng của Piécxơ. Tác dụng của Giêmxơ trong phát triển chủ nghĩa thực dụng là đã phát triển nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa thực dụng Piécxơ trình bày hãy còn trừu tượng thành một hệ thống lí

luận của chủ nghĩa thực dụng lương đối hệ thống, và dùng nó để phân tích các loại vấn đề cụ thể. Nó đã trở thành lí luận triết học tiện cho người ta tiếp thu, đại chúng hoá. Điêuây khi so sánh đặc điểm giữa Giêmxơ và Piécxơ nói: “Lí do chủ yếu khiến cho Giêmxơ dùng một màu sắc mới cung cấp cho phương pháp chủ nghĩa thực dụng là ông dùng toàn bộ sức lực ứng dụng vào phương pháp này để xác định ý nghĩa các loại vấn đề về triết học, đặc biệt ông cần nêu lên các loại khái niệm triết học có tính chất thần học hoặc tôn giáo để kiểm nghiệm. Ông muốn xây dựng một tiêu chuẩn là có thể khiến người ta có thể quyết định một vấn đề triết học đặc biệt nhất định là thật sự quan trọng, hay ngược lại, không có tí ý nghĩa gì, chỉ đơn thuần trên mếp mà thôi”⁽¹⁾. Suy nghĩ của Điêuây là, Giêmxơ có ý đồ coi chủ nghĩa thực dụng là một loại phương pháp giải quyết mọi vấn đề triết học và mọi vấn đề tôn giáo, vì vậy cũng là một loại lí luận triết học hệ thống.

Giai đoạn Giêmxơ tham gia hoạt động triết học chính là giai đoạn giai cấp tư sản Mỹ lũng đoạn độc quyền tiến hành bành trướng rất thuận lợi. Trong và ngoài nước chúng đều không gặp trở ngại gì to lớn, cho nên thường coi trời bằng vung, tung hoành thả sức. Là sự phản ánh loại tâm lí ấy của chúng, khi Giêmxơ trình bày quan điểm triết học của mình cũng thường mang đặc điểm nói thẳng tuột ra như vậy. Như ông công khai dùng chủ nghĩa thực dụng bàn luận thần

⁽¹⁾ *Điêuây: “Sự phát triển của chủ nghĩa thực dụng Mỹ”, trích dẫn “Triết học thế kỉ XX” của Luântư, tr 455.*

học tôn giáo: “Tập luận văn ý chí của tín ngưỡng và triết học phổ thông” của Giêmxơ được xuất bản năm 1897 đã thu thập một số bài giảng triết học thời kì đầu đến năm 1896, cũng là tác phẩm chủ yếu trình bày tương đối tập trung lí luận chủ nghĩa thực dụng của ông. Bài diễn thuyết “Khái niệm triết học và hiệu quả thực tế” của ông năm 1898 được Điuây coi là “sự mở đầu của cuộc vận động chủ nghĩa thực dụng”⁽¹⁾. Năm 1907, ông xuất bản “Chủ nghĩa thực dụng – tên gọi mới của một số phương pháp tư tưởng cũ”, đã bổ sung cho sách “Ý chí của tín ngưỡng”. Sách này đã trình bày có hệ thống khái niệm cơ bản và quan điểm cơ bản của triết học chủ nghĩa thực dụng, là một tác phẩm tiêu biểu toàn bộ trường phái chủ nghĩa thực dụng. Sách “Chủ nghĩa thực dụng” ra đời đã làm cho Giêmxơ lẫy lừng tột đỉnh trong giới học thuật giai cấp tư sản Mỹ.

IV. HỆ THỐNG TRIẾT HỌC CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DỤNG

Giêmxơ lần đầu tiên đúc kết những quan điểm của chủ nghĩa thực dụng thành một hệ thống lí luận. Trong hệ thống này, ông tập trung trình bày những vấn đề như phương pháp luận của chủ nghĩa thực dụng, thuyết chân lí của chủ nghĩa thực dụng, tính chất đặc biệt chủ nghĩa nhân bản của chủ nghĩa thực dụng và thuyết triết học khí chất (đặc điểm cá tính con người).

1. Phương pháp luận chủ nghĩa thực dụng

Giêmxơ trong sách “Chủ nghĩa thực dụng” nhấn mạnh: “Phạm vi của chủ nghĩa thực dụng – trước hết là

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, sđd, tr.36-37.

một loại phương pháp, hai là một loại thuyết phát sinh chân lí là gì⁽¹⁾. Để nhấn mạnh chủ nghĩa thực dụng trước hết là một loại phương pháp, ông ghi tiêu đề phụ của “Chủ nghĩa thực dụng” là “Tên gọi mới của một số phương pháp tư tưởng cũ”.

Từ năm 1878, Giêmxơ đọc được trên “Nguyệt san khoa học phổ thông” bài luận văn của Piécxơ “Làm rõ quan niệm của chúng ta như thế nào”, quan điểm của Piécxơ về ý nghĩa của quan niệm chính là hiệu quả của nó, đã khêu gợi sâu sắc Giêmxơ. Ông cho rằng, chủ nghĩa thực dụng không đại diện bất kì kết quả đặc biệt nào, nó chẳng qua là một loại phương pháp. Phương pháp chủ nghĩa thực dụng này không có nghĩa của bất kì câu trả lời có sẵn đối với vấn đề triết học, mà là cung cấp một loại kĩ thuật hoặc thái độ để tìm câu trả lời. “Thái độ này không phải xem xét sự vật, nguyên tắc, “phạm trù” đã có trước, mà giả thiết là cái cần thiết mà xem sự vật, thu hoạch, hiệu quả và sự thực cuối cùng⁽²⁾”.

Xuất phát từ lập trường này, Giêmxơ tin rằng có phương pháp của chủ nghĩa thực dụng, người ta có thể biến cuộc đấu tranh của các nhà siêu hình truyền thống trở nên hoà khí, quan điểm triết học đối lập nhau rõ rệt được điều hoà, làm cho các nhà triết học có cá tính khác nhau chung sống hoà bình. “Tôi hi vọng tôi có thể hướng dẫn các ngài phát hiện chủ nghĩa thực dụng là đường lối trung gian, điều hoà cần thiết

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, *sđd*, tr.36-37.

⁽²⁾ *Sđd*, tr.31.

trên phương pháp tư tưởng.” Do đó Giêmxơ rất hi vọng tiến trình của triết học. Ông nói, tôi tin triết học, cũng như tin một loại tia sáng mới chiếu sáng con đường của những nhà triết học chúng ta. Tác dụng của triết học không thể hiện trực tiếp “hề học là mầu nhiệm”, mà chính nó có vai trò là một phương pháp.

Cuối cùng phương pháp chủ nghĩa thực dụng là gì? Trong chương 2 của “Chủ nghĩa thực dụng” Giêmxơ bắt đầu nêu lên câu chuyện để làm ví dụ thực tế. Câu chuyện như sau: Có lần ông cùng một số người cắm trại trên núi, khi ông một mình trở về, thấy mọi người đang tranh luận triết học (siêu hình). “Chủ đề tranh luận là một con sóc – một con sóc giả định nó bò trên một mặt thân cây và tưởng tượng có một người đứng ở mặt khác của thân cây. Người ấy chạy vòng thân cây rất nhanh để xem con sóc, nhưng người chạy nhanh như thế nào thì con sóc cũng chạy nhanh như vậy theo mặt ngược lại, giữa người và con sóc đều cách một thân cây, người không thể nhìn thấy sóc. Cuối cùng để ra vấn đề siêu hình như sau: Người ấy phải chăng chạy vòng theo con sóc? Người rõ ràng đã chạy vòng thân cây, mà sóc ở trên cây, nhưng người chạy vòng theo con sóc phải không?”⁽¹⁾. ở ngoài đồng, người ta lúc rồi rỗi nên tranh luận liên miên, hình thành hai cách nhìn khác nhau, hai bên mỗi bên giữ mỗi ý, không nhường nhau, đến yêu cầu Giêmxơ phân xét. Phân xét như thế nào? Lúc ấy Giêmxơ nhớ lại lời sấm của nhà triết học kinh viện: Hề gặp mâu thuẫn, nhất định phải tìm ra sự khác nhau nên ông tìm ngay. Tất nhiên tìm được sự khác nhau

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, sđd, tr.25.

như sau: Giêmxơ nói, bên nào chỉ ra được ý nghĩa thực tế “chạy vòng” theo con sóc là gì. Nếu các anh nói từ phía bắc con sóc chạy đến phía đông, rồi đến phía nam, và phía tây, sau đó lại trở về phía bắc, thế thì người ấy chạy vòng theo sóc, vì người ấy quả thực lần lượt chiếm các vị trí ấy. Ngược lại, nếu các anh nói, trước hết ở phía trước mặt con sóc, rồi đến phía phải nó, lại đến sau nó, rồi đến phía trái nó, sau đó trở về trước mặt nó, thế thì con người tất nhiên không chạy vòng theo con sóc, vì con sóc cũng hoạt động chiều đối lại như vậy, bụng sóc đều hướng đối với con người, lưng nó nhìn ra ngoài. Sau khi xác định sự khác biệt này, thì không còn gì tranh luận nữa. Hai phía các anh vừa đúng vừa không đúng, các anh hiểu như thế nào trên thực tế về động từ “chạy vòng”.

Giêmxơ nói, câu chuyện này là ví dụ giản đơn nhất thuyết minh phương pháp chủ nghĩa thực dụng. “phương pháp chủ nghĩa thực dụng chủ yếu là một phương pháp giải quyết tranh luận siêu hình, nếu không thì kéo dài liên miên”. Như thế giới cuối cùng là một hay nhiều? Là định mệnh hay là tự do? Là vật chất hay là tinh thần? Những tranh luận này không bao giờ chấm dứt. Trong tình hình ấy, phương pháp chủ nghĩa thực dụng dự định tìm kiếm hậu quả thực tế của mỗi loại ý kiến để thuyết minh ý kiến ấy. Nếu nói một loại ý kiến là thật, loại ý kiến kia là không thật, thế thì cần phải vạch rõ, nó đối với một người sẽ xảy ra điều gì khác biệt. Nếu ảnh hưởng của hai loại ý kiến đối với con người không có gì khác biệt trên thực tế, thế thì chúng trên thực tế như nhau, toàn bộ sự tranh luận đều là vô giá trị.

Có thể thấy, Giêmxơ cho rằng, chủ nghĩa thực dụng đại diện cho một loại thái độ, về triết học mọi người đều biết rõ, tức thái độ chủ nghĩa kinh nghiệm. Cho nên người theo chủ nghĩa thực dụng chân chính có thể kiên quyết vứt bỏ nhiều thói quen của những nhà triết học chuyên nghiệp, nó tránh những chỗ trừu tượng và không thích hợp, tránh những nguyên tắc cố định và hệ thống khép kín, những cái tuyệt đối và nguyên thủy do những suy tính ngông cuồng. Nó đi theo xu thế cụ thể, sự thực và hành động. Điều ấy có nghĩa, khí chất của những người theo chủ nghĩa kinh nghiệm trong chủ nghĩa thực dụng chiếm địa vị thống trị, còn khí chất của những người theo chủ nghĩa lí tính đều chân thành vứt bỏ sạch, cũng có nghĩa chỉ còn lại sự tồn tại của các loại khả năng trong thiên nhiên và những vùng điện đã bạc lã, và chống lại những cái chân lí cuối cùng độc đoán, nhân tạo và giả mạo ấy.

Do đó, Giêmxơ tuyên bố, nếu anh sử dụng phương pháp chủ nghĩa thực dụng thì không thể theo đuổi đến cùng những danh từ siêu hình ấy, anh cần phải thể hiện giá trị chuyển đổi thực tế của mỗi một từ, đưa vào vận dụng trong kinh nghiệm của anh. Hiệu quả của danh từ này nói đó là phương pháp giải quyết, không bằng nói đó là bước tiến mới của kế hoạch công tác. Như vậy, “lý luận trở thành công cụ để chúng ta có thể dựa vào, mà không phải là lời giải của câu đố. Chúng ta không theo cái sau (ưu độ) mà phải dựa vào công cụ ấy để tiến lên phía trước, có lúc phải dựa vào sự hỗ trợ của công cụ ấy để cải tạo tự nhiên”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, sđd, tr.30.

Chính nhờ phương pháp chủ nghĩa thực dụng làm cho tất cả lí luận đều trở nên sôi động, và có thể điều hoà từng loại lí luận. Giêmxơ dùng ví dụ sinh động của người theo chủ nghĩa thực dụng Itali Papini⁽¹⁾ nói rõ chủ nghĩa thực dụng trong các loại lí luận của chúng ta giống như đường hành lang trong khách sạn, các cửa phòng đều thông với hành lang. Trong phòng này anh có thể thấy một người viết tác phẩm thuyết vô thần; tại phòng cạnh anh thấy người khác quý xuống cầu xin tín ngưỡng và sức mạnh; tại phòng thứ ba một nhà hoá học đang khảo sát đặc tính của vật thể; ở phòng thứ tư có người đang suy nghĩ hệ thống siêu hình chủ nghĩa duy tâm; tại phòng thứ năm có người đang chứng minh tính không có khả năng của siêu hình. Nhưng đường hành lang này đều thuộc mọi người. Nếu họ cần tìm một con đường có thể ra vào các phòng, thì không thể không đi qua con đường này. Hành lang thuộc sở hữu chung. Đây là “Lí luận hành lang” nổi tiếng của Giêmxơ. Có nghĩa là, chủ nghĩa thực dụng là một loại phương pháp, một loại công cụ, được các khoa học thông dụng.

Công năng của phương pháp chủ nghĩa thực dụng là dùng trong hành động, hiệu quả, để quyết định ý nghĩa của khái niệm, mệnh đề và lí luận.

Từ phương pháp luận của Giêmxơ phát triển ra “lí luận ý nghĩa” của ông. Giêmxơ cho rằng, phương pháp chủ nghĩa thực dụng không phải là kết quả đặc biệt gì, chẳng qua là một loại thái độ xác định phương hướng.

⁽¹⁾ Papini (1881-1956), nhà bình luận triết học Ý, chủ trương chủ nghĩa thực dụng, theo Thiên chúa giáo.

Thái độ này không phải dùng để nhìn sự vật, nguyên tắc, phạm trù đã có trước hết và giả thuyết là cái cần phải, mà là để xem sự vật, thu hoạch, hiệu quả và sự thực cuối cùng. Như có hai lí luận F1 và F2, hai loại lí luận này có khác biệt không, cái nào là thật, cái nào là giả? Giêmxơ cho rằng, đây không phải là vấn đề tranh luận lí luận có thể giải quyết, chúng ta cần trong đời sống thực tế thể nghiệm kết quả thực tế của mỗi loại lí luận và nếu phát hiện kết quả thực tế của hai loại lí luận F1 và F2 không có khác biệt, thì F1 và F2 đều có ý nghĩa như nhau. Nếu F1 có thể đạt đến hiệu quả thực tế, phù hợp với mục đích làm cho người ta vui lòng, còn F2 không được, thì F1 và F2 có ý nghĩa khác nhau thật và giả.

Lí luận ý nghĩa của Giêmxơ có lợi cho Ôxtơvôn (F.W.Ostwald) và Piêacxơ. Ôxtơvôn viết thư cho Giêmxơ nói: "Tất cả thực tại đều ảnh hưởng thực tiễn, đối với chúng ta, ảnh hưởng ấy là ý nghĩa thực tại". Còn Piêcxơ nói ý nghĩa của quan niệm là hiệu quả thực tế của nó... Nhưng lí luận ý nghĩa của Giêmxơ và Piêcxơ cũng có sự khác biệt. Quan niệm Piêcxơ nói là quan niệm lí trí nói chung, ý nghĩa của nó do hậu quả hành động quyết định; còn quan niệm của Giêmxơ thì bao gồm quan niệm cảm tính đặc thù, ý nghĩa của nó có thể do hiệu quả của sự cảm nhận quyết định. Cho nên Piêcxơ cho rằng, Giêmxơ dùng một loại thuyết duy danh để dung tục hoá lí luận của Piêcxơ, nên ông đổi chủ nghĩa thực dụng là "chủ nghĩa thực hiệu". Nhưng Giêmxơ trong các bài diễn thuyết năm 1881 và 1889 đều nhấn mạnh lại, ý nghĩa lí luận của ông đều bắt

nguồn từ Nguyên lí Piécxơ và cho rằng Nguyên lí Piécxơ có thể có ba loại vận dụng, đều dùng để quy định ý nghĩa của đối tượng.

Một là: Dùng để quy định ý nghĩa của sự vật, khách thể. Cái gọi là quy định ý nghĩa sự vật, khách thể, là nói chủ nghĩa thực dụng không nghiên cứu bản thân sự vật là gì, mà nghiên cứu ảnh hưởng của sự vật đối với hành động của con người, có hiệu quả thực tế gì đối với con người, đó là ý nghĩa của chúng. Giêmxơ nói: “Muốn biết tính chất quan trọng của Nguyên lí Piécxơ, chúng ta cần phải thường xuyên ứng dụng chúng vào sự việc cụ thể”. “Khi chúng ta nghĩ đến một sự vật, nếu chúng ta muốn hoàn toàn hiểu rõ chúng thì, chỉ cần suy nghĩ xem chúng có khả năng mang lại hiệu quả thực tế gì, tức chúng ta sẽ nhận được cảm giác gì từ chúng, chúng ta cần phải chuẩn bị phản ứng gì. Chúng ta đã có đầy đủ khái niệm về hiệu quả thì bất luận còn xa xôi hay trước mắt về ý nghĩa tích cực của khái niệm mà nói chúng ta đã có toàn bộ khái niệm của sự vật ấy rồi.”⁽¹⁾.

Hai là: Dùng để quy định ý nghĩa của khái niệm. Cái gọi là ý nghĩa của khái niệm quy định là xem khái niệm là một loại công cụ, người ta vận dụng nó, xem nó có đem lại cho người ta tác dụng và hiệu quả gì không, khái niệm giống như một tấm séc, nếu có thể đổi được, thì là khái niệm thật có ý nghĩa... “Nếu có một khái niệm chúng ta có thể điều khiển, nếu một khái niệm có thể rất thuận lợi chuyển từ một bộ phận kinh nghiệm

⁽¹⁾ Giêmxơ: “chủ nghĩa thực dụng”, sđd, tr.27.

này đến bộ phận kinh nghiệm khác, liên kết trọn vẹn các sự vật, công tác rất ổn định và có thể giản đơn hoá lao động, tiết kiệm lao động, thế thì khái niệm ấy là đúng, đúng nhiều như vậy, đúng đến mức như vậy: về ý nghĩa của công cụ mà nói, nó đáng gọi là chính xác (là chân lý)⁽¹⁾.

Ba là: Dùng để quy định ý nghĩa của tín ngưỡng. Cái gọi là ý nghĩa của tín ngưỡng, là có tác dụng hay không đối với mục đích hành động của con người, hề có tác dụng đối với con người thì tin là thật. Giêmxơ cho rằng, chúng ta tin vào một quan niệm nào đó, thì nó có thể hướng dẫn chúng ta đi đến sống cuộc sống ấy, vậy trừ phi niềm tin vào nó có lúc nào đó hoàn toàn xung đột với lợi ích khác to lớn hơn, còn chúng ta tốt nhất hãy đặt niềm tin vào quan niệm ấy.

Phương pháp luận chủ nghĩa thực dụng hoặc lí luận ý nghĩa, nhấn mạnh tính tiện lợi, tính tác dụng của phương pháp, đồng thời nhấn mạnh ý nghĩa của khái niệm, mệnh đề, lí luận là chúng có gây tác dụng của công cụ hay không. Chắc chắn rằng, loại lí luận này có tác dụng nhất định trong chống lại thuyết thực tại duy tâm và chủ nghĩa giáo điều siêu hình. Nhưng bản thân phương pháp này lại có rất nhiều thành phần chủ quan, vì nó không xuất phát từ sự thực khách quan mà xuất phát từ mục đích chủ quan, nó hoàn toàn tách rời thực tiễn khách quan để bàn hiệu quả, tránh phản ảnh luận để bàn ý nghĩa quan niệm, mệnh đề, lí luận, điều ấy tất nhiên là phiến diện. Loại phương pháp này thiếu căn cứ khoa học.

⁽¹⁾ Giêmxơ: "chủ nghĩa thực dụng", sđd, tr.33.

2. Thuyết chân lí chủ nghĩa thực dụng

Phương pháp chủ nghĩa thực dụng Giêmxơ là phương pháp giành được hiệu quả thực tế. Các loại lí luận đối lập hẳn có thể giành được hiệu quả thực tế có thể được xem là thật, đều có ý nghĩa chân lí. Giêmxơ dựa theo nguyên tắc phương pháp luận chủ nghĩa thực dụng này xây dựng thuyết chân lí chủ nghĩa thực dụng của ông.

Giêmxơ không bằng lòng Piécxơ chỉ coi chủ nghĩa thực dụng là phương pháp để xác định ý nghĩa của khái niệm, đặc biệt nhấn mạnh nó đồng thời là một loại thuyết chân lí. Cho nên, năm 1907, sau khi ông xuất bản sách “Chủ nghĩa thực dụng – tên mới của một số phương pháp tư tưởng cũ”, năm 1909 lại xuất bản “Ý nghĩa của chân lí – chủ nghĩa thực dụng tục biên” nhấn mạnh lại chủ nghĩa thực dụng, ngoài một loại phương pháp ra, còn là một loại lí luận của chân lí.

Giêmxơ cho rằng, chủ nghĩa thực dụng đã là một loại phương pháp, một loại công cụ, thế thì tiêu chuẩn cuối cùng của phương pháp và công cụ là giá trị của quan niệm. Do đó, chân lí là “giá trị quy đổi” của quan niệm. “Nếu anh sử dụng phương pháp chủ nghĩa thực dụng thì không thể coi những từ (khái niệm siêu hình như chỉ chúa, vật chất, tuyệt đối – tác giả chú thích) là những điểm cuối cùng theo đuổi. Anh cần phải thể hiện giá trị quy đổi thực tế của mỗi một từ, dựa vào kinh nghiệm của anh và vận dụng nó”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, sđd, tr.30.

Cho nên thuyết chân lí cũng trở thành bộ phận tố thành chủ yếu nhất của hệ thống lí luận chủ nghĩa thực dụng Giêmxơ.

Nói cụ thể, quan niệm chân lí của Giêmxơ bao gồm nội dung chủ yếu sau đây:

2.1 Chân lí là phù hợp với thực tại

Cái gọi là “thực tại” và “phù hợp với thực tại” có ý nghĩa đặc biệt độc đáo trong thuyết chân lí của Giêmxơ. Ông cho rằng: “Chân lí là một loại tính chất từ một số quan niệm nào đó của chúng ta, nó có nghĩa là sự “phù hợp” giữa quan niệm với thực tại, còn giả dối thì có nghĩa là không phù hợp với “thực tại”. Người theo chủ nghĩa thực dụng và người theo chủ nghĩa lí trí đều coi định nghĩa này là chuyện tất nhiên. Chỉ hỏi “phù hợp” cuối cùng có ý nghĩa gì? Thực tại là quan niệm của chúng ta có thể cùng với cái phù hợp lại có ý nghĩa gì, lúc ấy, chúng ta mới bắt đầu tranh luận”⁽¹⁾. Ở đây Giêmxơ phân biệt giữa chủ nghĩa thực dụng với chủ nghĩa lí trí, đồng thời xác định nội dung của chân lí, quan niệm và thực tại phù hợp với nhau.

Trước hết, Giêmxơ giải thích nội dung “thực tại” của ông. Ông chia thực tại ra làm ba bộ phận: bộ phận thứ nhất tức “dòng cảm giác của chúng ta”; bộ phận thứ hai là “các mối liên hệ giữa cảm giác với cảm giác và giữa ý tượng với ý tượng”, nó được suy nghĩ từ tín ngưỡng của chúng ta; bộ phận thứ ba là, “trước đây đã có chân lí”. Có thể thấy rằng, đối với Giêmxơ, “tồn tại khách quan” và “thực tại” có sự phân biệt rõ ràng: thế giới chưa biết là sự

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, sđd, tr.101-102.

thực tồn tại một cách khách quan, bản thân chúng không gì là thật và giả, cũng không có cái gì là thiện và ác; còn “thực tại” thì có liên quan với loài người. Chúng ta cuối cùng nên gọi cái gì là “vật”? Xem ra, cái này hoàn toàn là tùy tiện. Vì chúng ta có thể phân chia bất cứ vật gì cho phù hợp với nhu cầu của con người chúng ta như chúng ta phân chia chòm sao vậy⁽¹⁾. Sự phân chia chòm sao để tạo tiện lợi cho nghiên cứu thiên văn học, vì vậy để nghiên cứu “tồn tại khách quan” đủ mọi màu sắc, tại sao chúng ta không thể căn cứ vào sự thuận tiện và nhu cầu gọi tên chúng ra? Cho nên Giêmxơ cho rằng, “thực tại chỉ là quan hệ tương đối đối với đời sống tình cảm và đời sống năng động của chúng ta, đó là ý nghĩ duy nhất của danh từ người ta đã nói trong thực tiễn. Nền tảng và khởi nguồn của mọi thực tại, bất kì được xem xét theo quan điểm tuyệt đối hoặc quan điểm thực tiễn, đều là chủ quan, cũng tức là bản thân chúng ta”⁽²⁾. Như khúc gỗ, trước khi chúng ta biết nó, nó đã có kết cấu đặc biệt và là sự tổ hợp của nhiều thuộc tính, còn nó được gọi là “khúc gỗ” đó là việc của con người chúng ta, giống như chúng ta gọi cái này là bàn, cái kia là ghế, hoàn toàn do bản thân chúng ta đạt được sự thoả thuận vì tiện ích và làm cho nó được công nhận.

Rõ ràng, sự giải thích của Giêmxơ đối với “thực tại”, cố nhằm hoà lẫn giữa người và vật, làm cho chủ quan và khách quan, kinh nghiệm chủ thể với thực tại khách quan đạt được thống nhất với nhau.

⁽¹⁾ Giêmxơ: “*Chủ nghĩa thực dụng*”, sđd, tr.129.

⁽²⁾ Giêmxơ: “*Nguyên lý tâm lý học*”, Q1, bản dịch Trung văn, tr.239.

Hai là, Giêmxơ giải thích rõ hơn “phù hợp với thực tại”.

Cái gọi là “phù hợp với thực tại” có phải là sự thống nhất của cái bên ngoài giản đơn, như kiểu chụp ảnh không? Trong “Chủ nghĩa thực dụng” ông trình bày rõ ràng, “theo nghĩa rộng, cái gọi là “phù hợp” với thực tại, chỉ có nghĩa là chúng ta bị cuốn hút đến với thực tại hoặc đến xung quanh thực tại, hoặc được tiếp xúc trực tiếp với thực tại... Quả vậy, sao chép thực tại là một phương pháp rất quan trọng xem xét sự phù hợp với thực tại, nhưng quyết không phải là phương pháp chủ yếu. Việc chủ yếu là xem xét quá trình được dẫn đến”⁽¹⁾. Theo Giêmxơ, “thực tại không có nghĩa là tồn tại khách quan” mà là “tồn tại khách quan” được con người tin tưởng. Sao chép cố nhiên là một phương pháp phù hợp với thực tại, là một loại phương pháp để chứng minh chân lí, nhưng đều không phải là phương pháp quan trọng, vì điều quan trọng không phải là quan hệ giữa quan niệm với tồn tại khách quan, mà là quan hệ xảy ra giữa ảnh hưởng của quan niệm đối với tồn tại khách quan và “chúng ta”, tức là quá trình dẫn đến thực tại. Vì vậy cái gọi là “phù hợp” của Giêmxơ vẫn là sự phù hợp năng động của chủ thể đối với khách thể, sự phù hợp đó không phải là trực quan đối mặt với thực tại mà vẫn là thích ứng với thực tại.

Do đó, Giêmxơ bác bỏ phản ảnh luận của thuyết máy móc. “cách nhìn phổ biến là: Một quan niệm chân chính cần phải mô phỏng thực tại. Cách nhìn này cũng

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, *sđd*, tr.109.

giống như cách nhìn phổ biến khác, như các kinh nghiệm thường thấy khác. Đối với quan niệm chân thực của những sự vật có thể cảm giác được, chúng ta quả thực là sao chép những sự vật ấy. Thủ nhấm mắt, tưởng tượng chiếc đồng hồ treo trên tường kia, cái mà anh có thể tưởng tượng chỉ có thể là một hình vẽ hoặc bản sao thật của mặt đồng hồ; nhưng quan niệm của anh về máy móc đồng hồ (trừ phi anh là thợ chữa đồng hồ) thì chưa đủ để trở thành một bản sao... Khi nói đến "tác dụng ghi nhớ" và "tính đàn hồi" của dây cốt v.v... thì càng khó xem quan niệm của anh có thể đạt đến sự sao chép cuối cùng là cái gì⁽¹⁾. Vì vậy, quan niệm muốn đúng, không chỉ sao chép đối tượng của quan niệm tức không dựa vào tồn tại khách quan bị di chuyển theo ý chí của con người, vì sự phản ánh tĩnh này không thể nhận được tri thức chuẩn xác và toàn diện (bao gồm tầng sâu). Như việc sao chép đồng hồ, chỉ có thể nhận được hình vẽ bề ngoài của đồng hồ, mà không thể nhận được quan niệm về máy móc của đồng hồ (nếu anh không phải là thợ sửa đồng hồ). Thu nhận được chân lí không chỉ là sao chép chân thực của tồn tại khách quan, mà là nhận thức nó, có nghĩa là được dẫn đến thực tại. Vì vậy chân lí trên thực tế là một quá trình được thực chứng làm cho nó có hiệu quả. Nó khác với quan niệm chân lí truyền thống. Giêmxơ cố gắng trình bày chân lí từ góc độ trạng thái động, từ góc độ xem xét cả quá trình.

Ba là, về chứng thực chân lí.

⁽¹⁾ Giêmxơ: "Chủ nghĩa thực dụng", sđd, tr.102.

Giêmxơ nói, hai từ “chứng thực” và “có hiệu quả” có nghĩa là một số hậu quả nào đó của quan niệm được chứng thực hoặc được xem là có hiệu quả¹¹. Hậu quả thực tế của chân lí là gì? Đó là quan niệm có thể thoả mãn dục vọng của con người, làm cho con người đạt được thành công và lợi ích.

Cách nhìn chân lí theo giá trị này nếu nhấn mạnh đến cực đoan, thì không những phủ định tiêu chuẩn khách quan của chân lí, thậm chí sẽ làm cho giữa người với người không có ngôn ngữ chung, không thể trao đổi tư tưởng với nhau. Vì hiệu quả, công dụng đối với cá nhân sẽ khác nhau tùy theo người, theo việc và thời gian. Chẳng hạn anh A hỏi anh B hôm qua có đi làm không, anh C nói đi làm. Nhưng anh A không được chứng thực anh C hôm qua đi làm đã có hậu quả gì đối với bản thân anh A, trước khi có giá trị gì, A làm sao có thể khẳng định sự trả lời của C là thật? Giữa họ còn có thể tiếp tục trao đổi với nhau không?

Để thoát khỏi khó khăn này, Giêmxơ lại sáng tạo một khái niệm “chứng thực gián tiếp hoặc chứng thực ẩn”. Theo cách nói của “chứng thực gián tiếp”, tuy chân lí chủ yếu là một quá trình chứng thực, nhưng không có nghĩa là rất nhiều quan niệm của người ta dựa vào cuộc sống chưa được chứng thực không phải là chân lí, vì những hiện tượng này mặc dù chưa được mỗi một người chứng thực trực tiếp, nhưng lại có người khác chứng thực gián tiếp, và “chứng thực gián tiếp và chứng thực trực tiếp có giá trị như nhau, nếu có đầy đủ chứng cứ

¹¹ Giêmxơ: *Chủ nghĩa thực dụng*, sđd, tr. 103.

gián tiếp, dù cho không tận mắt chứng kiến cũng được. Quá trình chứng thực gián tiếp hoặc ẩn có thể giống như quá trình chứng thực hoàn toàn được chứng thực vậy. Chúng có hiệu nghiệm như thật, đem lại lợi ích cho chúng ta như nhau, với lí do như nhau đòi hỏi chúng ta phải thừa nhận⁽¹⁾.

Giêmxơ còn so sánh loại chứng thực gián tiếp này như chế độ tín dụng của thị trường tư bản chủ nghĩa. Ông nói: “Phần lớn chân lí dựa vào một loại chế độ tín dụng để tiếp tục tồn tại”, tư tưởng và tin tức của người ta sẽ không có cái gì chống lại nó, thì có thể chứng minh nó được xác lập, giống như tiền của ngân hàng, sẽ có người tiếp nhận, chúng có thể lưu thông. Cho nên, “anh tiếp nhận chứng thực của tôi đối với sự vật nào đó, tôi tiếp nhận sự chứng thực của anh đối với sự vật khác. Chúng ta mua bán về chân lí qua lại như vậy”. Ý của Giêmxơ là, tính chân lí của quan niệm không cần mỗi một người đi chứng thực, sẽ có người nào đó chứng thực rồi, người khác tỏ ra tín nhiệm là được. Người ta không thể và cũng không cần tự mình đi chứng thực đối với mỗi sự việc, mỗi một quan niệm. Điều ấy giống như trong điều kiện kinh tế hàng hoá, mỗi người sản xuất không cần phải sản xuất tất cả các hàng hoá, mà có thể thông qua mua bán để trao đổi với nhau những cái mình có. Người ta có thể trao đổi chân lí, hoàn toàn dựa vào nhu cầu của con người để sử dụng hay không.

2.2 Chân lí là quá trình, không có tính chất đứng yên cố định.

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, sđd, tr.107.

Giêmxơ cho rằng, chân lí là một quá trình phát sinh, là một quá trình quan niệm được chứng thực và có hiệu quả trong thực tiễn của cá nhân. Theo Giêmxơ, đây cũng là sự khác biệt giữa quan niệm chân lí chủ nghĩa thực dụng với quan niệm chân lí siêu hình truyền thống. Theo siêu hình truyền thống, ý nghĩa “chân lí” chủ yếu là một quan hệ tĩnh, lười nhác. Khi anh nhận được quan niệm thật của bất kì sự vật gì, sự việc xem như là chấm dứt. Anh đã chiếm được, anh đã hiểu, anh đã thực hiện mục đích của tư tưởng anh. Về tinh thần anh đã đến được nơi mà anh cần đến⁽¹⁾. Nhưng chủ nghĩa thực dụng thì ngược lại, nó cho rằng chân lí là quá trình, “tính chân thực của một quan niệm”, không phải là tính chất cố hữu, tĩnh tại. Chân lí sinh ra từ quan niệm. Chân lí sở dĩ trở thành sự thật, do nhiều sự kiện tạo nên. Tính chân thật của chân lí trên thực tế là một sự kiện hoặc quá trình, nó chứng thực quá trình bản thân nó, là quá trình chứng thực của nó, tính hữu hiệu của nó là quá trình làm cho nó sinh ra hiệu quả⁽²⁾. Trên ý nghĩa này, chân lí nên đối mặt với tính cụ thể của sự thực, đối mặt với tương lai.

Chính vì chân lí là quá trình, chân lí do chân lí trước đây tạo nên, “niềm tin của con người trong bất kì lúc nào đều do nhiều kinh nghiệm tích lũy lại”. Nhưng bản thân những niềm tin này lại là một bộ phận trong tổng số kinh nghiệm thế giới, vì vậy cũng trở thành tư liệu tích lũy tương lai, cho nên chân lí mãi mãi trong quá trình biến đổi – sự biến đổi này có lẽ có xu thế đi

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, sđd, tr. 102.

⁽²⁾ Sđd, tr. 103.

đến mục tiêu được xác định nào đó, - nhưng đều đang thay đổi. Cũng có nghĩa là, trong đời sống hiện thực, con người đứng trước tình hình mới, vận dụng và tích lũy tri thức, kết hợp sự việc mới, hình thành phương án thiết kế giải quyết vấn đề, dựa vào đó thực hiện thành công, tức thể hiện thiết kế, phương án của con người và những kiến thức đã dựa vào để sinh ra hiệu quả, cũng đã chứng thực là thật. Cái gọi là quá trình xảy ra chân lí đòi hỏi chúng ta hướng dẫn một bộ phận kinh nghiệm sang một bộ phận khác, tức dùng chân lí cũ giải thích sự thực mới, dùng kinh nghiệm cũ giải thích kinh nghiệm mới, hoặc nói gán sự vật mới lên chân lí cũ, gán kinh nghiệm mới lên kinh nghiệm cũ, làm cho chân lí cũ và sự thực mới, kinh nghiệm cũ và kinh nghiệm mới duy trì tính liên tục. Tất nhiên có lúc, do sự thực mới và chân lí cũ, kinh nghiệm mới và kinh nghiệm cũ xảy ra va chạm cho nên cần chúng ta cắt gọt một ít hoặc sửa chữa chân lí cũ và kinh nghiệm cũ, nhằm tiếp nhận sự thực mới và kinh nghiệm mới. Vì vậy cái gọi là quá trình xảy ra chân lí, là “thoả mãn nhu cầu song trùng”, vừa cần nắm chắc sự thực mới, kinh nghiệm mới, vừa cần duy trì tính liên tục chân lí cũ, kinh nghiệm cũ và cần phải là một quá trình liên lạc kinh nghiệm “trộn vụn, có hiệu quả”, tức khởi điểm của liên lạc là kinh nghiệm, điểm cuối là thực tiễn cá nhân, ý nghĩa của nó là gây ra hành động, và hành động là ý nghĩa duy nhất của nó. Chính dựa trên điểm này, Giêmxơ đánh đồng giữa chân lí và tính hữu dụng, “nó có tác dụng vì nó là thật” hoặc nói “nó là thật vì nó có tác dụng”. Hai câu nói này có ý nghĩa như nhau”.

2.3 Chân lí chính là tính hữu dụng, hiệu quả mà nó mang lại.

Giêmxơ cho rằng, bất kì quan niệm nào, hễ nó đem lại lợi ích và hiệu quả cho con người, tức nó có thể làm cho con người đạt được thành công, mới có thể xem là chân lí.

Theo Giêmxơ, sở dĩ loài người coi việc theo đuổi chân lí là nhiệm vụ hàng đầu vì nó đem lại tác dụng tốt rất rõ ràng cho cuộc sống loài người. Ngược lại “nếu quan niệm thật không đem lại tác dụng tốt cho nhân sinh, hoặc nhận thức của quan niệm thật khẳng định không có ích gì, nhưng quan niệm giả có tác dụng duy nhất đối với nhân sinh, thế thì, các cách nhìn như cho rằng chân lí là thiêng liêng và quý giá, cho rằng theo đuổi chân lí là trách nhiệm nhân sinh vĩnh viễn không thể trưởng thành được hoặc trở thành tín điều. Trong thế giới như vậy, trách nhiệm của chúng ta là tránh né chân lí”⁽¹⁾. Cho nên bản thân nắm chắc không phải là mục đích, trong bụng chứa đầy chân lí cũng không có tác dụng gì, muốn phát huy uy lực của chân lí cần phải hướng dẫn nó thoả mãn nhu cầu của con người. Như Giêmxơ nêu ví dụ, chúng ta trong rừng sâu lạc đường, bụng đói, bỗng nhiên thấy một con đường nhỏ có dấu chân bò, lúc ấy cái quan trọng nhất là nghĩ đến cuối con đường nhất định có nhà ở. Nếu tôi suy nghĩ như vậy và đi men theo đường, tôi có thể được cứu. “Ở đây tư tưởng chân thực có tác dụng, vì ngôi nhà của đối tượng tư tưởng là có tác dụng. Cho nên giá trị thực tế của quan

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, sđd, tr.42;

niệm chân thực về cơ bản là do đối tượng của quan niệm xảy ra theo tính chất quan trọng thực tế của chúng ta”⁽¹⁾.

Giêmxơ lại giải bày rõ hơn “ý nghĩa của chân lý chính là. hệ quan niệm giúp cho chúng với bộ phận khác của kinh nghiệm chúng ta có quan hệ trọn vẹn, giúp cho chúng thông qua con đường tất của khái niệm để khái quát nó, vận dụng nó, chứ không phải dừng đến sự tiếp tục vô hạn của hiện tượng đặc thù, như vậy quan niệm sẽ trở thành chân thực. Ví dụ nói, nếu có một khái niệm chúng ta có thể điều khiển, có thể chuyển dịch thuận lợi một bộ phận kinh nghiệm của chúng ta sang bộ phận kinh nghiệm khác, liên hệ trọn vẹn các sự vật, công tác rất ổn định, và có thể giản đơn hoá lao động, tiết kiệm lao động, thế thì khái niệm đó là chân xác, chân xác và đủ độ xét về ý nghĩa công cụ, nó là sự thật (là chân lý). Cũng có nghĩa là, chúng ta không cần thiết, cũng không thể tự làm lấy, công việc của một thế hệ người chúng ta không thể không dựa vào thành quả của người trước. Chúng có ích với chúng ta, thế thì chúng ta sao không vận dụng nó, không tin nó là thật? thậm chí nếu cần thiết, chúng ta cũng có thể tín ngưỡng Chúa, vì khái niệm Chúa tuy không rõ ràng như khái niệm toán học được lưu hành trong triết học thuyết máy móc, nhưng với hạn độ thấp nhất nó có ưu điểm thực tế mạnh hơn chúng ta. thế thì nó có thể bảo đảm một trật tự lí tưởng có thể tồn tại mãi mãi, làm cho chúng ta hưởng được một ngày nghỉ về tinh thần.

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, sđd, tr. 104.

2.4 Chân lí là chỉnh thể của sự thống nhất chân-thiện-mỹ.

Chân lí vừa để thoả mãn một nhu cầu nào đó của con người, và do con người sinh ra trên thế giới, cho nên nó cần phải là một quan niệm làm vui lòng con người về tình cảm. Vì vậy Giêmxơ cho rằng, chân lí khoa học là cái đem lại cho chúng ta sự vui lòng lớn nhất, trong đó cũng bao gồm thích thú. Do đó ông nêu lên chân lí là tư tưởng của thuyết chỉnh thể thống nhất của chân, thiện, mỹ. Giêmxơ xuất phát từ coi trọng tác dụng của một số nhân tố tâm lí như tình cảm, thích thú trong nhận thức và hành động, chủ trương con người vừa là bản thể của nhận thức và tư duy, đồng thời lại là chủ thể của hành vi có dự vọng và tình cảm. Trong nhận thức, tư duy và hành động của con người thường cần trải qua mấy trạng thái tâm lí khác nhau, mới đầu là hoài nghi, lo lắng đến quyết tâm giải quyết hoài nghi đến cảm thấy vui lòng sau khi hoàn thành nhiệm vụ nhận thức; trong quá trình nhận thức luôn luôn đeo đuổi những nhân tố tâm lí tình cảm này nọ. Cho nên Giêmxơ cho rằng, chúng ta thường dựa vào lí do chủ quan, tức thích thú chủ quan để lựa chọn chân lí, “chúng ta lựa chọn những lí luận mà chúng ta có thiên hướng ưa thích. Chúng ta theo đuổi “tốt đẹp” hoặc “kinh tế”... chân lí trong khoa học là những cái đem lại sự vui lòng lớn nhất cho chúng ta, trong đó gồm sự thích thú”⁽¹⁾. Các loại quan niệm, nếu nó quả thực được đời sống cụ thể chứng minh có giá trị, có thể đem lại lợi ích thực tế cho con người, làm cho con người vui vẻ về tình cảm, thế thì nó là thật.

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, sđd, tr.111.

Trong những quan điểm cơ bản của lý luận chân lý chủ nghĩa thực dụng Giêmxơ, chúng ta có thể phát hiện, Giêmxơ biến nhận thức luận triết học cận đại thành lý luận thăm dò thực tiễn cá nhân, biến thành hình thức lý trí của cá nhân phản ứng đối với thiên nhiên và hoàn cảnh xã hội xung quanh. Cho nên thuyết chân lý của ông cũng từ “thuyết khách quan” biến thành “thuyết giá trị”. Xem xét từ quan điểm logic, phán đoán sự thực khác với phán đoán giá trị. Phán đoán sự thực là trình bày sự thực, nó cần phải phù hợp với sự thực, như phán đoán “hôm nay trời mưa” thì cần phải phù hợp sự thực “hôm nay trời mưa”, cái phù hợp là thật, cái không phù hợp là giả. Nhưng phán đoán giá trị thì có tính chất đánh giá, nó cần phải gắn với lợi ích, tình cảm và luân lý của con người, người khác nhau có phán đoán giá trị khác nhau. Như “trời mưa”, đối với nông dân cây cấy là có lợi, nông dân rất phấn khởi, nói mưa rất tốt, nhưng đối với người đi du lịch thì không có lợi cho du lịch, họ không phấn khởi, nói mưa không tốt. Ở đây chân lý và ý nghĩa, giá trị và hiệu quả có liên quan với nhau và không có liên quan trực tiếp với sự thực. Từ đó có thể thấy rằng, hai loại phán đoán sự thực và phán đoán giá trị khác nhau. Xem xét từ quan điểm nhận thức luận mácxít, chân lý không chỉ tồn tại trong quá trình hình thành của nhận thức, thông qua thực tiễn nhận thức chân lý và phát hiện chân lý, và cũng tồn tại trong quá trình thực hiện của nhận thức, thông qua thực tiễn chứng thực, thực hiện và phát triển chân lý. Trong quá trình hình thành nhận thức, chân lý cần phải là sự phản ánh đúng đắn của con người đối với

sự vật khách quan và quy luật của nó, và trong quá trình thực hiện nhận thức, chân lí cần phải có ý nghĩa, có giá trị, có hiệu quả, mục đích nhận thức thế giới là cải tạo thế giới. Do đó có thể thấy rằng, trong nhận thức luận mác xít, do thực tiễn có ý nghĩa song trùng đối với nhận thức, vừa kiểm nghiệm thật giả của nó, lại vừa xác định giá trị của nó, cho nên chân lí cũng có thuộc tính song trùng, vừa có tính khách quan vừa có tính giá trị. Xem xét bản thân quan điểm chân lí chủ nghĩa thực dụng của Giêmxơ, khi ông nói “chân lí” là tên gọi của bất kì quan niệm nào bắt đầu quá trình chứng thực, “có tác dụng” là tên gọi tác dụng của nó đã hoàn thành trong kinh nghiệm, trên thực tế ông tách riêng quá trình hình thành nhận thức với quá trình thực hiện của nhận thức. Trong quá trình hình thành nhận thức, ông ngoài việc đả kích thẳng thừng “thuyết sao chép” của “chân lí khách quan”, “độc lập” của chủ nghĩa duy vật máy móc và “thuyết tổng hợp” của chủ nghĩa tiên nghiệm và chủ nghĩa lí tính của chủ nghĩa duy tâm tuyệt đối, ông cũng thừa nhận chân lí là một loại tính chất của một số quan niệm chúng ta, nó có nghĩa là sự “phù hợp” giữa quan niệm và thực tại, và sự giả dối có nghĩa là không “phù hợp” với thực tại; còn trong quá trình thực hiện nhận thức, ông lại đặc biệt nhấn mạnh chân lí có tác dụng, không thể kiểm tra xác minh, thì không phải là chân lí. Ông cho rằng đó là ý nghĩa về chân lí của chủ nghĩa thực dụng, và giải quyết luận đề này sẽ trở thành một bước ngoặt trong lịch sử nhận thức luận và trong lịch sử triết học nói chung... Do đó có thể thấy rằng, quan niệm chân lí chủ nghĩa

thực dụng của Giêmxơ, chủ yếu không phải là quá trình hình thành từ nhận thức mà tiến hành giải thích từ quá trình thực hiện của nhận thức. Đây là sự tìm tòi mới về vấn đề chân lí từ một góc nhìn mới của ông. Cho nên chúng ta không nên phủ định hoặc khẳng định giản đơn vấn đề này, mà nên phân tích khách quan lợi hại và được mất của nó.

Quan niệm chân lí chủ nghĩa thực dụng của Giêmxơ khác với triết học truyền thống, ông đặc biệt nhấn mạnh đưa quan điểm “đời sống con người” và thực tiễn vào triết học của ông, cho nên ông vừa phản đối việc quy định giản đơn chân lí là sự “phù hợp” giữa nhận thức và đối tượng, và cũng chống coi chân lí là một quan niệm trừu tượng và quá trình phát triển trừu tượng, chủ trương chân lí là một quá trình phát sinh, là một quá trình quan niệm được chứng thực và có hiệu quả trong thực tiễn cá nhân, từ đó nhấn mạnh tính cụ thể, tính sự thực và tính nhân tạo của chân lí. Đóng góp về lí luận của ông rất rõ ràng.

Phương pháp của Giêmxơ giải trình về chân lí từ góc độ và từ cấp độ khác nhau, so với triết học truyền thống chỉ dùng phương pháp từ một góc độ, từ một cấp độ giải thích chân lí là quan niệm phù hợp với thực tại, chắc chắn là một tiến bộ. Như ông cho rằng, chân lí là sự phù hợp giữa quan niệm với thực tại, trên thực tế là cố sức từ góc độ “khách thể” thuyết minh “thực tại” phù hợp với quan niệm, và còn giải bày mới về “phù hợp”. đánh đồng “phù hợp” với tác dụng hướng dẫn, từ đó nêu lên chân lí là tư tưởng của quá trình. Ông chú trọng từ quá trình thực hiện của nhận thức nói rõ chân lí là một

quá trình chứng thực trong hành động cụ thể của con người và quá trình làm cho nó có hiệu quả v.v...

Trên vấn đề hình thành của nhận thức, Giêmxơ chủ trương chân lí có nghĩa là “phù hợp” giữa quan niệm và thực tại, còn sự giả dối thì có nghĩa là không phù hợp với “thực tại”. Đây là sự phê phán “thuyết sao chép” mang tính chân lí và tính máy móc và “thuyết tổng hợp” của triết học tư biện duy tâm tuyệt đối, vừa duy trì tính liên tục của triết học truyền thống, vừa cải cách về lí luận của triết học truyền thống.

Giêmxơ coi chân lí là một quá trình phát sinh, là một quá trình chứng thực, sinh hiệu quả và gây tác dụng. Ông từ tính thoả mãn về hiệu quả kinh nghiệm do tư tưởng đem lại giải trình chân lí, nhấn mạnh tính chất có tác dụng, dùng cái có tác dụng, có hiệu quả thực tế của chân lí làm cho con người đạt đến sự thành công làm tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lí. Điều này chứng tỏ đây là suy nghĩ mới của Giêmxơ trong quá trình tìm tòi chân lí, rất đáng coi trọng.

Quan điểm của Giêmxơ chân lí là thuyết chỉnh thể thống nhất giữa chân, thiện, mỹ cũng là một vấn đề quan trọng chờ khai phá trong nghiên cứu về nhận thức luận. Nhưng Giêmxơ nhấn mạnh một chiều công hiệu của chân lí, sai lầm của ông về lí luận cũng rất rõ ràng.

Một là, Giêmxơ chia cắt hiệu quả của chân lí và cơ sở khách quan của chân lí.

Vấn đề chân lí vừa tồn tại trong quá trình hình thành của nhận thức, vừa tồn tại trong quá trình thực hiện của nhận thức, cho nên tính khách quan và tính

giá trị là thống nhất. Chân lí là một phạm trù nhận thức, tính khách quan của nó là sự phản ánh chính xác của chủ thể về đối tượng khách quan và quy luật của nó, tức tính khách quan của nội dung và tiêu chuẩn kiểm nghiệm của chân lí. Quan niệm chân lí chủ nghĩa thực dụng của Giêmxơ chủ yếu coi chân lí là một phạm trù đánh giá, tức chỉ tính thích hợp của quan niệm, giá trị quy đổi của chân lí. Vì Giêmxơ chủ yếu từ quá trình thực hiện nhận thức chứ không phải từ quá trình hình thành nhận thức để giải trình chân lí, cho nên ông biến chân lí từ phạm trù nhận thức thành phạm trù đánh giá, dùng “thuyết giá trị” triết học hiện đại thay thế cho “thuyết khách quan” của triết học truyền thống. Mặc dù Giêmxơ cũng thừa nhận giá trị của chân lí, thừa nhận có mối liên hệ bên trong sự tác dụng đối với con người là giống như chân lí là sự phù hợp giữa nhận thức và đối tượng. Chúng sinh ra và nghiệm chứng trong quá trình hoạt động đồng nhất, giống như hai mặt của đồng tiền có thể tương thông với nhau. Nhưng khi ông phủ định triết học truyền thống về chân lý là sự phù hợp giữa nhận thức và đối tượng, vượt qua sự kết hợp giữa phạm trù nhận thức và hoạt động hành vi của con người, từ góc độ lợi ích phán đoán giá trị của chân lí, càng nhấn mạnh thuyết giá trị của chân lí, thậm chí dùng thuyết giá trị thay thế thuyết khách quan. Đây chắc chắn là một sai lầm lớn của quan niệm chân lí chủ nghĩa thực dụng Giêmxơ. Vì sự việc giống như Lênin đã vạch ra rất sâu sắc: “Hễ khi nào nhận thức phản ánh chân lí khách quan không bị con người xô dịch đi, mới có thể trở thành nhận thức có tác dụng

đôi với thể hữu cơ loài người"⁽¹⁾. Điều này nói rõ, tính có giá trị, tính có tác dụng của chân lí chỉ là một loại thuộc tính của chân lí, và không phải là toàn bộ thuộc tính, chân lí sở dĩ trở thành chân lí, trước hết là nó phản ánh đúng đắn sự vật khách quan và quy luật của nó, vứt bỏ cái này thì chân lí không có lí do tồn tại, sau nữa, mới là giá trị và tác dụng của nó, quá trình chứng thực và sinh ra hiệu quả của nó. Do đó có thể thấy rằng, sai lầm của Giêmxơ không phải là ông khẳng định tác dụng của chân lí mà là ông đã cắt rời tính tác dụng của chân lí với cơ sở khách quan của chân lí, thổi phồng một mặt cái trước và xoá nhoà cái sau.

Hai là, Giêmxơ nhấn mạnh tính chủ thể, tính cụ thể của chân lí, nhưng phủ định tính khách quan, tính tuyệt đối của chân lí.

Chân lí là một loại nhận thức đúng đắn, nó không thể chỉ từ mặt chủ thể hoặc chỉ từ mặt khách thể nảy sinh ra. Là một phạm trù nhận thức, bất kì chân lí nào đều là sự phản ánh đúng đắn của chủ quan đối với khách quan, tách rời con người là chủ thể, chân lí không thể tồn tại; là một phạm trù đánh giá, bất kì chân lí nào đều có tác dụng, đều cần phải kết hợp với hoạt động có mục đích của con người, tách rời hoạt động có mục đích của con người, vấn đề chân lí không có ý nghĩa gì. Giêmxơ cho rằng, chân lí là do người tạo ra, là một loại tính chất của một số quan niệm của người ta, là do con người sinh ra đem lại cho thế giới. Người ta thường dựa vào đây, coi quan niệm chân lí của Giêmxơ

⁽¹⁾ *Lênin tuyển tập, Q.2, Nxb N.D, 1960, tr.139.*

là một loại thuyết chân lí chủ quan và phê phán. Nhưng nếu phân tích tỉ mỉ có thể phát hiện, quan niệm chân lí của Giêmxơ là sau khi thông qua chủ thể hoá khách thể và khách thể hoá chủ thể mới sản sinh ra. Xem xét từ chủ thể hoá khách thể, Giêmxơ nhấn mạnh “nhân hoá” khách thể, phản đối khách thể thoát li con người độc lập tồn tại, phản đối việc xây dựng chân lí trên cơ sở khách quan tuyệt đối. Giêmxơ lấy ví dụ đồng hồ treo tường, nói rõ con người chỉ có thể phản ánh, sao chép bề mặt của đồng hồ, còn chức năng của kim đồng hồ, tính đàn hồi của dây cốt v.v... thì không có cách nào phản ánh và sao chép. Vì vậy ông giải thích “phù hợp” là tính thích hợp của quan niệm, và mối quan hệ hướng dẫn và chứng thực nội bộ giữa kinh nghiệm với kinh nghiệm, từ đó phê phán thuyết phản ánh máy móc và trực quan. Chúng ta nói, sai lầm của Giêmxơ không phải là phê phán thuyết phản ánh máy móc và trực quan mà là trong phê phán, ông phủ định toàn diện thuyết khách quan duy vật. Xem xét từ mặt khách thể hóa chủ thể, Giêmxơ nhấn mạnh chủ thể là thực thể, nhận thức không phải là tư tưởng đơn thuần mà là hành động, vì vậy ông chủ trương chân lí là quan niệm có tác dụng đối với con người, phản đối việc xem chân lí là quan niệm trừu tượng không có tác dụng đối với con người, phê phán quan niệm chân lí chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo. Sai lầm của Giêmxơ không phải là ông phê phán quan niệm chân lí duy tâm và tôn giáo mà là ông nhấn mạnh tính nhân tạo, tính cụ thể và tính tương đối của chân lí, phủ nhận tính khách quan và tính tuyệt đối của chân lí.

Ba là. Giêmxơ đối với “chứng thực gián tiếp”, tính tác dụng của chân lí, lại phủ nhận tính khách quan và tính tuyệt đối của chân lí.

Giêmxơ xuất phát từ kinh nghiệm, đời sống, thực tiễn của con người, nói ý nghĩa, giá trị và hiệu quả của chân lí. Ông từ quá trình thực hiện nhận thức, nhấn mạnh chân lí là chân lí có tác dụng, hoặc có tác dụng là chân lí, dựa trên việc phản đối coi chân lí là mối quan hệ tĩnh lười nhác, hầu như có được nó, công việc đã chấm dứt, mà chủ trương ý nghĩa của chân lí là làm cho nó sinh ra hiệu quả, có thể xác định, có thể đối chiếu, nó phải được chứng thực quá trình bản thân nó, làm cho nó có quá trình sinh ra hiệu quả. Cho nên mệnh đề có tác dụng là chân lí rõ ràng có phần hợp lí. Sai lầm của Giêmxơ cũng là về thực chứng “có tác dụng”, mọi việc nếu không thể nào chứng thực trực tiếp, thì phải dựa vào chứng thực gián tiếp, nhưng chứng thực gián tiếp, ông lại giải thích là một loại “chế độ tín dụng” của chân lí. Như vậy, nếu không có cái gì phản đối chúng thì có thể làm cho chúng xác lập, hễ mọi người đều đồng ý thì có thể trở thành chân lí, thế thì kết quả của nó tất nhiên phủ nhận tính khách quan.

Bốn là, Giêmxơ bàn luận một cách trừu tượng chân lí là sự thống nhất chân, thiện, mỹ, cuối cùng dẫn đến việc có thể thoả mãn tình cảm của tôi hay không để phán đoán chân lí. Giêmxơ có ý đồ xuất phát từ chính thể thống nhất của ba thứ chân, thiện, mỹ và tri, tình, ý để trình bày chân lí, định nghĩa chân lí là chân, thiện, mỹ, định nghĩa là sự thoả mãn lớn nhất về tình cảm, là sự thích thú về thẩm mỹ học v.v..., nhưng ông xuất

phát từ tâm lí học, đánh đồng một cách giản đơn *chân* trong nhận thức luận, *thiện* trong luân lí học, *mỹ* trong thẩm mỹ học, vạch ra trạng thái tâm lí của con người trong quá trình thực hiện nhận thức thiếu tư tưởng duy vật biện chứng, cho nên cuối cùng chưa thể thống nhất thật sự ba thứ chân, thiện, mỹ và tri, tình, ý. Xem xét quan hệ giữa tình cảm và nhận thức, trong quá trình nhận thức luôn luôn kèm theo nhân tố tình cảm khác nhau, tuy nhân tố tình cảm ảnh hưởng đến quá trình nhận thức của con người, nhưng ảnh hưởng này lại khác nhau. Khi nhân tố tình cảm và nhận thức thống nhất với nhau, có thể có tác dụng thúc đẩy tích cực; còn khi tình cảm và nhận thức không thống nhất với nhau thì có tác dụng tiêu cực đẩy lùi. Giêmxơ chưa phân tích cụ thể, lằng nhằng lấy việc thoả mãn lớn nhất tình cảm làm tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lí. Điều này không chỉ giữ chỗ cho tín ngưỡng tôn giáo mà còn có mâu thuẫn trực tiếp với thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lí, cho nên là sai lầm.

3. Chủ nghĩa thực dụng là một loại chủ nghĩa nhân bản

Quan niệm chân lí chủ nghĩa thực dụng của Giêmxơ ra sức nhấn mạnh kinh nghiệm chủ quan của cá nhân đối với ý nghĩa chân lí, vì theo ông cái gốc của chủ nghĩa thực dụng là một loại chủ nghĩa nhân bản.

Theo hồi kí của Silơ (Schiller), ông đã từng kiến nghị với Giêmxơ không nên dùng tên "chủ nghĩa thực dụng", cái tên dễ làm cho người ta bực bội và dễ gây hiểu lầm. Vì xem xét từ ngôn ngữ, nó có gốc từ

pragmata, nhưng xem chữ gốc không có tí gì nói với người ta bất kì tư tưởng gì của nó đối với “sự vật” (things), đối với những người không hiểu tiếng Hy Lạp, nó khiến người ta liên hệ với “thực tiễn”, đó là một nửa chân lí nguy hiểm; đối với những người hiểu từ vựng tiếng Anh đã bị lãng quên dần, thì từ này có liên hệ với “knavery” (hành vi không chính đáng); đối với người Đức, nó hình như là sự sửa đổi lung tung thô lỗ, tuy tiện về ý nghĩa xác định của danh từ đã tồn tại. Điều tồi tệ nhất là, cần giải thích thích đáng thì cần có nửa giờ, nhưng có bao nhiêu người có nửa giờ cấp cho anh. Do đó không chỉ Silơ không dùng tên ấy, đồng thời cũng khuyên Giêmxơ không dùng tên ấy, và đề nghị ông đổi dùng từ “chủ nghĩa nhân bản”. Giêmxơ lúc ấy không tiếp nhận. Nhưng không phải Giêmxơ không thích danh từ này, chủ yếu là vì “chủ nghĩa thực dụng” đã quen dùng rồi. Theo thư của vợ Giêmxơ gửi cho Silơ sau khi Giêmxơ chết, nói Giêmxơ về sau cảm thấy ân hận vì không nghe lời khuyên của Silơ, ân hận lúc đầu không dùng “chủ nghĩa nhân bản” thay cho “chủ nghĩa thực dụng”.

Trong tư tưởng chủ nghĩa thực dụng của Giêmxơ không có chỗ nào không lấy con người làm trọng tâm, lấy kinh nghiệm cảm giác của con người làm tiêu chuẩn phán xét. Tác phẩm tiêu biểu của ông “Chủ nghĩa thực dụng” từ đầu đến cuối đều xuyên suốt tinh thần chủ nghĩa nhân bản. Trong sách này, ông đã nhiều lần biện hộ cho chủ nghĩa nhân bản của Silơ, ông nói: “Silơ... nêu lên cái tên chủ nghĩa nhân bản. Học thuyết này cho rằng, trên chừng mực nào đó, chân lí của chúng ta là kết quả con người làm ra. Động lực của con người

mài sắc mọi vấn đề của chúng ta: sự thoả mãn của con người luôn đi kèm với mọi đáp án của chúng ta. Mọi công thức của chúng ta đều hàm chứa sự giả tạo quá mức của con người... Nhân tố này đã không thể tách rời với mọi chân lí, đến mức làm cho Silơ có lúc hầu như hoài nghi ngoài cái “nhân tố con người” này, cuối cùng còn có nhân tố nào không? Ông nói thế giới về cơ bản là một loại nguyên liệu, nó chỉ như chúng ta tạo ra nó. Nếu muốn từ nó “vốn là cái gì” hoặc “Cái rời khỏi chúng ta có tính chất gì” để định nghĩa, thì không nhận được kết quả gì. Nó do chúng ta tạo thành cái gì thì nó thành cái ấy. Vì vậy, thế giới có thể nặn ra. Ông lại nói, muốn biết cái hạn độ có thể nặn ra, chỉ có thí nghiệm thực địa, và nên bắt tay khi nó hoàn toàn có thể nặn, dựa vào giả thuyết này làm có hệ thống, đến khi chân lí không thể thực hiện được mới thôi⁽¹⁾. Và Giêmxơ còn nêu lên, đó là tuyên ngôn mở đầu sáng suốt của chủ nghĩa nhân bản của Silơ. Do đó Silơ đã từng bị phê phán rất nghiêm khắc, và Giêmxơ đã biện hộ cho Silơ, cho chủ nghĩa nhân bản.

.Giêmxơ trong biện hộ quan điểm chủ nghĩa nhân bản của Silơ về chân lí là kết quả của con người làm ra, thế giới có thể nặn ra, đã thể hiện rõ lập trường chủ nghĩa nhân bản của ông, đã thể hiện rõ chủ nghĩa thực dụng của ông trên thực tế là chủ nghĩa nhân bản.

Giêmxơ cho rằng, mọi chân lí của chúng ta đều là niềm tin về “thực tại” và cái “thực tại” này gồm ba bộ

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, sđd, tr.123 – 124.

phận: dòng cảm giác, tài liệu tri giác hoặc sự thực chân lí trước kia. Những nhân tố thực tại này, tuy đều rất cố định, và chúng ta đối với chúng vẫn có tự do tương đối lớn. Vì vậy, “cách nói như thế nào của chúng ta đối với thực tại, hoàn toàn xem chúng ta chọn cảnh chụp cho nó thế nào. Thực tại của thực tại do tự nó; thực tại là gì, đều dựa vào sự chọn cảnh; nhưng chọn cảnh như thế nào, thì tùy chúng ta”.

Như nói về cảm giác, sự tồn tại của cảm giác, chúng ta không thể kiểm soát, nhưng chúng ta cảm giác cái gì, chúng ta chú ý cái nào, trọng cái nào thì hoàn toàn dựa vào lợi ích của mỗi cá nhân để quyết định. Nơi chú trọng khác nhau, kết quả chân lí tạo nên có thể hoàn toàn không giống nhau. Sự thực giống nhau, cách nhìn của chúng ta có thể hoàn toàn khác nhau. Trên cùng trận đánh Oatolô, tình tiết cụ thể không thể có hai cái giống nhau. Theo người Anh thì đó là “thắng lợi”, theo người Pháp thì đó là “thất bại”. Vũ trụ cũng có tình hình như vậy, người theo chủ nghĩa lạc quan xem là thắng lợi, người theo chủ nghĩa bi quan thì xem là thất bại. Cho nên trong lãnh vực cảm giác, trong lòng ta vẫn có tự do lựa chọn tùy ý nhất định. Dựa vào việc lấy bỏ vút giữ của chúng ta, mà hoạch định giới hạn của lãnh vực; dựa vào tốt xấu nặng nhẹ của chúng ta mà chia làm tiền cảnh và bối cảnh; dựa vào thứ tự của chúng ta, xem xét từ góc độ này hay góc độ khác. Tóm lại, chúng ta nhận được viên đá cẩm thạch, còn tạc tượng đá là việc của chúng ta.

Giêmxơ cho rằng, những điều nói trên đây cũng thích hợp với phần 2 và 3 của thực tại. Đối với tài liệu

tri giác hoặc sự thực chúng ta cũng có thể tự do chuyển đổi, tự do sắp xếp như vậy, có thể dùng bất kì thứ tự nào để giải thích chúng, có thể dựa theo các phương thức khác nhau quy chúng thành từng loại, cho đến khi nào chúng ta tạo dựng nên các hệ thống của chân lí đối với tín ngưỡng của chúng, như logic học, hình học, toán học v.v... Trong mỗi hệ thống, đều thể hiện rõ ràng sự sáng tạo của người làm nên. “Chân lí trước kia” cũng như vậy, loài người in đậm hình thức tư tưởng lên nó. Những chân lí mà ta có thể nhìn thấy, có thể nắm chắc, mãi mãi là do tư duy con người “đã pha chế”, “đã tiêu hoá” những vật đã thay thế nó mà thôi. Bất kì nó xuất hiện ở đâu, đều đã được người ta “tô điểm”.

Dựa theo logic này, Giêmxơ giải thích như thế nào về “vật”? Giêmxơ nói, là hoàn toàn tùy tiện, vì con người có thể phân chia bất kì vật gì cho phù hợp với nhu cầu của con người. “Như toàn bộ người nghe ở đây, tôi xem là một “vật”... nhưng các bà, các ông, theo các anh, gọi họ là “người nghe”, chỉ là cách gọi ngẫu nhiên. Đối với mọi người, cá nhân của các anh mới là “vật” của thực tại vĩnh viễn. Ngoài ra, nếu xem xét từ nhà giải phẫu học, những người ấy lại chẳng qua là nhiều cơ thể, “vật” thực tại của nó, chẳng qua là một số cơ quan cơ thể. Lại xem xét từ nhà tổ chức học, “vật” của thực tại lại không phải là cơ quan cơ thể, mà là những tế bào tổ chức nên những cơ quan ấy. Nếu lại xem xét từ nhà hoá học, càng có thể nói, “vật” của thực tại không phải là tế bào, mà là phân tử của tế bào... ở đây các anh có thể thấy nguyên tắc một con người làm thế nào tự nhiên đạt đến chủ nghĩa nhân bản này: sự đóng góp

của con người là không bao giờ mất⁽¹⁾.

Chính ở đây, Giêmxơ tìm được chỗ tương đồng của chủ nghĩa thực dụng và chủ nghĩa nhân bản, cho rằng ông đề xướng chủ nghĩa thực dụng cũng chính là như vậy, bất kì trong hoạt động nhận thức và trong hoạt động hành động, con người đều có tác dụng sáng tạo, cho nên chủ nghĩa thực dụng cũng cho rằng, thế giới này quả thực có thể nặn tạo ra, chờ chúng ta đem lại cho nó sự trang điểm cuối cùng. Giống như thiên quốc, thế giới cũng ngoan ngoãn nghe theo sự khinh nhờn của loài người.

Xuất phát từ lập trường chủ nghĩa nhân bản này, tất nhiên Giêmxơ cho rằng, chân lí toàn do con người sản sinh cho thế giới. Vì chân lí tồn tại đối ứng với con người, đối ứng với kinh nghiệm đang biến đổi của con người. Sự tồn tại và tính chất của chân lí do con người quyết định. Chân lí là do con người dựa theo nhu cầu của mình để sáng tạo, lấy mức độ thoả mãn nhu cầu của con người làm thước đo. Giêmxơ hoàn toàn tán thành quan điểm chủ nghĩa nhân bản của Silơ, trong sách "Chủ nghĩa thực dụng" ông luôn nhấn mạnh, chân lí hoặc nói quan niệm, lí luận, tri thức có đầy đủ ý nghĩa chân lí đều do con người làm nên, tạo ra nhằm đạt mục đích của mình.

Tất nhiên con người có tính chủ động, tính sáng tạo đối với thế giới, đây cũng là đặc điểm quan trọng của con người khác với các động vật khác, nhưng sự chủ động, sáng tạo của con người quyết không phải như

⁽¹⁾ Giêmxơ: "Chủ nghĩa thực dụng", sđd, tr.129 – 130.

Giêmxơ chủ trương là tùy ý, vạn năng, mà là có tiền đề, cần chịu sự ràng buộc của quy luật khách quan. Tách rời quy luật khách quan để bàn suông sự sáng tạo của con người, thoả mãn lợi ích của con người, chỉ có thể dẫn đến chủ nghĩa duy ý chí.

Chân lí đều là sự phản ánh đúng đắn của chủ quan đối với khách quan. tách rời con người là chủ thể của nhận thức, vừa không thể sản sinh vừa không thể tồn tại. Vì vậy sai lầm của Giêmxơ về con người sáng tạo chân lí không phải là ông chủ trương chân lí có tính năng động của con người mà là ông tuyệt đối hoá điểm này, xoá bỏ cơ sở khách quan của chân lí, thậm chí quy kết toàn bộ thực tại và chân lí do chủ quan con người sáng tạo.

4. Thuyết triết học khí chất

Giêmxơ lấy con người làm trung tâm, lấy kinh nghiệm chủ quan của con người làm cốt lõi để giải trình chủ nghĩa thực dụng của ông, dĩ chí coi cá tính, tình cảm, khí chất của con người là cái có ý nghĩa quyết định hình thành đối với lí luận triết học, cho nên trong “Bài giảng thứ nhất” của sách “Chủ nghĩa thực dụng” thuyết minh tương đối nhiều thuyết triết học khí chất của ông.

Thuyết triết học khí chất có thể nói là lí luận đặc sắc độc đáo nhất của Giêmxơ. Tại đây tập trung thể hiện triết học nhân sinh của ông. Ông nói, triết học là phương thức mỗi người chúng ta quan sát và cảm nhận toàn bộ lực thúc đẩy của vũ trụ, “triết học là cái cao thượng nhưng là bình thường nhất trong sự nghiệp của loài người. Nó đi sâu vào những nơi nhỏ hẹp nhất

nhưng triển khai viễn cảnh rộng rãi nhất. Người ta nói triết học không “làm ra bánh bao”, nhưng nó lại cổ vũ linh hồn chúng ta, làm cho chúng ta đứng cảm lên. Đối với con người nói chung, thái độ của triết học, sự nghi hoặc và sự vận hỏi của triết học, nguy biến và biện chứng của triết học, thường làm cho người ta ghét, nhưng nếu không có ánh sáng chiếu xa của triết học rọi sáng viễn cảnh của thế giới, chúng ta không có cách nào tiến lên phía trước⁽¹⁾. Giêmxơ khẳng định tính quan trọng và địa vị của triết học trong đời sống con người, còn nói rõ cụ thể triết học là sự biểu hiện tính tình.

Bất kì một loại triết học nào đều chịu ảnh hưởng sự ràng buộc mạnh mẽ của khí chất, tính cảm cá nhân nhà triết học, cho nên “trong lịch sử triết học, trên chừng mực rất lớn là lịch sử nổ ra sự xung đột của mấy loại khí chất... một nhà triết học chuyên môn không kể họ có khí chất gì, khi họ suy nghĩ về triết học, thường che dấu sự thực khí chất của họ, kì thực khí chất của họ đã làm cho họ có thiên kiến, còn mạnh mẽ hơn nhiều so với bất kì tiền đề khách quan tương đối chặt chẽ nào của họ”⁽²⁾. Giêmxơ cho rằng, những nhà triết học có địa vị quan trọng trong lịch sử triết học đều là người kiệt xuất, có đặc tính quan trọng, đều để lại dấu ấn đặc trưng và ấn tượng của họ trong lịch sử triết học. Như Platon, Rôccơ, Hêghen, Xpensơ (Herbert Spencer 1820-1903) đều là những triết gia có khí chất đặc thù như vậy.

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, sđd, tr. 6-7.

⁽²⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, sđd, tr. 7

Giêmxơ cho rằng, về triết học, đặc thù khí chất của con người có sự khác nhau và có thể quy nạp thành hai loại: người theo chủ nghĩa lí luận và người theo chủ nghĩa kinh nghiệm. Nói chung, “người theo chủ nghĩa lí luận” là người tín ngưỡng trừu tượng và nguyên tắc vĩnh cửu, “người theo chủ nghĩa kinh nghiệm” là người ưa thích các loại sự thực nguyên thủy. Bất kì người nào đều không thể sống một giờ khi họ vừa không thể tách rời sự thực cũng không thể tách rời nguyên tắc, cho nên sự khác biệt của nó chẳng qua là chú trọng phía nào thôi; điểm chú trọng của họ khác nhau, nên giữa họ nảy sinh nhiều sự đối lập rất gay gắt... Giêmxơ xuất phát từ khí chất của con người, chia triết học thành hai loại tính mềm và tính cứng và nêu riêng biệt các biểu hiện cụ thể:

Tính mềm	Tính cứng
Chủ nghĩa lí luận	Chủ nghĩa kinh nghiệm
(Làm theo nguyên tắc)	(Làm theo sự thực)
Chủ nghĩa lí trí	Chủ nghĩa cảm giác
Chủ nghĩa duy tâm	Chủ nghĩa duy vật
Chủ nghĩa lạc quan	Chủ nghĩa bi quan
Có tín ngưỡng tôn giáo	Không tín ngưỡng tôn giáo
Thuyết tự do ý chí	Thuyết định mệnh
Nhất nguyên luận	Đa nguyên luận
Thuyết vũ đoán	Thuyết hoài nghi

Quan điểm lí luận của hai loại nhà triết học này đối lập với nhau, khi khí chất cá nhân của họ nổi lên mạnh mẽ, sự đối kháng của họ trong các thời đại sẽ hình thành khuynh hướng triết học lúc ấy. Do đó làm cho

lịch sử phát triển triết học thể hiện cảnh sắc muôn màu muôn vẻ. Cho nên Giêmxơ cho rằng, sự khác biệt về trường phái triết học không do điều kiện vật chất quyết định, mà do sự khác nhau về khí chất chủ quan. Về đại thể ông tự nhận là nhân vật của phái cứng, tuy ông không chính thức nói toạc ra điểm này.

Triết học là sự thể hiện tính tình, hoàn toàn chịu sự chi phối của khí chất cá nhân nhà triết học, cho nên Giêmxơ nhấn mạnh, bất kì triết học nào đều phải tôn trọng tính tình của con người, không thể kim hãm, thậm chí xóa bỏ đòi hỏi, nguyện vọng sâu kín nhất trong lòng con người. Điều ấy có nghĩa là, triết học không thể làm cho nguyện vọng tha thiết nhất và khả năng yêu quý nhất trong lòng chúng ta bị thất vọng, triết học nhất định phải thoả mãn đòi hỏi về tình cảm của chúng ta, lí trí chẳng qua là con ở của tình cảm nhưng sức mạnh của tình cảm chúng ta mới là nguyên động lực tìm được tri thức. Ông cho rằng tính chất con người là thiện. Con người sở dĩ hơn loài cầm thú, theo ông, cũng do con người có đòi hỏi và dục vọng nhiều hơn cầm thú. Cho nên con người nên cố tiếp cận nhân tình, thoả mãn một cách tự do các loại đòi hỏi chính là sứ mạng của triết học và chân lí cũng chẳng qua là công cụ thoả mãn dục vọng tình cảm loài người mà thôi. Trên thế giới không có chân lí vượt qua con người, giá trị của con người tuyệt đối cao hơn chân lí.

Giêmxơ từ kinh nghiệm thiết thân đấu tranh với tật bệnh của mình, đặc biệt coi trọng tác dụng của ý chí, cho nên ông đặt khí chất con người lên vị trí rất cao,

ông nói: “Tư tưởng là cha đẻ của hành động, còn ý chí là cha đẻ của tư tưởng”⁽¹⁾.

Thuyết khí chất của Giêmxơ nêu lên tác dụng của khí chất, tín ngưỡng, ý chí làm nảy sinh và phát triển triết học, gắn mối quan hệ chặt chẽ giữa lí luận triết học nảy sinh với tính cách, khí chất cá nhân nhà triết học, đây là công tích lịch sử của ông. Vì bất kì triết học nào đều thông qua ý chí chủ thể của nhà triết học xây dựng nên, tất nhiên chịu ảnh hưởng của ý chí chủ thể của họ. Phủ nhận tác dụng của ý chí chủ thể trong hình thành quan điểm triết học, sai lầm cho rằng triết học là khách quan tuyệt đối, đó là thái độ không khoa học. Nhưng Giêmxơ cường điệu tác dụng của khí chất, lại thổi phồng một mặt, tuyệt đối hoá, và đẩy cao địa vị khí chất, ý chí, tình cảm, đánh giá thấp vị trí lí trí, tư tưởng, thể hiện rõ ràng khuynh hướng “chủ nghĩa ý chí”. Quan điểm của ông cũng có mặt phiến diện không khoa học là như vậy.

⁽¹⁾ Hạ Lân: “Tập bài giảng triết học phương Tây hiện đại”, Nxb Thượng Hải, năm 1984, tr.13, 14.

CHỦ NGHĨA KINH NGHIỆM TRIỆT ĐỂ

Những bài giảng triết học “Chủ nghĩa thực dụng” của Giêmxơ được giảng nhiều lần, đã ngày càng thu hút nhiều người hưởng ứng, danh vọng của ông ngày càng lớn, ông ngày càng mang nhiều chức vụ danh dự.

Tháng 5 năm 1905, Giêmxơ được chọn làm thành viên Hội văn học nghệ thuật Mỹ. Bí thư Hội Giôn thông báo cho Giêmxơ kết quả bình chọn và yêu cầu ông tiếp nhận. Lúc ấy Giêmxơ không có mặt tại Mỹ. Ông từ châu Âu trở về Mỹ ngày 7 tháng 11, sau thời gian ngắn suy nghĩ, ông quyết định từ chối không tiếp nhận và có thư trả lời như sau:

Ngài Giôn kính mến:

Đi châu Âu 3 tháng trở về, tôi nhận được thư của ngài ngày 16 tháng 5, báo tin tôi được chọn làm hội viên Hội văn học nghệ thuật Mỹ, tôi vui mừng và rất xúc động, nhưng từ sâu thẳm trong lòng lại có phần e ngại.

Một mặt, lòng ham muốn và khát vọng bản năng thôi thúc và cùng với danh lợi lôi cuốn tôi nói “tiếp nhận”. Mặt khác, từ lâu có thói quen và thực tiễn cuộc sống theo đuổi cái thiết thực và chống cái phô trương, lại đòi tôi hững hờ với danh lợi, bảo tôi “không tiếp nhận”.

Tôi chưa được thông tin rõ ràng công việc của hội viên Hội Văn học nghệ thuật cần làm (nếu có, tôi muốn làm việc có ích), như vậy một loại chức phận cá nhân của một hội viên được nêu lên, khiến cho họ có thể tuyên bố với thế gian rằng "tôi là hội viên còn anh thì không phải". Một người truyền giảng về đạo lí chống lại khoa trương lẽ nào khuất phục sự dụ dỗ ấy sao? Lẽ nào anh ta không cố "ức chế", hoặc "loại bỏ" cái của thôi rữa không có giá trị thực tế đó sao? Tôi chủ trương một nhà triết học nên có khí chất thuần phác, không phù phiếm, giàu chính nghĩa, nên thường xuyên trước sau như một vứt bỏ chủ nghĩa phù phiếm, không coi trọng danh lợi, tôi tin rằng tôi có thể làm như vậy.

Yêu cầu ông đồng ý cho tôi không tiếp nhận tư cách hội viên này, buông tha để tôi trở về với trái đất! Nếu ông biết những lời nói này của tôi thật sự chân thành, ông sẽ không cho tôi là không hữu nghị hoặc không thành thực, chẳng qua hơi bông đùa chút thôi.

Cũng từ sự lựa chọn như vậy, tôi cho rằng tôi nên từ chức công tác của Viện Văn học nghệ thuật nhà nước (Vì trong thời gian này tôi thật không sôi nổi lắm).

Ngài Giôn thân mến, hãy tin tôi, khát vọng và ân hận đan xen trong con người Uyliaam Giêm-xơ đúng cảm.

Tháng 7 năm 1905

Bức thư này thực sự bày tỏ thái độ siêu nhiên của Giêmxơ đối với vinh dự. Ông không ham muốn bất kì chức tước tốt đỉnh trống rỗng nào, càng không vừa lòng với những người tự phụ luôn mong mỗi được tán thưởng, Giêmxơ luôn luôn miễn cưỡng tiếp nhận vinh dự, chỉ khi đơn vị khen thưởng có yêu cầu đặc biệt đối với ông, nếu việc thưởng có lợi cho đơn vị thưởng, nếu vinh dự có liên quan trực tiếp đến thành tích của ông, ông mới có thể tiếp nhận. Khi tên của ông gắn với một sự nghiệp, ông đầu tiên nhấn mạnh là sự quan trọng của công tác thực tế. Vì Giêmxơ xác định, rõ ràng, cái ông có sở trường và có thể có đóng góp là tâm lí học và triết học, nhưng trong vườn văn nghệ Mỹ ông lại giống như con cá rời nước, huống hồ ông biết rằng Hội Văn học nghệ thuật chỉ là một vinh dự xã hội, nên ông từ chối vinh dự này.

Giêmxơ vẫn cần mẫn tiếp tục nghiên cứu triết học, xác lập lí luận thế giới quan có hệ thống. Sau mấy năm cố gắng, Giêmxơ cuối cùng tuyên bố với thế giới "Tôi đặt tên thế giới quan của tôi là chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để".

Năm 1907, Giêmxơ thu thập một số bài ông đã phát biểu, bỏ vào một phong bì, và đặt tên là "Tập luận văn về chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để". Sau đó, ông đóng những bản phụ của những bài này thành tập đặt ở thư viện Havót, và thư viện học đường sinh viên Êmecson (Ralph Waldo Emecson 1803-1882) để cho học sinh dùng. Pêri (R.B.Perry 1876-1957) nhà nghiên cứu tư tưởng Uyliam Giêmxơ đã biên tập tập luận văn trên thành sách, sau khi Giêmxơ chết, năm 1912 chính thức

xuất bản. Khi bản dịch tiếng Trung in lại đặt tên là “Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để”.

Trong tác phẩm “Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để”, Giêmxơ dùng chủ nghĩa thực dụng chứng minh bản thể thế giới, thể hiện thế giới quan đa nguyên luận chủ nghĩa kinh nghiệm của ông.

I. CHỦ NGHĨA THỰC DỤNG VÀ CHỦ NGHĨA KINH NGHIỆM TRIỆT ĐỂ

Giêmxơ cho rằng ông là nhà triết học được nổi tiếng bằng tác phẩm lí luận chủ nghĩa thực dụng của ông, và chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để lại là cơ sở thế giới quan của ông. Thế thì quan hệ giữa hai loại lí luận chủ nghĩa thực dụng và chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để cuối cùng là gì?

Tháng 4 năm 1907, Giêmxơ tại Đại học Havót đã giải thích về vấn đề này: “Để tránh ít nhất là một sai lầm, cho phép tôi tuyên bố. Chủ nghĩa thực dụng, theo sự lí giải của tôi đối với nó, nó không có bất kì mối liên hệ logic nào với “Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để”, lí luận tôi mới nêu lên gần đây nhất. Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để tự nó là một thể, một người có thể hoàn toàn không tiếp nhận nó nhưng vẫn là người theo chủ nghĩa thực dụng”⁽¹⁾.

Vì sao Giêmxơ trình bày như vậy và ông ra lời tuyên bố này trong trường hợp và bối cảnh nào, cần tiếp tục nghiên cứu. Cũng không thể phủ nhận, trên một ý nghĩa nào đó, giữa hai loại lí luận này thật không cần

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, sđd, tr.4.

có mối liên hệ tất nhiên nào, người tán thành quan điểm triết học chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để giống như Giêmxơ không hẳn là người theo chủ nghĩa thực dụng, và người ủng hộ chủ nghĩa thực dụng cũng không hẳn tán thành chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để của Giêmxơ. Đối với bản thân Giêmxơ, khi ông bàn luận chính diện chủ nghĩa thực dụng, thường có ý đồ tránh các vấn đề gọi là siêu hình của thế giới quan và vũ trụ quan. Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để của ông thì trực tiếp nêu lên một loại thế giới quan, là vấn đề siêu hình chính tông. Giêmxơ cũng chính trên ý nghĩa này nhấn mạnh sự khác biệt giữa chủ nghĩa thực dụng với chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để.

Nhưng xem xét logic bên trong toàn bộ học thuyết của Giêmxơ, chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để và chủ nghĩa thực dụng không có sự khác nhau căn bản.

Một mặt, chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để của ông phù hợp với nguyên tắc của chủ nghĩa thực dụng, cũng là một loại ứng dụng phương pháp luận và thuyết chân lý thực dụng chủ nghĩa của ông. Ông tuyên bố rõ ràng: “Xác lập thuyết chân lý của chủ nghĩa thực dụng là bước đi quan trọng hàng đầu để thúc đẩy chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để⁽¹⁾. Vì để giải quyết tính nhị nguyên, tách biệt chủ thể và khách thể học thuyết chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để chủ trương tính nhị nguyên của cái gọi là chủ khách thể chỉ là các loại khác biệt của quan hệ kinh nghiệm trong các thuyết kinh nghiệm chung; loại khác biệt này do con người đặt ra, chúng chỉ

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, *sđd*, tr.158

là sự khác biệt trong thực tiễn. Nói cụ thể, người ta sở dĩ cần tiến hành phân biệt loại kinh nghiệm này, hoàn toàn do nhu cầu của đời sống, và tiêu chuẩn tiến hành sự phân biệt này là xem nó có tác dụng đối với con người hay không, tức “đối với mỗi vật đều cần xem mệnh giá mặt phiếu của nó để đối xử”⁽¹⁾. Cho nên nói, chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để liên kết chặt chẽ với chủ nghĩa thực dụng, chúng chẳng qua là sự khác nhau về khía cạnh chú trọng trong trình bày mà thôi, hoặc nói, chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để, ứng dụng và giới thiệu quan điểm của chủ nghĩa thực dụng.

Mặt khác, Giêmxơ nêu lên chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để cũng chính để cung cấp căn cứ cho thế giới quan chủ nghĩa thực dụng của ông. Vì mọi lập luận của ông về chủ nghĩa thực dụng đều lấy kinh nghiệm làm cơ sở, lấy thế giới kinh nghiệm đề cập đến làm phạm vi, lấy tiêu chuẩn của kinh nghiệm làm tiêu chuẩn duy nhất của ý nghĩa và chân lí. Giêmxơ không chỉ một lần thừa nhận chủ nghĩa thực dụng là một loại chủ nghĩa kinh nghiệm, nhưng không phải là chủ nghĩa kinh nghiệm chung chung, mà là chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để. Ông nói: “Chủ nghĩa thực dụng đại diện một loại thái độ người ta rất quen thuộc trên triết học, tức thái độ chủ nghĩa kinh nghiệm, theo tôi, thái độ của chủ nghĩa kinh nghiệm mà nó đại diện, không chỉ càng triệt để so với các hình thức từ trước đến nay nó sử dụng, mà cũng có rất ít chỗ có thể chống

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để”, Nxb N.D. Thượng Hải, 1965, tr.23.

lại⁽¹⁾. Điều này cũng cho rằng, chủ nghĩa thực dụng của Giêmxơ chẳng qua là sự phổ biến rộng rãi chủ nghĩa kinh nghiệm đến các kết luận chính đáng của ông. Có thể thấy rằng, chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để và chủ nghĩa thực dụng của Giêmxơ về thực chất hoàn toàn thống nhất.

II. THẾ GIỚI QUAN ĐA NGUYÊN LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA KINH NGHIỆM TRIỆT ĐỂ

Trên thực tế, trước khi công bố tập luận văn về chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để, Giêmxơ trong lời nói đầu sách “Ý chí của tín ngưỡng” xuất bản năm 1897 đã đặt tên triết học của ông là “Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để”. Ông trình bày như sau: Nếu tôi không thể không đặt cho nó cái tên ngắn gọn biểu thị thái độ của mình thì tôi nguyện cũng sẽ gọi nó là chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để... Tôi sợ dĩ nói nó là “chủ nghĩa kinh nghiệm” vì nó thoả mãn kết luận về sự thực được khẳng định nhất làm giả thiết thay đổi một cách dễ dàng quá trình kinh nghiệm trong tương lai. Tôi sợ dĩ gọi nó là “chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để” vì nó coi bản thân học thuyết nhất nguyên luận là một loại giả thiết, điều này khác với chủ nghĩa kinh nghiệm nửa vời lưu hành dưới cái tên gọi chủ nghĩa thực chứng, hoặc bất khả tri luận và chủ nghĩa tự nhiên khoa học... Tôi gọi người nhìn nhận nó (đa nguyên luận) là một loại khái niệm hình thức vĩnh hằng của thế giới là người theo chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để.

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, sđd, tr. 29.

Thế giới quan chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để của Giêmxơ gồm mấy tư tưởng sau đây:

1. Chống siêu hình truyền thống

Chống triết học siêu hình truyền thống luôn luôn là một chủ đề quán xuyên trong triết học của Giêmxơ.

Trong “Chủ nghĩa thực dụng” Giêmxơ rất tán thành những người theo chủ nghĩa kinh nghiệm trong lịch sử triết học phê phán siêu hình truyền thống. Giêmxơ cho rằng, sở dĩ trong giới triết học người ta không ngớt tranh luận, nguyên nhân chính của nó là do từ chữ “nhất” tác yêu tác quái. Các nhà triết học đã chạy theo cái “nhất”, cái “tuyệt đối”, cái “tinh thần tổng thể” và coi như trách nhiệm của mình chẳng hạn như “Quan niệm của trường phái kinh viện về thực thể vật chất thì coi, nó là cái người không thể với tới, nó ở phía sau thế giới ngoại tại, nó ở càng xa hơn thế giới ngoại tại, có như vậy mới là chân thực”⁽¹⁾. Cho nên nói, giới triết học “chịu tác hại của những nhà triết học trường phái Hêghen và các nhà triết học tin “tuyệt đối” khác”⁽²⁾. Xuất phát từ lập trường này, Giêmxơ coi tất cả những nhà triết học chống lại những phạm trù như “tuyệt đối”, “bản thể”, “nhất”, “vật chất” là những người tiên phong hoặc những người đồng hành của “chủ nghĩa thực dụng”, Becoly (G.Berkeley) “phê phán đối với “vật chất” tuyệt đối là chủ nghĩa thực dụng”, “Phê phán đối với quan niệm thực thể tinh thần cũng là chủ nghĩa

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, sđd, tr.48.

⁽²⁾ Sđd, tr.12.

thực dụng, trước hết là Rôccơ, sau là Hium (David Hume)⁽¹⁾.

Giêmxơ còn từ tình cảm và lí trí tiến hành phê phán siêu hình truyền thống.

Giêmxơ nêu lên, siêu hình truyền thống còn làm cho người ta phản cảm về tình cảm. Ông đã dẫn chứng rất nhiều tài liệu trong tác phẩm những người khác để chứng minh vấn đề, “Tôi đã tìm trong tác phẩm của tác giả vô chính phủ dũng cảm Suýt (Jonathan Swift) những dẫn chứng rất tốt sự trống rỗng về triết học tôn giáo, sự phản kháng của chủ nghĩa lạc quan hồi hợt lúc ấy”⁽²⁾. Theo tài liệu tác giả Suýt cung cấp, một viên chức nhỏ Giôn Corolan bị ốm nên mất việc trong ba tuần, anh ta đi trong gió tuyết, lê cái thân ốm yếu đi từ đầu phố này đến đầu phố khác của thành phố, cũng không tìm được việc, vợ và 6 con đều bị đứt bữa, tên chủ cho thuê nhà lại đến thúc tiền thuê nhà, anh ta đành phải uống thuốc độc tự tử trong tuyệt vọng. Nhưng dưới con mắt của những nhà triết học siêu hình, những bi kịch dân gian này quả thật là một cảnh vật khác. “Nhà triết học Mỹ, giáo sư Rôixơ (Josiaf Royce 1855-1916, đại diện chủ nghĩa tình cảm tuyệt đối), - nói, những cái ác tồn tại trong trật tự thế giới hiện nay chính là điều kiện tốt đẹp trong trật tự vĩnh hằng”. “Nhà triết học Anh Bratly (Francis Herbert Bradley 1846-1924, đại biểu của chủ nghĩa Hêghen mới) nói: “Tuyệt đối vì nó bao gồm các loại mâu thuẫn và tất cả

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, sđd, tr.48.

⁽²⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, sđd, tr.18.

sự khác biệt nên càng phong phú”. Ý của ông là, những người bị giết hại ấy làm cho vũ trụ càng phong phú, triết học là như vậy”. Do đó Giêmxơ có kết luận, khi những nhà siêu hình truyền thống như Bratly và Rôixơ và một số nhà tư tưởng ngây thơ ăn uống phê phồn đang vạch trần cái “thực tại” và “tuyệt đối”, và khi người công nhân không tìm được việc làm nuôi gia đình và con cái đành tự sát, những nhà tư tưởng này đều cho rằng “chết chóc làm cho vũ trụ càng phong phú”, những cách làm của những siêu hình này ít nhất là không đạo đức, họ không thể không gây cho người ta chán ghét về tình cảm. Cho nên, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa kinh nghiệm của Giêmxơ kiên quyết vứt bỏ siêu hình trừu tượng.

Giêmxơ cho rằng, siêu hình Hêghen truyền thống không chỉ làm cho người ta phản cảm về tình cảm, mà còn làm cho người ta phản cảm như vậy về lí trí. Giêmxơ chỉ ra, trong giới triết học thực thể trừu tượng chạy theo cái “tuyệt đối”, nhà triết học siêu hình nơi nào cũng thể hiện khí chất gay gắt, chuyên quyền, cách làm này thật sự làm cho người ta ngột ngạt. Trong học thuyết của những người này, hầu như tính phổ cập toàn diện không có gì sai lầm, vũ trụ “từ đầu đến cuối” không chút tì vết, làm cho tôi ngạt thở. Tính tất nhiên không có khả năng của nó, quan hệ không có chủ thể của nó, làm tôi cảm thấy như đã tham gia vào một loại hợp đồng không có quyền bảo lưu, hoặc giả như tôi không thể không sống trong một khu nhà bên cạnh bờ biển rộng rãi mà bản thân mình không được dùng phòng ngủ để tránh

dám người nơi ấy⁽¹⁾. Có nghĩa là, triết học siêu hình truyền thống đã bóp chết tác dụng và ảnh hưởng của chủ thể. Không chỉ thế, những nhà siêu hình truyền thống vì đã xa rời cuộc sống, xa rời dân chúng, cho nên họ không thể tạo sự phấn khởi cho người ta, mà còn làm cho người ta không biết xoay xở như thế nào, “đương nhiên, nói về nhận thức cá nhân tôi, mọi người thuộc trường phái Hêghen không phải đều là những người học vẹt tự phụ. Nhưng không biết như thế nào, tôi đều thấy rằng hình như mọi người học vẹt tự phụ nếu phát triển lên, cuối cùng đều trở thành trường phái Hêghen”. Về việc này, Giêmxơ nêu lên một ví dụ lí thú, hai mục sư vì nhầm lẫn đã được mời đến chủ trì buổi tang lễ. Một người đến trước, vừa tụng kinh thánh đến đoạn “Tôi sống trở lại và cuộc đời”. Một mục sư khác lại bước vào, hét to “Tôi sống trở lại và cuộc đời”. Cho nên Giêmxơ nói, triết học “từ đầu đến cuối” giống như sự tồn tại hiện thực của nó, làm cho nhiều người chúng ta nghĩ đến vị mục sư ấy, nó thật giống một nhân vật có hàng cúc áo luôn luôn được gài cẩn thận, thất cà vạt trắng, mặt mày cạo rất sạch sẽ, bàn luận bằng quơ đến vũ trụ bao la, không có ý thức, cùng vực thẳm đáng sợ và thuỷ triều mờ mịt của nó. Tóm lại, Giêmxơ kiên trì cho rằng: “Chúng ta còn chưa biết cái chính thể của tuyệt đối”. Nói cách khác, nghiên cứu vấn đề siêu hình vốn là công cốc.

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để”, Nxb N.D. Thượng Hải, 1965, tr.148.

2. Phủ định siêu hình truyền thống tất nhiên dẫn đến “chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để”

Giêmxơ cho rằng, phủ định siêu hình truyền thống cũng dựa trên yêu cầu của thời đại. Theo ông, con người đương đại, đặc biệt cuộc sống của thanh niên rất phức tạp, phong phú nhiều màu sắc. Họ cảm thấy triết học siêu hình truyền thống trong giải quyết nhiều vấn đề căn bản “quá trừu tượng”, “quá kinh viện”, nói gọn là, xa rời thực tế quá xa, cho nên “đòi hỏi bức thiết của thể hệ thanh niên, xem chừng trong triết học của họ có càng nhiều hơi thở cuộc sống, nếu được như vậy, dù có đòi hỏi trả giá hi sinh một số tính thuần khiết chặt chẽ và hình thức về logic cũng không tiếc”. Sống trong không khí ấy, Giêmxơ đã thể hiện tình cảm rất phấn khởi. “Tôi hình như nhìn thấy dấu vết một cuộc động loạn lớn, có một số quan điểm càng hiện thực, một số phương pháp càng có ích đã nổi lên, tình hình quá gấp rút, một bức tranh chân thực không cần cắt tỉa, không cần tô điểm có thể sản sinh lập tức”⁽¹⁾.

Giêmxơ cho rằng, tình hình này vốn rất có lợi cho triết học chủ nghĩa kinh nghiệm, vì chủ nghĩa kinh nghiệm trên một ý nghĩa nào đó nảy sinh ra chủ nghĩa siêu nghiệm, hệ thống tuyệt đối hoặc mặt đối lập của chủ nghĩa lí tính, và “chủ nghĩa lí tính có xu hướng nhấn mạnh cộng tương (danh từ Phật giáo – N.D), đưa cái chính thể lên trước cái bộ phận, bất kì về thứ tự logic, hoặc trên thứ tự đang tồn tại đều là như vậy... Chủ nghĩa kinh nghiệm đặt trọng điểm thuyết minh

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để”, sđd, tr.22.

trong bộ phận, nguyên tố và cá thể, và coi chỉnh thể là một tập hợp, coi cộng tương là một cái trừu tượng⁽¹⁾. Chủ nghĩa kinh nghiệm chủ yếu thảo luận quan sát hiện tượng và sự thực. Cho nên triết học chủ nghĩa kinh nghiệm cần nắm bắt thời cơ, vứt bỏ siêu hình, phát triển triết học mới.

Nhưng chủ nghĩa kinh nghiệm của Giêmxơ khác với chủ nghĩa kinh nghiệm nói chung, nó cảm thấy đáng tiếc đối với chủ nghĩa kinh nghiệm đang lưu hành. “Cá nhân tôi rất bất mãn đối với cách giải quyết hiện nay”, “Chủ nghĩa duy tâm Becolý đang vứt bỏ nguyên tắc “tiết kiệm”, đang thí nghiệm nhỏ sự nghiệp đầu cơ tư duy trừu tượng chủ nghĩa phiếm tâm (hay gọi là Phiếm tâm luận, hoặc Vạn hữu tinh thần luận – mọi vật đều có tinh thần - N.D). Chủ nghĩa kinh nghiệm đang đốc sức cho thuyết mục đích, nhưng điều kì quặc là, ngay thuyết thực tại tự nhiên đã bị chôn vùi từ lâu cũng từ bụi cỏ ngóc đầu ra, và tìm từ những nơi rất trái ngược nhau chìa ra những bàn tay vui mừng với ai vui lòng đón họ, giúp họ đứng vững trở lại”⁽²⁾.

Giêmxơ cho rằng, chủ nghĩa kinh nghiệm phổ thông bị thất bại vì bản thân nó có hạn chế, nó không giải quyết tốt quan hệ giữa bộ phận, nguyên tố, và cá tính, thậm chí không thừa nhận mối liên hệ nội tại của chúng, “chủ nghĩa kinh nghiệm phổ thông không đếm xỉa đến sự thực ấy, luôn chạy theo việc xóa bỏ mối liên kết các sự vật, nhấn mạnh các loại tách riêng của sự

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để”, sđd tr.22.

⁽²⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, sđd, tr. 21.

vật". Như "thuyết duy tâm của Becoly, Hium cho rằng bất kì sự vật nào chúng ta nhận biết đều là "rời rạc tách riêng ra" giống như nhận xét chúng không có "dính liền với nhau" tí nào; giống như Mulo (James Mill 1773-1836) phủ nhận bất kì có cái chung "thực tế" nào của sự vật giống chung và quy trực tiếp nhân quả vào sự tiếp tục của tập quán. Giôn Mulo nói sự vật của vật lí và cái tự tôi, hai cái này được tổ thành từ một số cái có khả năng không liên tục với nhau". Phương thức giải quyết vấn đề vũ đoán này của chủ nghĩa kinh nghiệm phổ thông lại cung cấp thời cơ có thể lợi dụng cho chủ nghĩa lí tính, làm cho họ đều có đất hoạt động. Theo Giêmxơ, kết quả của "một bức tranh thế giới" như vậy tự nhiên thúc đẩy chủ nghĩa lí tính lại cố gắng tăng thêm một số phạm trù và lực lượng cái thống nhất siêu kinh nghiệm, một số thực thể, một số lí trí, hoặc một số tự tôi để uốn nắn các loại tính không liên tục của nó. Ngược lại, nếu chủ nghĩa kinh nghiệm, vốn là triệt để, đối với các sự vật đều có sự đối xử như nhau, liên tục hay tách rời, đối với mỗi sự vật đều căn cứ vào mệnh giá của nó để đối xử, thế thì kết quả của nó không thể dẫn đến như sự uốn nắn của con người.

Nhưng Giêmxơ cho rằng, nói về ý nghĩa đối lập tương đối với chủ nghĩa lí tính, mình cùng mặt trận với người theo chủ nghĩa kinh nghiệm, tức "giống với triết học của Hium và những người kế tục ông ta... vừa không lồi những sự thực này vào thực thể, làm cái nó có sẵn, cũng không lồi chúng vào một tinh thần tuyệt đối, để cho nó sáng tạo, là vật của nó". Mặt khác, Giêmxơ lại không thoả mãn làm một nhà triết học chủ nghĩa

kinh nghiệm phổ thông, có sự khác nhau về chí hướng đối với chủ nghĩa kinh nghiệm. “Vì vậy tôi thêm vào chủ nghĩa kinh nghiệm của tôi hình dung từ “triệt để”, để biểu thị đặc điểm của nó”. Cho nên ông đặt tên học thuyết của ông là “Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để”.

3. “Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để” đã nói như vậy

Giêmxơ cho rằng, chủ nghĩa kinh nghiệm nói chung là một học thuyết, coi mọi sự thực đều chờ kinh nghiệm không ngừng luận chứng. Còn chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để thì coi mọi cái trên thế giới (bất kì là sự vật hay quan hệ giữa chúng) đều là kinh nghiệm, coi những cái mà người theo chủ nghĩa kinh nghiệm trước đây còn chưa coi là kinh nghiệm cũng đều được coi là kinh nghiệm, coi cả thế giới là một thế giới kinh nghiệm thuần túy. Bản thân ông đã khái quát như vậy.

“Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để” trước tiên bao gồm một giả thiết, tiếp đến là sự trình bày, cuối cùng là một kết luận khái quát.

Giả thiết của nó là: sự vật có thể dùng danh từ trong kinh nghiệm để giải thích mới là sự vật có thể tranh luận trong triết học (tất nhiên, sự vật không thể kinh nghiệm cũng rất có thể tồn tại, nhưng quyết không tạo nên đề tài tranh luận triết học.)

Sự trình bày sự thực là: quan hệ giữa sự vật, không kể tiếp tục hay là tách rời, đều giống như bản thân sự vật là đối tượng kinh nghiệm cụ thể trực tiếp.

Kết luận khái quát là: các bộ phận của kinh nghiệm đều dựa vào mối quan hệ kết thành một khối, và bản

thân những quan hệ này cũng là bộ phận tổ thành của kinh nghiệm. Tóm lại, vũ trụ của tri giác trực tiếp của chúng ta không cần sự giúp đỡ của mối liên hệ ngoại lai, siêu nghiệm nào; bản thân nó đã có một kết cấu liên tục không ngừng⁽¹⁾.

Về “giả thiết” của chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để trên đây của Giêmxơ, trong sách “Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để” đã đổi tên thành “công chuẩn”, cũng tức là điểm xuất phát của chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để của ông là tiền đề lí luận. Nó khẳng định vấn đề triết học tìm tòi nên lấy thế giới của kinh nghiệm làm giới hạn, thực chất của nó là nhấn mạnh tiền đề để có thể dùng sự thực kinh nghiệm thiết thực nghiệm chứng mới là triết học nên nghiên cứu. Cho rằng, cái có thể triển khai tranh luận duy nhất trong các nhà triết học sẽ là cái có thể rút ra từ kinh nghiệm có thể thuyết minh. Chống lại sự xuất phát từ cái gọi là nguyên lí, nguyên tắc siêu nghiệm của những nhà chủ nghĩa lí tính tiên nghiệm giải thích sự thực, yêu cầu trên sự giải thích đối với thế giới kinh nghiệm”. Chúng ta cảm giác được nó là như thế nào thì xem nó là như vậy, chứ không phải là sự tán rỗng về sự trừu tượng của nó⁽²⁾.

Rõ ràng là, “giả thiết” này của Giêmxơ trên thực chất phù hợp với “phương pháp luận chủ nghĩa thực dụng” của ông, giống với nguyên tắc chủ nghĩa kinh nghiệm thực chứng của những người như Hium, Côngtơ (Auguste Comte 1798-1857). Cái khác nhau là, Giêmxơ

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa thực dụng”, sdd, tr.158.

⁽²⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để”, sdd, tr.26.

cho rằng, lí luận của những người theo chủ nghĩa kinh nghiệm như Hium quán triệt chưa đủ triệt để nguyên tắc chủ nghĩa kinh nghiệm, vẫn là chủ nghĩa kinh nghiệm nửa vời, vì những người như Hium vẫn thừa nhận một loại thế giới quan nhất nguyên luận, tức tính chân lí tuyệt đối của kinh nghiệm nhất nguyên luận, vì vẫn còn có thành phần trừu tượng chủ nghĩa lí tính và thành phần chủ nghĩa giáo điều. Theo Giêmxơ, muốn quán triệt triệt để nguyên tắc chủ nghĩa kinh nghiệm, thì cần phải lúc nào, nơi nào cũng sử dụng kinh nghiệm; từ chối bất kì nguyên tắc nào tự cho là có tính chất chân lí tuyệt đối thuộc sự khái quát trừu tượng, coi mọi nguyên tắc đều là giả thiết có tính chất chân lí tạm thời tương đối, thừa nhận mọi nguyên tắc có tính chất chân lí đều có thể có sự biến đổi và phát triển tùy theo sự biến đổi sự thực kinh nghiệm. Do đó Giêmxơ đã từng bày tỏ rõ ràng như sau: “Tôi nói, “Chủ nghĩa kinh nghiệm” vì nó cam chịu coi một số kết luận đáng tin cậy nhất về mặt sự thực là giả thiết, những giả thiết này trong kinh nghiệm tương lai, có thể thay đổi; tôi nói “triệt để” vì nó coi học thuyết nhất nguyên luận là một loại giả thuyết... nó không giống như chủ nghĩa kinh nghiệm thông thường, nửa chừng bỏ dở, núp dưới nhiều cái tên như chủ nghĩa thực chứng, hoặc chủ nghĩa bất khả tri, hoặc chủ nghĩa tự nhiên khoa học, nó không nói một cách giáo điều nhất nguyên luận là một cái gì toàn bộ kinh nghiệm phù hợp với nó”⁽¹⁾. Có thể thấy dễ dàng quan niệm này của Giêmxơ, chống lại việc làm xơ

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để”, sđd, tr.2-3.

cứng quan niệm tư tưởng trong nguyên lí, nguyên tắc đã có; nhấn mạnh quan niệm lí luận cần có tính mở, cần có sự phát triển và đổi mới theo sự phát triển của sự thực kinh nghiệm. Điều này có ý nghĩa tích cực nhất định trong việc chống lại tư tưởng giáo điều xơ cứng và chống lại vũ đoán của thuyết duy tâm chủ quan; cũng dễ dàng thấy rằng, loại quan điểm này chống lại vô điều kiện mọi thế giới quan nhất nguyên luận, chống lại mọi tính chân lí phổ biến của trừu tượng lí luận nên kết quả khó tránh khỏi dẫn đến chủ nghĩa tương đối và bất khả tri luận.

Trong trình bày khái quát của Giêmxơ về chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để, “Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để” không chỉ được coi như là một thuyết “công chuẩn” mà còn là “sự trình bày sự thực” và “sự tổng kết khái quát”, tức là một loại thế giới quan. Ông giải thích: “Tôi đặt tên thế giới quan của tôi là “Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để” và tự cho rằng thế giới quan này so với thế giới quan chủ nghĩa kinh nghiệm loại Hium vừa giống vừa không giống. Cái giống nhau là, chúng đều là chủ nghĩa kinh nghiệm, đều đối lập với những người theo chủ nghĩa lí tính⁽¹⁾, đều nhấn mạnh tính thứ nhất sự vật của kinh nghiệm cảm giác cá biệt trong bản thể luận, chủ trương cá biệt của kinh nghiệm có trước cái chung của lí tính, vừa chống lại việc dùng cái gọi là “lí niệm” của tiên nghiệm để giải thích căn cứ tính thực tại của thế giới, lại chống lại việc dùng “vật chất” của siêu nghiệm để thuyết minh bản nguyên của thế giới, có ý

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để”, sđd, tr.22.

đồ vượt qua sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm. Cái khác nhau là: Giêmxơ cho rằng thế giới quan “Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để” của ông càng quán triệt triệt để nguyên tắc chủ nghĩa kinh nghiệm do đó có thể khắc phục nhiều sai lầm của thế giới quan của những người như Hium gây nên vì không quán triệt triệt để nguyên tắc của chủ nghĩa kinh nghiệm, còn ông đi sau những người như Hium, lại nêu lên một loại thế giới quan “chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để” nhằm bày tỏ loại chủ nghĩa kinh nghiệm này “có khác với loại chủ nghĩa kinh nghiệm như loại Hium”.

Dựa theo giải thích của Giêmxơ, giữa thế giới quan “chủ nghĩa thực dụng triệt để” với thế giới quan chủ nghĩa kinh nghiệm của những người như Hium có ba điểm khác nhau.

1. Lí luận của những người như Hium chỉ thừa nhận bản thân sự vật cá biệt trong kinh nghiệm có tính thực tại, phủ nhận tính chất nội bộ sự vật và tính thực tại của quan hệ giữa sự vật, quy kết tính chất và quan hệ của vật là sự sáng tạo của quan niệm chủ thể hoặc sự liên tưởng thói quen trên quan niệm. Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để không chỉ thừa nhận tính thực tại của bản thân sự vật cá biệt, mà còn khẳng định tính chất nội bộ của sự vật và quan hệ giữa các sự vật cũng là kinh nghiệm, là thực tại, khẳng định thế giới đối tượng được kinh nghiệm vốn có tính liên tục. Giêmxơ cho rằng, phủ nhận tính thực tại kinh nghiệm của tính chất và quan hệ sự vật chính là một trong những “tính không triệt để” của chủ nghĩa kinh nghiệm của những người như Hium, loại chủ nghĩa kinh nghiệm không

triệt để này vì phủ nhận tính liên tục của thế giới đối tượng, vì vậy để liên kết thế giới “không liên tục” này không thể không cầu khẩn “tác dụng sáng tạo của lý niệm” của chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm, do đó đã tạo thời cơ tốt cho chủ nghĩa tiên nghiệm và chủ nghĩa lý tính, đi ngược lại tâm nguyện ban đầu của nguyên tắc chủ nghĩa kinh nghiệm. Cho nên Giêmxơ cho rằng, để càng triệt để, một loại chủ nghĩa kinh nghiệm cần phải vừa không tiếp nhận bất kì nguyên tố nào không phải là trực tiếp kinh nghiệm vào các cơ cấu của nó, vừa không nên loại bỏ bất kì nguyên tố nào đã trực tiếp kinh nghiệm ra khỏi cơ cấu của nó. Đối với loại triết học như vậy, bản thân quan hệ của các kinh nghiệm được liên kết cũng cần phải là quan hệ của kinh nghiệm, và bất kì loại quan hệ đã kinh nghiệm nào đều cần phải được xem là “thực tại” và cũng giống bất kì cái gì khác trong hệ thống ấy. Có thể thấy rằng, quan điểm của Giêmxơ đã có sự uốn nắn và bổ sung đối với quan điểm của những người như Hium, có ý nghĩa quan trọng khác phục xu hướng chủ nghĩa chủ quan trong thế giới quan của chủ nghĩa kinh nghiệm của những người như Hium, cũng có chỗ tiến bộ nhất định. Vì thế giới quan chủ nghĩa kinh nghiệm của những người như Hium chính vì phủ nhận tính thực tại khách quan của tính chất bên trong và quan hệ xung quanh thế giới đối tượng nên đã lún sâu vào chủ nghĩa duy tâm. Trước đây chúng ta thường cho rằng “chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để” của Giêmxơ là thuyết kinh nghiệm chủ nghĩa chủ quan “từ đầu đến cuối” so với chủ nghĩa kinh nghiệm của những người như Hium, tất nhiên trái với thực tế.

2. Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để của Giêmxơ giải thích về “kinh nghiệm” càng quán triệt triệt để nguyên tắc của chủ nghĩa kinh nghiệm. Cái gọi là “kinh nghiệm” của chủ nghĩa kinh nghiệm của những người như Hium là những “kinh nghiệm” thấm đượm tác dụng sáng tạo của quan niệm ở bên trong, có lí tính hoặc thành phần ý thức. Theo Giêmxơ, thế giới đối tượng được cấu tạo những kinh nghiệm như vậy, vừa khó tránh khỏi sai lầm của tính tương đối chủ quan, lại là “thế giới kinh nghiệm” không triệt để, không thuần túy, và là vật hỗn hợp của lí tính và kinh nghiệm. Cho nên không thật sự khắc phục hết chủ nghĩa lí tính duy tâm tiên nghiệm, cần khắc phục triệt để hư cấu chủ nghĩa lí tính duy tâm tiên nghiệm, thì không thể dùng “kinh nghiệm” như vậy làm cái gốc của thế giới, mà nên thay nó bằng “kinh nghiệm thuần túy”. Ông nói: “Trên thế giới chỉ có một loại chất liệu nguyên thủy hoặc vật liệu, mọi sự vật đều do chất liệu ấy tạo nên... tôi gọi chất liệu này là “kinh nghiệm thuần túy”⁽¹⁾. Cái gọi là “kinh nghiệm thuần túy” là chỉ tài liệu cảm giác nguyên thủy, hoàn chỉnh chưa chia cắt, chưa bị chủ thể kinh nghiệm đưa vào bất kì thành phần lí tính hoặc ý thức nào, cũng có lúc lại gọi là “dòng đời sống trực tiếp”, “tính hiện thực hoặc tồn tại bình thường thực tế không hào hoa chưa hạn định”. Đối với “kinh nghiệm thuần túy”, người ta chỉ có thể nói là cái “này” độc lập với chủ thể kinh nghiệm và được chủ thể kinh nghiệm đến mà không thể nói rõ ràng trắng đen; mỗi khi người ta có

⁽¹⁾ Giêmxơ: “Chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để”, *sdd*, tr.2.

thể nói rõ ràng trắng đen, thì cái nói ra đấy đã không phải là “thuần”, không trực tiếp, không nguyên thủy nữa. Vì cái đã nói ra đều thấm đượm trong ấy cái lí tính hoặc thành phần ý thức, đã bị lí tính hoặc ý thức đưa vào cái có hạn định nào đấy. Vì vậy, chỉ có người trong trạng thái phi lí tính hoặc vô ý thức mới có thể nhận được sự thể nghiệm đối với “kinh nghiệm thuần túy”, chỉ có “trẻ em mới sinh hoặc người đang mê ngủ bừng tỉnh dậy, uống thuốc, bị ốm, hoặc bị đánh trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê, mới có thể được giả thuyết là có đầy đủ ý nghĩa đối với kinh nghiệm thuần túy này”. Nói một cách khách quan, trình bày về “thuyết kinh nghiệm thuần túy” trên đây, vừa có thiếu sót rõ ràng về lí luận, vừa có ý nghĩa thăm dò tích cực. Một mặt, quan niệm này nói “kinh nghiệm thuần túy” chỉ có những người trong trạng thái phi lí tính hoặc vô ý thức mới có thể có kinh nghiệm, hoàn toàn phủ nhận chủ thể có lí tính có ý thức có thể nhận thức được bộ mặt vốn có của đối tượng khách quan, vì vậy lại tồn tại thiên hướng chủ nghĩa phi lí tính cực đoan và chủ nghĩa thần bí, và rất dễ dẫn đến bất khả tri luận. Mặt khác, loại quan điểm này có ý đồ dùng kinh nghiệm đối với bộ mặt vốn có của sự vật khách quan không mang bất kì tính tương đối chủ quan nào làm bản nguyên của thế giới, rõ ràng có ý đồ khắc phục khuynh hướng chủ nghĩa duy tâm chủ quan của thế giới quan thuyết kinh nghiệm của những loại người như Hium không thể phủ định động cơ chủ quan tích cực trong đó. Ông còn dùng lí luận tâm lí học để phân tích kinh nghiệm, tách biệt rõ ràng “kinh nghiệm thuần túy” thuộc kinh nghiệm của vật tồn tại

khách quan thật sự với “kinh nghiệm” khách quan không thuần túy được chủ thể kinh nghiệm cộng với lí tính hoặc thành phần ý thức nhất định, đã kêu gọi người ta nhận thức sự cấu thành phức tạp của kinh nghiệm nói chung, tiến đến tự giác phân biệt thành phần chủ quan và thành phần khách quan trong kinh nghiệm, chắc chắn có tác dụng tích cực đi sâu nghiên cứu nhận thức luận. Trước đây những bình luận có liên quan của chúng ta phủ nhận giản đơn “thuyết kinh nghiệm thuần túy” của Giêmxơ, cho rằng đó là “học thuyết xằng bậy của trường phái chủ nghĩa duy tâm chủ quan, chủ nghĩa phản lí tính, chủ nghĩa thần bí. Điều ấy rõ ràng đã xem nhẹ ý đồ hợp lí và sự tìm tòi tích cực trên đây trong lí luận này.

3. Thế giới quan “chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để” của Giêmxơ có ý đồ quán triệt “thuyết kinh nghiệm thuần túy” vào ý thức, tư duy đối với vật chất và thuyết minh tính đồng nhất của hai bên tồn tại nhiều mâu thuẫn, phê phán thuyết bản nguyên ý thức duy tâm và bất khả tri luận của thế giới quan Becdy. Theo Giêmxơ, bất khả tri luận trong nhận thức luận và bản nguyên luận ý thức duy tâm trước đây có một sai lầm chung là coi ý thức hoặc tư duy là “bản nguyên” của thế giới có tính thực tại độc lập, nhưng ý thức hoặc tư duy trên sự thực chẳng qua là một loại chức năng của kinh nghiệm thuần túy, bản thân chúng chỉ là “một cái tên trống rỗng không thực thể, không có quyền đứng trong hàng ngũ bản nguyên hàng đầu”. Về vấn đề này, Giêmxơ giải thích rằng, cái gọi là tư tưởng hoặc ý thức đều trong quá trình “hoạt động nhận thức” mới tồn tại, và hoạt

động của nhận thức trên thực tế là dùng một bộ phận kinh nghiệm thuần túy này tiến hành nhận biết hoặc thuyết minh một bộ phận kinh nghiệm thuần túy khác. Vì vậy không có kinh nghiệm thuần túy và quan hệ giữa các bộ phận bên trong kinh nghiệm thì không có ý thức hoặc tư duy. Hơn nữa ý thức hoặc tư duy chẳng qua là một loại chức năng của kinh nghiệm, cho nên cùng một kinh nghiệm, vừa có thể nói là chủ quan, tinh thần, ý thức, vừa có thể nói là khách quan, vật chất, tồn tại. Khi nó được đưa vào quá trình hoạt động vật lí, thì trạng thái tồn tại của bản thân nó là sự tồn tại vật chất; khi nó được đưa vào quá trình hoạt động tâm lí và có quan hệ với các kinh nghiệm thuần túy khác (thực hiện chức năng nhận biết hoặc chức năng bị nhận biết), nó là tinh thần, chủ quan, và bất kì nói nó là chủ quan hay là khách quan, là tồn tại hay là ý thức, nói về ý nghĩa bản thể luận, vẫn là cùng một "kinh nghiệm thuần túy". Như "sơn dầu trong quầy hàng của cửa hiệu sơn dầu, cùng với các sơn dầu khác, thuần túy chỉ là vật chất có thể bán; nếu đem nó sơn trên tấm vải vẽ, xung quanh bồi lên các loại sơn dầu khác, nó lại thể hiện một hình vẽ trên bản vẽ, thực hiện một loại chức năng tinh thần. Tôi cũng cho rằng một bộ phận kinh nghiệm đã xác định, chưa chia, trong một cơ cấu đang liên kết đóng vai trò người hiểu biết, vai trò của trạng thái tinh thần, vai trò của "ý thức", và trong một cơ cấu khác nó đóng vai trò một vật đã biết trong cùng một đoạn kinh nghiệm chưa phân chia, một vai trò "nội dung" khách quan. Tóm lại, biểu hiện của nó trong nhóm này là tư tưởng, biểu hiện trong nhóm kia là sự

vật. Nhưng vì nó có thể đồng thời biểu hiện trong hai nhóm, chúng ta hoàn toàn có quyền nói nó đồng thời vừa là chủ quan vừa là khách quan.

Theo cách nhìn này, Giêmxơ phê phán bất khả tri luận thế giới khách quan của Becolý, đã là kinh nghiệm thuần túy đồng nhất thì có thể đưa vào cơ cấu của hai loại khác nhau tâm lí và vật chất được tính làm hai lần nhưng thực chất vẫn là thực tại đồng nhất. thế thì thực tại đồng nhất này cũng có thể mang ý nghĩa và biểu tượng khác nhau trong rất nhiều người khác nhau, nhưng vẫn là một thực tại đồng nhất. Vì vậy, cái gọi là “không tồn tại đối với mỗi một người đều là thực tại khách quan chân chính” cũng không xảy ra, và, đã là thế giới kinh nghiệm thuần túy đồng nhất vì đưa vào cơ cấu khác nhau nên có ý nghĩa và biểu tượng khác nhau, “giống như cùng một điểm, nếu đưa nó vào điểm giao điểm của các đường thẳng thì có thể kéo dài ra rất nhiều đường thẳng, thế thì cũng giống như “loại bỏ bất kì đường thẳng nào kéo ra từ điểm ấy, và không thể loại bỏ các đường thẳng khác và cũng không loại bỏ bản thân điểm ấy, một quả tim hoặc mấy quả tim bị huỷ diệt, thế giới này vẫn tồn tại”, cái luận điểm của Becolý gọi là “không có quan niệm và cảm giác tồn tại thì không có thế giới thực tại” là không thể có được. Sự phê phán trên đây của Giêmxơ đã đánh đồng giản đơn tư duy và tồn tại, ý thức và đối tượng của ý thức, dùng sự thay đổi khác nhau về chức năng của kinh nghiệm đồng nhất thay thế chủ thể và khách thể trong hoạt động nhận thức, quan hệ đối lập thống nhất của tồn tại chân thực giữa hai bên các mâu thuẫn ý thức và nội dung ý

thức, lấy đó để phê phán bất khả tri luận của nhị nguyên luận và nhận thức luận của thế giới quan, rõ ràng là không khoa học. Nhưng cũng rất rõ ràng là, trong đó phủ định bản nguyên luận ý thức, nhấn mạnh tính khả năng và tính khả tri thực tại của kinh nghiệm thuần túy, phê phán thuyết kinh nghiệm duy tâm chủ quan về vấn đề có liên quan của Becolý. Bất kì như thế nào những vấn đề này cũng khác với chủ nghĩa duy tâm chủ quan “từ đầu đến cuối”. Những bình luận có liên quan trước đây không thấy sự thực này, coi giản đơn cách nói Giêmxơ có liên quan về “hai lớp ý nghĩa của kinh nghiệm” là quan điểm duy tâm thuần túy và phủ định nó, rõ ràng là thiếu thoả đáng.

Thế giới quan chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để của Giêmxơ nhiều lần bày tỏ triết học của Giêmxơ bất kì trên ý nghĩa nào đều không phải là triết học đơn thuần, mà là triết học đúng sai lẫn lộn, đầy rẫy mâu thuẫn và hỗn loạn. Cho nên cần nghiên cứu, phân tích, phê phán khách quan đối với triết học của ông.

Giêmxơ là nhân vật kiệt xuất; cả đời ông tham gia dạy học và nghiên cứu, thành quả rất được người đời ngưỡng mộ. Ông là một học giả có rất nhiều thành tích, là một giáo sư xuất sắc, bất kì sáng tác hay dạy học đều cố gắng nêu quan điểm của mình một cách hình tượng, sinh động và cụ thể. Ông luôn phân tích tỉ mỉ quan niệm của ông thành từng môn từng loại làm nên nghe xếp vào bộ óc mình như xếp gọn quần áo vào tủ vậy; khi cần có thể lấy ra không bị rối loạn, không bị nhàu nát. Ví dụ như, khi miêu tả thế giới quan của các loại nhân vật, Giêmxơ chia họ ra là “kiểu thực tế” và “kiểu

hoang tưởng". Ông coi kiểu thực tế bao gồm người buôn bán, người xây dựng, lãnh tụ chính trị, người theo chủ nghĩa hiện thực và người làm thực tế cầu thực. Kiểu hoang tưởng gồm những nhà không tưởng nhút nhát, nhà ảo tưởng, nhà thơ, nhà nghệ thuật, nhà theo chủ nghĩa lý tưởng và nhà tư tưởng. Giêmxơ cho rằng, bản thân không thuộc bất kì người nào thuộc loại cực đoan ấy, mà là kết hợp hai loại, "loại kiện toàn" được người ta khen ngợi.

Giêmxơ tuy có bộ óc kiện toàn, nhưng sức khỏe không tốt. Trong những năm thành niên, ông bị nhiều căn bệnh như bệnh tim dày vò. Mùa nghỉ hè năm 1906, khi đi du lịch trên dãy núi Adriatic bị lạc đường. Ông hầu như bị kiệt quệ mới tìm được đường về đến nhà và bị liệt.

Ông lại một lần thoát chết, nhưng thể chất và tinh thần của ông khác hẳn nhau. Năm 1907, vì sức khỏe ông thôi dạy ở Đại học Havót và giảng bài từ biệt cuối cùng. Môn học cuối cùng ông giảng ở Đại học Havót là "Hướng dẫn triết học". Khi môn học chấm dứt, các học sinh đã phá bỏ thông lệ, ngoài dự kiến mọi người, đã tặng ông một cái cốc để bày tỏ sự ngưỡng mộ tư tưởng, lòng yêu mến đối với bản thân giáo sư.

Sau một năm, Giêmxơ cảm thấy sức khỏe của mình được bình phục, bèn quyết tâm đi du lịch châu Âu. Ông dự định chuyến du lịch lần này êm đẹp, lành mạnh không quấy rầy ai, nhưng kết quả lại là một lần tiến quân khải hoàn rất cảm động. Đến nơi nào cũng đều có người đi theo sau "giáo sư Uyliam Giêmxơ vĩ đại". Đến nơi nào, người ta cũng kiên trì yêu cầu ông xuất hiện

công khai, ai ai cũng đều cảm thấy hạnh phúc khi được nhìn thấy phong độ của nhà tư tưởng này. Vì tình cảm của mọi người ông không thể không báo cáo chuyên đề về tình hình triết học đương đại tại Học viện Manchetơ nước Anh. Hội trường ngồi chật kín. Khi người ta thấy Giêmxơ bước vào, cả hội trường vang lên tiếng hoan hô như sấm, những đoá hoa tươi tung lên và tiếng vỗ tay không ngớt bày tỏ sự tôn kính của mọi người đối với giáo sư.

Giêmxơ bị đau tim, cuối cùng ông cũng không thể chịu đựng nổi sự dày vò của cơn đau. Mùa hè năm 1910, ông đáp tàu trở về Mỹ, mọi người đều hiểu rõ Giêmxơ không lâu sẽ từ giã cõi đời.

Khi ông sắp về đến nơi, ông rất mệt mỏi ngồi tựa vào ghế thuyền, lầm bầm: “Về đến nhà là rất tốt!” Ngày 26 tháng 8 năm 1910, Giêmxơ 68 tuổi trong sự dày vò của bệnh tật, nhắm mắt một cách luyến tiếc, trở về với vũ trụ vĩnh hằng. Thân thể Giêmxơ bị tiêu tan trên thế gian, nhưng tư tưởng ông mãi tồn tại với thời gian.

MỤC LỤC

• Uyliam Giêmxơ	5
NGƯỜI CON NƯỚC MỸ	
I. Hợp chủng quốc Hoa Kỳ	7
II. Gia đình huyết thống Ailen	11
III. Tiếp thu sự giáo dục kiểu mở	15
CHU DU BIỂN HỌC	
I. Đến trời Âu tìm học	18
II. Tiến sĩ y học	20
III. “Sự hấp dẫn” của triết học	24
NGUYÊN LÝ TÂM LÝ HỌC	
I. Áp dụng được nhiều mặt	34
II. Tự mở con đường mới	38
TRIẾT HỌC TÔN GIÁO	
I. Tôn giáo và luân lý	54
II. Các loại kinh nghiệm tôn giáo	62
CHỦ NGHĨA THỰC DỤNG	
I. Triết học là tinh hoa của tinh thần thời đại	68
II. Xuất xứ của chủ nghĩa thực dụng	73
III. Từ Piécxơ đến Giêmxơ	78
IV. Hệ thống triết học của chủ nghĩa thực dụng	87
CHỦ NGHĨA KINH NGHIỆM TRIỆT ĐỂ	
I. Chủ nghĩa thực dụng và chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để	130
II. Thế giới quan đa nguyên luận của chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để	133

Chịu trách nhiệm xuất bản:

LÊ DẦN

Biên tập:

QUỐC TUẤN - PHAN HOÀI - NGUYỄN QUỲNH UYÊN

Trình bày:

HỒNG VÂN

Thiết kế bìa:

HỒNG DƯƠNG

Sửa bản in:

HÀ MY

Tổng đại lý phát hành:

Nhà sách Đông Tây

• 466 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.

ĐT/Fax: (04) 7733041

• 32 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT/Fax: (04) 8251374

Vương Ngọc Bình

UYLIAM GIẾMXƠ

Quang Lâm dịch

Dương Vũ hiệu đính

Nhà xuất bản Thuận Hóa, 33 Chu Văn An - Tp. Huế

Trung tâm VHNN Đông Tây, 8 ngõ 91 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội

Uyliam Giếmxơ - nhà triết học Mỹ, "nhân vật hạt nhân" của "chủ nghĩa thực dụng" và được coi như người mở đường cho lịch sử phát triển tư tưởng nước Mỹ. Cuốn sách giúp độc giả hiểu rõ thêm về con người, sự nghiệp và những công trình khoa học của ông.

In 1000 cuốn khổ 13x19 tại Xí nghiệp in ACS-50 Đình Tiên Hoàng

Kê hoạch XB số 32/1127 XB-QLXB của CXB cấp ngày 29-8-2003

Giấy phép xuất bản số: 2400-QĐ/XBTH của Nxb Thuận Hóa cấp ngày 23-9-2003

In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2004

Tìm đọc:



TỦ SÁCH TRIẾT HỌC ĐÔNG TÂY
(TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY)

● **ARISTOTE.**

Tác phẩm triết học (Đạo đức học của Nicomache, Nghệ thuật thơ ca).

● **Phridrich Nitso.**

DI KIỆT HÙNG (chủ biên)

● **MARTIN HEIDEGGER.**

Tác phẩm triết học (Siêu hình học là gì, Thư về nhân bản chủ nghĩa, Triết học là gì, Trên đường đến với ngôn ngữ)

● **NGUYỄN HÙNG HẬU.**

Triết lý trong văn hóa Phương Đông.

uyliam giemx[



16.000 V

PHÁT HÀNH TẠI



NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY

32 Bà Triệu - Hà Nội. ĐT: 9348484 - Fax: 8251374
466 Nguyễn Chí Thanh - Hà Nội. ĐT: 7733041

Giá: 16.000đ